

BÁCH KHOA

10

I THÁNG SÁU 1957

Trong số này :

HUYNH-VĂN-LANG	Thử tìm một giải-pháp để giải-quyết vấn-đề phân-phối hàng-hóa
HOÀNG-MINH-TUYNH	Rút-Xô với bộ Dân-tốc luận
Cha Tuyên-Úy NGUYỄN-HUY-LỊCH	Người trước dư-luận
NGUYỄN-VĂN-BA	Vua Thần-Nông nếm thuốc
NGUYỄN-TỬ-QUANG	Cần xây-dựng một cảm-quan đúng-dẫn trong khi đọc truyện Tàu
NGUYỄN-HUY-THANH	Vấn-đề bảo-hiêm (bảo-kê)
BÌNH-NGUYỄN-LỘC	Tần-Thi-Hoàng, một ông vua nhiều sáng-kiến
THUẦN-PHONG	Lễ giá-thú trong câu hò miền Nam
TUYẾT-NGA	Chung quanh vấn-đề nam nữ bình-quyền
K. C. THANH-TRUNG	Quê tôi miền Bình-Định (Thơ)
LÊ-VĂN	Anh Mười-Méo (truyện ngắn)
MẶC-THU	Lan Tinh Sử
TỪ-VU (bản dịch của Vi-Huyền-Đặc)	Nhất gia (truyện dài)

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới:

- HUỖNH-VĂN-LANG : *Kinh-tế Việt-Nam đi về đàu.*
HOÀNG-MINH-TUỖNH : *Rút-xô với bộ Dân-ước luận*
(tiếp theo)
PHẠM-NGỌC-THẢO : *Vấn-đề xử-dụng người.*
THIÊN-GIANG } *Ích-lợi của Tân-giáo-dục đối*
với sự phát-triển của trẻ em.
TỪ-QUYÊN } *Sơ-lược về nền mỹ-thuật*
ĐẶNG-VĂN NHÂM } *Việt-Nam.*
NGUYỄN-HUY-THANH : *Vấn-đề bảo-hiêm (tiếp theo)*
KHOA-HƯỚNG-DƯƠNG } *Lá cờ (đối-thoại)*
và
TÂN-FONG-HIỆP }
CẦM-VÂN : *Trăng thôn-dã (Chơ)*
VÕ-PHIẾN : *DUNG (Truyện ngắn)*
LÊ-VĂN : *Con chó bé-dẻ*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Giá tiền trên đã tính cả cước-phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** – Đốt cháy liền
- U** – Khởi mất ngày giờ
- T** – Không khói, không bụi
- A** – Dùng nấu nướng các thứ
- G** – Không làm nhút dầu hay cay mắt
- A** – Khởi phải coi chừng ngọn lửa
- Z** – Một bình hơi dùng :

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 ki-lô-vát điện

THỬ TÌM MỘT GIẢI - PHÁP ĐỂ

GIẢI - QUYẾT VẤN - ĐỀ PHÂN - PHỐI HÀNG-HÓA

HUỖNH-VĂN-LANG

TRONG những tháng gần đây, nhiều biện-pháp kinh-tế tiền-tệ cũng được áp-dụng một lúc đã gây ra sự giảm-pháp hết sức sâu rộng. Thị-trường tự-do hoạt động từ 10 tháng nay: chánh-sách tiền-tệ mới của Ngân-hàng Quốc-Gia: đem phân-xuất lưu-trữ pháp-lý từ 10.1¹ đến 20.1¹, thâu tiền đối-chiếu của các ngân-hàng tư. . . ; vấn-đề ký-quỹ 350.000\$-(1) mỗi môn-bài nhập-cảng; chánh-sách thuế-vụ mới được áp-dụng từ nguồn-gốc và tin-dụng quan-thuế bị siết chặt lại v. . . Tất cả những biện-pháp ấy thu hút khỏi thị-trường tiền-tệ và tin-dụng cả năm bảy tỷ bạc. Cái khối-lượng (volume) tiền-tệ bị thâu hẹp lại triệt-đề càng bị thâu hẹp hơn nữa nếu ta xét về mặt lưu-thông tiền-tệ (vitesse de la circulation) Sự lưu-thông tiền-tệ bị ngưng-trệ vì sự lưu-thông hàng-hóa bị ngưng-trệ nếu không bị gián-đoạn.

Các biện-pháp kinh-tế tài-chánh tiền-tệ đã giảm hẳn vừa khối-lượng tiền-tệ tin-dụng vừa sự lưu-thông của nó. Hiệu-quả của sự giảm-phát này có nhiều; cái trực-tiếp và dễ thấy nhất là các ngân-hàng thiếu tiền, các kỹ-nghệ gia khó bề tập-trung vốn-liếng và nhất là các thương-gia, riêng các nhà xuất-nhập-cảng lại bị eo-hẹp tài-chánh đến phá sản, hàng-hóa ứ-đọng càng ứ-đọng mà giá cả lại lên. . .

Bài này không chú-trọng đến chính các biện-pháp nói trên, vì thực ra các biện-pháp ấy tự nơi nó thì là hợp-lý và phải được áp-dụng. Tác-giả bài này chỉ muốn lưu-ý đến những hiệu-quả của nó và thử tìm một giải-pháp thích-hợp, hy-vọng giúp được các thương-gia Việt-Nam, nhất là các nhà nhập-cảng, ra khỏi tình-trạng nguy-ngập hiện giờ.

(1)— Đang viết bài này, tác-giả được biết Chánh-phủ sẽ trả một phần tiền ký-quỹ. Nhưng một giải-pháp này cũng không giải-quyết được vấn đề tiền, huống lại là vấn đề phân-phối hàng-hóa.

Cho được ra khỏi tình-trạng khó-khăn hiện giờ, có những giải-pháp được đưa ra và đề-nghị lên chánh-quyền. Những biện-pháp ấy chung-qui chỉ xin chánh-quyền xem lại những biện-pháp đã được áp-dụng, nghĩa là ít nhiều, người ta muốn trở lại tình-trạng tự-do, rộng-rãi như trước kia. Đã đành, nếu những biện-pháp ấy đã sanh ra khó-khăn, thì chỉ có trở lại, bỏ các biện-pháp ấy ít nhiều là tránh được khó-khăn ngay. Nếu trở lại chỉ một cái này hay một cái kia thì cũng không sao tránh được khó-khăn mà có khi còn làm khó-khăn thêm: muốn trở lại cho có hiệu-quả thì phải nhất-tri trở lại, sửa đổi cùng một lúc các biện-pháp ấy. Nhưng tác-giả bài này lại thiết nghĩ: đã đành trở lại chỉ mỗi một biện-pháp thì không làm gì xoay trở tình-hình được mà hơn nữa, trở lại sửa đổi tất cả các biện-pháp ấy một lúc thì cũng không xoay trở tình-hình được. Còn như nếu trở lại, sửa đổi ít nhiều các biện-pháp ấy một lúc có tránh khỏi được sự khó-khăn hiện giờ thì cũng chỉ là giải-quyết tạm vấn-đề hay chỉ triền-hoãn vấn-đề thôi. Tại sao?

Lúc áp-dụng các biện-pháp kinh-tế, tiền-lệ... một yếu-tố chánh-trị hết sức quan-trọng đã chen vào, là chánh-sách đối với Hoa-Kiều. Những biện-pháp đối với Hoa-Kiều là do chánh-sách của Chánh-phủ và là ý chung của toàn-dân lâu nay. Nhưng sự áp-dụng chỉ đi đến chỗ quyết-liệt và dứt-khoát gần đây thôi. Sự-kiện mới này vượt quá (dépasser) các giải-pháp kinh-tế tiền-lệ... nói trên và đòi hỏi vấn-đề kinh-tế... thành ra một vấn-đề vô cùng phức-tạp vừa kinh-tế tiền-lệ... vừa chánh-trị, mà cái điểm chánh nó là sự thay thế Hoa-Kiều trên thị-trường nội-địa. Thành-thử trở lại cái biện-pháp kinh-tế tiền-lệ... ấy để giải-quyết một vấn-đề phức-tạp như trên thì không sao giải-quyết cho dứt-khoát và toàn-diện được.

Sự thay thế Hoa-Kiều ở lãnh-vực kinh-tế bây giờ là vấn-đề chánh. Thành thử phải tìm một giải-pháp để thực-hiện mục-đích ấy đã, rồi nếu cần phải trở lại, phải sửa đổi hay bỏ đi các biện-pháp được áp-dụng hiện giờ thì phải nhất-tri hướng-úng theo đề đoạt cho kỳ được mục-đích chánh của chúng ta. Một điều nên lưu-ý nữa là đừng lẫn-quẫn và mất thì giờ ở các biện-pháp lâm-thời. Tốt hơn là nhắm vào đại-sự và dùng phương tiện thích-hợp. Nếu các độc-giả không đồng-ý với tôi rằng đại-sự hiện giờ không phải cái gì khác hơn là sự thay thế Hoa-Kiều thì những trang viết sau đây chỉ làm mất thì giờ cho các bạn.



Bảo rằng thay thế Hoa-Kiều ở lãnh-vực kinh-tế thì có hơi rộng quá, cho nên cần phải thu gọn vấn-đề hơn. Các sự khó-khăn do các nhà nhập-cảng ta gặp hiện giờ chính là bởi sự phân-phối hàng-hóa bị tê-liệt hay gián-đoạn. Xưa nay phân-sự phân-phối hàng-hóa ở trong tay Hoa-Kiều, điều này không ai chối cãi được.

Cũng có một vài món hàng ở ngoài vòng « cương-lỏa » của Hoa-Kiều, nhưng thực ra chỉ có đôi ba món đếm ở đầu ngón tay được. Hoa-Kiều chỉ-phối hẳn thị-trường nội-địa của ta, đó là tình-trạng mà chế-độ thuộc-địa đã để lại. Người Việt có chút lòng tự-ái, khi nghĩ ngay đến tình-trạng bị đô-hộ đó, cũng phải nghĩ ngay đến ngày « giải-phóng ». Nhưng cho được giải-phóng thì cần phải biết địch ở đâu và lực-lượng thế nào.

Hoa-Kiều chỉ-phối thị-trường nội-địa, là làm bá chủ ở lãnh-vực phân-phối hàng-hóa, mà sự phân-phối hàng-hóa ở các nước và nhất là ở Việt-Nam ta, hoàn-toàn dựa hẳn trên hệ-thống tín-dụng. Đút hệ-thống tín-dụng từ giai-đoạn nhập-cảng (hay sản-xuất) đến giai-đoạn bán lẻ tức là giải-quyết được 90% vấn-đề phân-phối hàng-hóa. Ai nắm được hệ-thống tín-dụng ấy là nắm được thị-trường nội-địa. Điều quả-quyết này càng được chứng-minh nếu ta khảo-sát thêm về lực-lượng Hoa-Kiều ở thị-trường của ta. Thương-gia Hoa-Kiều, ngân-hàng và các tổ-chức kinh-tế của họ cho tín-dụng cho nhau hết sức rộng-rãi. Tài-chánh của họ đã mạnh, một điều ta lo ngại nhưng lo ngại không bằng lực-lượng tín-dụng của họ : tài-chánh của ta đã yếu mà tín-dụng của ta (cái ta hưởng và cái ta cho kẻ khác) lại hết sức eo-hẹp. Có người bảo rằng : Hoa-Kiều họ không lường-gạt nhau và họ triệt-đề tin cậy nhau, một yếu-tố và là yếu-tố chánh của mọi hình-thức tín-dụng mà người Việt ta thiếu. Điều ấy cũng đúng phần nào, nhưng tác-giả bài này lạc-quan hơn và nghĩ rằng : người Việt thuộc-địa làm biếng vì cái gì cũng có « cha mẹ quan thầy » lo cho, người Việt thuộc-địa ăn cắp, nói láo... vì được « bề trên » giáo-dục như thế kia mà. Nhưng người Việt độc-lập không thể làm biếng, ăn cắp, nói láo nữa được. Nếu bảo người Việt kém tài hơn Hoa-Kiều thì lại còn sai hơn nữa. Nhưng quả-quyết trên không cần phải chứng-minh vì những kinh-nghiệm qua cũng đủ cho ta biết người Việt ngày nay đáng tin cậy và xứng-đáng hơn trước kia. Đã hay cũng không khỏi có những trường-hợp rất đáng tiếc để chứng-minh ngược lại : nhưng ai đã thí-nghiệm rồi và thí-nghiệm được bao nhiêu kia đã ?



Giải-pháp đề-nghị ra đây cũng là một thí-nghiệm mà tôi tin chắc rằng sẽ thành-công vì tôi tin-tưởng ở những đức-tính của những người Việt độc-lập. Hơn nữa giải-pháp này chỉ là giải-pháp độc nhất để giải-quyết dứt-khoát vấn-đề. Cũng như mọi giải-pháp, vấn-đề càng khó khăn thì giải-pháp càng khó áp-dụng. Nhưng vấn-đề khó khăn hiện giờ thì làm sao giải-quyết bằng một giải-pháp dễ-dãi được ? Cho nên giải-

pháp đưa ra đây đòi hỏi nhiều cố-gắng của chánh-quyền cũng như của các thương-gia Việt-Nam nói chung và các nhà nhập-cảng Việt-Nam nói riêng. Nhưng phải cố-gắng vì không cố-gắng thì sẽ chết hết. Tình-trạng bây giờ của các nhà nhập-cảng là thiếu tiền, mà thiếu tiền vì bởi hàng-hóa bán không được hơn là phải đóng thuế, ký quỹ, đóng ngân-khoản ... Nếu hàng-hóa bán ra được, phân phối được thì đồng tiền sẽ lưu-thông lại như trước ngay. Nếu giải-quyết được vấn-đề tiền của các nhà nhập-cảng mà không giải-quyết được, vấn-đề phân-phối thì giới lắm là giải-quyết được vấn-đề ứ đọng ở bến tàu, vấn-đề nợ nần của ngân-hàng ... Phải có một giải-pháp vừa giải-quyết vấn-đề tiền của các nhà nhập-cảng cũng vừa giải-quyết được vấn-đề giá cả, điều-hoà thị-trường, thay thế Hoa-kiều hẳn ... Hoa-kiều làm trung-gian phân-phối hàng-hóa ngày nay vì lẽ gì không hoạt-động nữa, thì ta phải có một giải-pháp đưa người Việt thay thế Hoa-kiều chính cái chỗ phân-phối ấy.

Hai đối-tượng của giải-pháp ấy là :

A — Các nhà nhập-cảng kẹt vốn lư-tung, hiện thiếu tiền vì không bán hàng được, dù là bán dưới giá chánh-phủ cho. (Tiền)

B — Hệ-thống phân-phối hàng-hóa dựa trên hệ-thống tín-dụng. Giải-quyết được vấn-đề tín-dụng là tránh được rất nhiều khó khăn. (Tín-dụng)

Tiền và tín-dụng là tất cả ý-nghĩa của giải-pháp đề-nghị ra đây, gồm có mấy điểm chánh :

1) — Thành-lập Hợp-tác-xã phân - phối hàng-hóa cho mỗi ngành nhập-cảng ;

2) — Các nhà nhập-cảng sẽ gia-nhập từng ngành một.

3) — Chánh-phủ sẽ cho Hợp-tác-xã vay một số bạc, kiểm-soát và ủng-hộ hợp-tác-xã ;

4) — Việt-Nam Thương-Tin hay các ngân-hàng Việt-Nam nhận chiết-khấu những thương-phiếu do các nhà nhập-cảng phát-xuất (tirer) tên Hợp-tác-xã ;

5) — Hợp-tác-xã sẽ tổ-chức hệ-thống tín-dụng do Việt-Nam Thương tin và ngân-hàng Việt-Nam cho ;

6) — Hợp-tác-xã tổ-chức hệ-thống phân-phối hàng-hóa cho các nhà bán lẻ ;

7) — Không bắt buộc các nhà nhập-cảng phải bán và bán tất cả cho Hợp-tác-xã và Hợp-tác-xã không bị bắt buộc phải mua hàng-hóa của xã-viên nếu hàng-hóa không có thể phân-phối được.

Một ví-du :

Nếu hiện giờ có 200 nhà nhập-cảng vải mà họ chung với nhau mỗi người 10.000\$ một cổ-phần để lập Hợp-tác-xã phân-phối vải với số vốn là 2.000.000\$. Chánh-phủ sẽ cho Hợp-tác-xã vay ví-dụ 20 triệu. Khi nhà nhập-cảng có vải, hoặc còn để dưới kho thương-khẩu vì không có tiền lấy ra, hoặc đã lấy ra để tại kho nhà mà không bán ra được, hoặc hàng-hóa sắp đến mà không có tiền trả để lấy tài-liệu v.v... nếu họ muốn bán và nếu Hợp-tác-xã thấy món hàng ấy có thể tiêu-thụ được, phân-phối được mà chịu mua, thì nhà nhập-cảng phát-xuất một thương-phieu tên Hợp-tác-xã. Nhà nhập-cảng đem thương-phieu chiết-khấu ở Việt-Nam Thương-Tin hay Ngân-Hàng nào khác. Việt-Nam Thương-Tin, sau khi Hợp-tác-xã ký nhận thương-phieu, đưa tiền cho nhà Nhập-cảng. Như thế nhà nhập-cảng sẽ có tiền ngay để mua hàng khác hay lấy hàng khác ra; Hợp-tác-xã vừa được có hàng, vừa được hưởng tín-dụng của Ngân-Hàng. Nếu thương-phieu là 60 ngày thì Hợp-tác-xã sẽ có hàng và tín-dụng 60 ngày, đem phân-phối hàng-hoá và góp liền trước 60 ngày để trả lại cho Ngân-Hàng. Ngân-Hàng bằng lòng chiết-khấu vì biết Hợp-tác-xã có. Chánh-Phủ kiểm-soát và nâng đỡ không sợ Hợp-tác-xã phá sản mà không trả tiền. Điều nên lưu-ý nhất là Hợp-tác-xã khi được hàng-hoá mà còn được tín-dụng đến 60 ngày thì chắc chắn có thể bán được, góp được tiền trước 60 ngày và dựa trên 60 ngày tín-dụng ấy mà có thể cho tín-dụng lại các nhà bán lẻ ở Sàigòn và các tỉnh chẳng hạn.

Nói riêng về ngành vải - bò, các ngành nhập-cảng khác cũng theo từng ngành một mà lập Hợp-tác-xã phân-phối hàng-hoá. Bài này không đi vào chi tiết và kỹ-thuật Hợp-tác-xã, nhưng cũng không quên lưu-ý là cái gì cũng phải đi từ từ, không lẹ chạp, không hấp tấp.



Hai cái lợi chánh của giải-pháp trên là một hệ-thống tín-dụng xưa kia do người Tàu tổ-chức, Hợp-tác-xã có thể tổ-chức và thay thế người Tàu được. Cái lợi thứ hai là vấn-đề eo-hẹp tiền-lệ của các nhà nhập-cảng được giải-quyết được.

Hai cái lợi tức thời ấy còn giúp được Chánh-Phủ giải-quyết vấn-đề thay thế người Tàu ở lãnh-vực phân-phối hàng - hóa và nhờ tiền-tệ lưu-thông vào tay các thương-gia, Chánh-Phủ sẽ dùng hết ngoại-viện, tức là tránh cho ngân-sách khỏi phải hao hụt. Giải-quyết được tín-dụng là giải-quyết được vấn-đề phân-phối và vấn-đề thị-trường cùng giá cả. Dùng hết ngoại-viện tức là giải-quyết được vấn-đề ngân-sách. Giải-quyết được vấn-đề ngân-sách tức là giải-quyết được một phần lớn vấn-đề tiền-lệ và giá-trị đồng bạc.



Giải-pháp trên đây cũng như một giải pháp khác không tránh khỏi nhiều cái khó khăn mà ta có thể viện ra chống lại.

1 — Vấn-đề Hợp-tác-xã chỉ thành-lập và thành-công được khi nào các xã-viên đến một trình độ giáo-dục Hợp-tác-xã thuận-tiện. Điều này cũng đúng nhưng nên lưu-ý là những xã-viên đầu tiên ở thế-kỷ 19 đều được giáo-dục Hợp-tác-xã bao giờ, thế mà họ vẫn thành-lập được và thành-công có dư-âm đến giờ. Thực ra lý-do chánh Hợp-tác-xã không phải là sự hiểu biết song là nhu-cầu Hợp-tác (xem bài Hợp-tác-xã ở Bách-Khoa số 3, 15-2-1957). Các nhà nhập-cảng Việt-Nam ta hiện giờ cần phải Hợp-tác hay không? Câu trả lời đã rõ ràng, nếu họ không muốn phá sản, không muốn chết, nếu họ muốn thay thế Hoa-Kiều...

2 — Vấn-đề Hợp-tác-xã là vấn-đề người, nhất là người điều-khiển. Phải lắm, nhưng không lẽ trong xã-hội của ta kiểm không ra được một ít phần-tử xứng-đáng để điều-khiển Hợp-tác-xã hay sao? Còn các nhà nhập-cảng, nếu họ không chịu ngồi chung với nhau vì quyền lợi riêng của họ, thì phải để cho họ chết. Nhưng tôi hy-vọng họ sẽ ngồi chung với nhau nếu họ được Chánh-Phủ nâng đỡ một phần và nhất là nếu họ thấy quyền-lợi của họ được đảm-bảo hơn. Họ đã bán cho Hợp-tác-xã đủ lời theo giá Chánh-Phủ; họ còn được hy-vọng hưởng tiền hồi-khấu (Ristourne) Hợp-tác-xã là khác nữa. Và hơn nữa 1 1/2 Hợp-tác-xã là giải-pháp duy nhất để họ sống, sống lâu và sống tự-lập thì họ vừa có phần sự, vừa vì quyền lợi phải gia-nhập và hy-sinh một hai cái để giải-quyết được cả vấn-đề. Cái chánh là phải chỉ cho họ biết ở đâu là một giải-pháp duy nhất.

3 — Nói đến vấn-đề tin-dụng nhất là ở giai-đoạn phân-phối thì phải nói đến vấn-đề tín-cây. Như đã nói trên, nếu không thí-nghiệm thì không biết đâu là đúng ở đâu là sai. Nếu có sơ sót thì không lẽ sơ sót 100%. Nhưng ta còn có phương-pháp kiểm-soát kia mà. Nếu bảo rằng kiểm-soát Hợp-tác-xã và hệ-thống phân-phối rất phức-tạp và khó-khăn thì xin trả lời: biện-pháp kiểm-soát tổng-quát hiện giờ lại còn khó-khăn phức-tạp và hao-tốn hơn thật phần, thế mà hiệu-quả đã là bao nhiêu?

Nếu Chánh-Phủ giúp 100 triệu mà mất cả 100 triệu (một giả-thuyết không thể có được) thì cũng nên làm, vì so sánh lại bao nhiêu cái lợi Hợp-tác-xã đem lại cho Chánh-Phủ. Nếu cần phải thí 100 triệu để đem vào ngân sách 1 hay 2 tỷ bạc đối-chiếu do viện-trợ thì có nên và phải làm hay không? Hơn nữa nếu tốn 100 triệu mà giải-quyết vấn-đề đô-hộ của Hoa-Kiều, vấn-đề thị-trường, vấn-đề giá cả, thì thực là rẻ vô cùng.

4 — Một giải-pháp cũng không đủ để giải-quyết tất cả vấn-đề một cách dứt-khoát. Nhưng biết đâu là vấn-đề chánh, ở đâu là vấn-đề phụ, để tìm những giải-pháp quyết-định và những giải-pháp phụ-thuộc, cùng áp-dụng nhưt trí một lúc thì mới hy-vọng thành công. Muốn đi nhanh mà không biết ở đâu là chánh ở đâu là phụ thì chỉ tỏ mất thì giờ, hao nghị-lực.

Các biện-pháp hiện giờ cần phải xem lại và sửa chữa hoà - hợp nhau, nhưng không phải đó là những biện-pháp dứt khoát và trường cửu. Các biện-pháp hiện giờ chỉ nên sửa chữa cho phù-hợp để giải-pháp chánh là giải-pháp giải-quyết vấn-đề phân-phối được thực-hiện và thành-tựu thì mới có nghĩa. Còn như sửa chữa để trở lại tình-trạng hỗn-độn trước kia hay là làm trở ngại không cho phép một giải-pháp quyết-liệt được thực-hiện và thành-tựu thì là công-nhận một sự làm-lấn đã làm bằng một cái làm-lấn to hơn. Tại sao? Vì chỉ có lúc này là lúc thuận-tiện nhưt để giải-quyết và bắt các thương-gia Việt-Nam ta nhưt trí hợp-tác với chánh-quyền để giải-quyết một vấn-đề cố-cựu xưa nay chưa ai dám và giải-quyết được...

Kết - luận

Nhiều lúc thương-gia phải tự hỏi: Không biết ý của chánh-quyền là muốn cho các thương-gia nói chung và riêng các thương-gia Việt-Nam chết hay sống, và hơn nữa muốn cho thương-gia Việt-Nam thay thế ngoại-kiểu hay không? Nếu muốn cho họ sống và thay thế ngoại-kiểu thì phải để cho họ sống đã, và sống hơn ngoại-kiểu. Nhưng trên thực-tế thì các thương-gia Việt-Nam làm gì tranh đấu với ngoại-kiểu trong những điều-kiện đồng-nhất được, vì khi-giới của hai đảng hết sức chênh-lệch. Ví dụ: một cái vấn-đề mức lời nhất định cho các nhà nhập-cảng với Pháp và Việt. Tài - chánh, nhà nhập - cảng Pháp vẫn hơn; Tín-dụng nhà nhập-cảng Pháp được vừa rẻ và vừa dồi-dào hơn; liên-lạc thương-mại (ta gọi là hoa - hồng, là tiền hồi-khấu) với nhà sản-xuất, nhà nhập-cảng Pháp vẫn hơn, không nói đến trường-hợp mà nhà nhập-cảng Pháp ở Việt-Nam lại là nhà sản-xuất hay chung đưng với nhà sản-xuất ở Pháp.

Nhưng nếu ta muốn cho thương-gia không riêng gì người Việt chết thì sao? Thực ra trong mấy năm gần đây, lãnh-vực thương-mại (X) bộc-phát và bành-trướng quá to lớn lấn-áp cả lãnh-vực sản-xuất (Z) càng ngày càng bé nhỏ lại. Muốn chấn hưng kinh-tế và tự-lập, tức nhiên phải làm thế nào cho lãnh-vực sản-xuất (Z) bành-trướng to lớn dần dần. Mấy năm gần đây lợi-tức quốc-gia (Y) dựa hẳn trên lãnh-vực thương-mại ($Y = X + Z \dots$) nhưng nếu ta muốn đưa tài-

nguyên (nghĩa rộng) từ X qua Z mà chỉ nghĩ đến việc giảm bớt X mà không nghĩ đến việc gia tăng Z, thì chung quy Y phải xuống. Đó là lẽ dĩ nhiên. Nhưng tất cả mục-tiêu của chánh-sách kinh-tế là: nếu không đem Y lên được thì ít ra phải giữ Y cho vững. Đó là điều-kiện tối cần để tiến-hoá dù là tiến-hoá gì. Tại sao? Vì chính Y sẽ sanh ra tiêu-thụ, đầu-tư, sản-xuất, thuế má... Nếu chưa đem Z lên mà lo bớt X tức nhiên là Y bị giảm. Mức lợi-lãi quốc-gia (Y) xuống thì làm sao đeo đuổi được mục-đích nhân-sinh (tiêu-thụ, giáo-dục), mục-đích kinh-tế (đầu-tư, sản-xuất), mục-đích tài-chánh (thuế-vụ)...

Nhưng các thương-gia nhưt là thương-gia Việt-Nam muốn sống hay phải chết? Câu hỏi đã được trả lời rất nhiều bằng lời nói hơn là hành-động. Song sự trả lời bằng hành-động không thể thi-hành được một cách đơn-chiết hoặc do một mình Chánh-phủ hay một mình giới thương-gia, hay riêng từng thương-gia một.

Chỉ-trích chánh-sách hay biện-pháp của Chánh-phủ mà chính mình mình không ~~thoả~~ qua khỏi lời nói để đi đến hành-động; chính mình mình tán lạc mạnh ai nấy tháo vát, nấy chạy chọt, nấy xin xỏ vay mượn; chính mình mình không trông vào lực-lượng hợp nhưt của mình mà chỉ trông vào ông này ông kia hay Chánh-phủ... thì chỉ luống công vô ích và làm một việc lỗi thời, vì chính các biện-pháp ấy đã bị vượt quá rồi kia mà!

Các thương-gia ta, không riêng gì các nhà nhập-cảng, muốn tranh-đấu với ngoại-kiều thì trước nhưt phải biết hợp-lạc với nhau. Hoa-kiều đồ-hộ Việt-Nam về mặt kinh-tế được, chỉ vì trước nhưt họ biết hợp nhưt với nhau và các tổ-chức tài-chánh tin-dụng của họ nhưt tri đứng sau lưng họ. Chống lại một lực-lượng củng-cố trên sự hợp-nhưt thì chỉ lực-lượng hợp-nhưt mới đảm-đương và thành-công được. Các tổ-chức tài-chánh tin-dụng Việt-Nam sẽ nhưt tri đứng sau lưng chúng ta, chỉ với một điều-kiện là chúng ta hãy hợp-nhưt đi. Sự tin cậy và tài-năng thì chúng ta sẽ chứng-minh bằng thí-nghiệm, bằng việc làm:

**« Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây dùm lại nên hòn núi cao. »**

HUỖNH-VĂN-LANG

Danh-ngôn, danh-lý trong số này quy về ý chính

« NGHỆ - THUẬT SỐNG »

RÚT - XÔ VỚI BỘ DÂN-U'ỐC LUẬN

HOÀNG-MINH-TUYNH biên-khảo

**Vấn - đề căn - nguyên
quyền-hành : khế-ước xã-hội.**



ẤT luận ở thời-đại nào, phàm người có suy-xét đều tự-hỏi tại sao lại có xã-hội và quyền-hành của kẻ thống-trị nhân - quần trong xã-hội căn-cứ vào đâu ? Cái

câu hỏi về căn - nguyên quyền - hành đó thế tất gây ra nhiều hậu-quả lớn lao về tổ-chức chính-trị một nước vì nếu ta truy đến căn-nguyên quyền - hành, tự-nhiên ta phải xác-định điều này là với những điều-kiện nào quyền-hành nằm trong tay một người có thể coi là chính-dáng và ta có thể xét lại xem các người đang nắm quyền-hành trong tay hiện nay có đủ tư-cách để nắm nó không ? Chính Rút-Xô đã theo cái phương-pháp suy - luận diễn-dịch đó khi ông đề-cập tới vấn-đề chính-trị, khác hẳn với Mông-tét-ky-ơ đã dùng phương-pháp thực-nghiệm là quan-sát.

Nhân-loại trước khi sống thành đoàn-thể là xã-hội dưới một quyền-uy chung, thì đã sống trong trạng-thái thiên-nhiên tự-do, không chịu khuất-phục một quyền-uy nào và không có liên-hệ gì với nhau cả. Vậy nên khi ta giải - thích được nhân-loại từ trạng-thái sinh-hoạt thiên-nhiên chuyển sang trạng-thái sinh - hoạt

xã-hội thế nào, tất nhiên ta giải-thích được cái nền-tảng., cái căn-cứ của mọi quyền-hành chính-trị. Người ta thường đồng-ý công-nhận rằng xã-hội phát-sinh là do thành-phần trong đó thỏa-thuận với nhau lập một khế-ước. — Grotius trong tập *De jure belli ac pacis* (1625), Hobbes trong tập *Leviathan* (1651), Locke trong tập *Khái-luận về chính-thể dân-sự* đều đã từng đề-cập đến vấn-đề khế - ước xã-hội, duy đến Rút - Xô thì vấn - đề được mở-xẻ một cách chặt-chẽ tinh-tế hơn.

Trước hết, Rút-xô nhận thấy có sự tương-phản rõ-rệt giữa trạng-thái thiên-nhiên trong đó nhân-loại còn đang được tự-do, bình-dẳng, và trạng-thái hiện nay trong đó mọi người chúng ta đầu đầu cũng bị « xiềng-xích gông-cùm » ! Người ta có thể tự hỏi vì đâu và tại sao nhân-loại lại có thể từ một trạng-thái thần tiên lâm vào một trạng-thái đen tối như vậy ? Đó chỉ là tại người ta quên mất vì đâu và tại sao nhân-loại chịu « thu » mình hợp thành xã-hội và đặt mình dưới một quyền-uy chung mà thôi.

Trước hết Rút-Xô minh - chứng rằng căn-nguyên uy-quyền trong xã-hội không phải là do bởi kẻ mạnh áp-bức kẻ yếu hoặc do bởi dân-tộc này chinh-phục dân-tộc kia mà ra. Đối với những người đã được tự-do và bình-dẳng chỉ có một cách khả - dĩ đưa họ tới chỗ hợp thành

xã-hội đó là : tự-do thỏa-thuận kết-thúc với nhau một khế-ước mà chung sống, đề-đuy - trì sự tồn-tại của mình trên trái đất.

**Các điều khoản trong
khế-ước xã-hội :
bảo-vệ tự-do và quyền-lợi
của cá-nhân.**

Sau khi đã minh-chứng xã-hội sở dĩ lập-thành là do người ta vốn được tự-do và bình-dẳng, thỏa-thuận kết-thúc với nhau một khế-ước, Rút-Xô lại minh-chứng rằng các điều-khoản trong khế-ước ấy, mặc dầu ta không còn nhớ ở vào thời-dại nào, nhưng căn-cứ vào những lý-do đã trình-bày trên, ta có thể chắc-chắn là phải có.

Nếu loài người bằng lòng từ bỏ cái trạng-thái thiên-nhiên thì đó là tại họ nghĩ rằng sẽ tìm thấy ở trong xã-hội có tổ-chức những điều-kiện sinh-hoạt thuận-lợi hơn.

Khi tập-hợp thành đoàn-thề họ muốn tự duy-trì, tự bảo-vệ, chống lại sức phá-hoại của thiên-nhiên dưới mọi hình-thức. Tuy nhiên, khi họ kết-thúc khế-ước với nhau, họ không phải vì thế mà đành chịu mất tự-do và bình-dẳng là hai bảo-vật siêu-tuyệt thiên - nhiên đã phú cho họ, họ vẫn giữ nguyên-vẹn hai bảo-vật ấy, không vì sự kết-hợp thành xã-hội mà chịu giảm bớt đi chút nào.

Vậy các điều trong khế-ước xã-hội gồm những khoản gì ? Theo Rút-Xô thì chỉ có thể gồm trong một khoản này mà thôi, là : « *Mỗi thành-phần phải di nhượng hết mọi quyền của mình cho đoàn-thề* », tuy-nhiên, di nhượng như vậy không có nghĩa là mỗi phần-tử sẽ mất tự-do và bình-dẳng nguyên-thủy ; chính vì di nhượng

hoàn - toàn như trên mà mỗi phần - tử giữ trọn được tự-do và bình-dẳng của mình. Tại sao thế ? Tại khi mỗi phần-tử di nhượng hoàn-toàn thì tự-nhiên phần di nhượng của mỗi phần-tử đều bằng nhau và bởi vậy, mọi người đều như nhau và bình-dẳng tự-nhiên sẽ thực-hiện và duy-trì được. Tự-do cũng vậy, vì khi các phần-tử đều bình-dẳng thì không phần-tử nào còn nghĩ đến chuyện áp-bức kẻ khác ; áp-bức kẻ khác là tự áp-bức mình : « Khi mọi người đều đã bình-dẳng cả thì không ai còn có lợi gì mà áp-bức ai nữa » .

Chính cái ý-tưởng trên của Rút-Xô cắt nghĩa vì đâu Rút-Xô vừa là kẻ bảo-vệ quyền của cá - nhân, vừa là kẻ bảo - vệ quyền vô giới-hạn của xã-hội, mà vẫn không tự mâu-thuẫn với mình ; nó cũng cắt nghĩa vì đâu chủ-trương của Rút-Xô sau này phân ra làm hai ngành nghịch nhau mà cùng tuyên-bố Rút-xô là tiền-bối của mình : ngành thì vin vào chỗ Rút-xô xác-định về tự-do và quyền của cá-nhân ; ngành thì vin vào chỗ Rút-Xô nhấn-mạnh về sự toàn-năng của nhà nước, như sẽ dần-giải về sau.

**Vấn-đề chủ-quyền và ý-chí
chung về khế-ước xã-hội.**

Chủ-trương cốt yếu của Rút-Xô thế nào ?

Chủ-trương của Rút - xô có thể thu tóm đại-khái như sau : « mỗi người chúng ta đem tất cả nhân - thân cùng năng-lực của mình chung góp với nhau đặt dưới quyền chỉ-huy tối-cao của ý-chí chung, nghĩa là ý - chí của toàn-thể ; và mỗi người trong chúng ta được

coi là thành-phần bất khả phân của toàn-thể. Khi đó cố nhiên mỗi người sẽ mất cá-tính xã-viên của mình đi và mọi người hợp thành một thân, một khối».

Thế tất theo như các điều-kiện của khế-ước xã-hội thì trong toàn-thể xã-hội phải có một chủ-quyền tối-thượng. Tuy nhiên, để có thể giữ nguyên vẹn sự bình-dẳng mà khế-ước đã quy-dịnh, chủ quyền ấy phải do tất cả toàn-thể nắm giữ.

Chủ-quyền ấy có một ý-chí đặc-biệt gọi là ý-chí chung, ý-chí của toàn-thể, và chính bởi các phần-tử chịu phục-tùng ý-chí chung đó mà có chủ-quyền.

Ý-chí chung, theo Rút-Xô có những hiệu-năng rất lạ-lùng.

Trước hết là tất cả mọi phần-tử đều được tham-dự vào việc lập-thành ý-chí chung trừ ra những con trẻ chưa thể biểu-hiệu ý-chí của mình. Muốn duy-trì sự bình-dẳng, mỗi người đến tuổi trưởng-thành đều có quyền đặc-biệt như nhau, trong việc xử-dụng chủ-quyền chung của đoàn-thể để thực-hiện ý-chí chung, và bởi ý-chí chung chỉ có thể phô-diễn bằng cách đầu-phiếu, nên sự đầu-phiếu phải phổ-thông và trở thành một quyền đặc-biệt, phụ-tùng bản-thân của mỗi người.

Tuy nhiên, trừ khi đoàn-thể tán đồng không kể, thường thường trong cuộc đầu-phiếu vẫn có đa-số và thiểu số. Nếu thiểu-số phải phục-tùng đa số thì bình-dẳng và tự-do của một số phần-tử có thể bị xâm-phạm, bởi lẽ các thành-phần thuộc thiểu-số không làm được các điều họ mong muốn, và thực-tế họ phải lệ thuộc đa-số, rồi cuộc đa-số sẽ nắm quyền điều-khiển tất cả.

Đối với câu vấn-nạn trên, Rút-Xô trả lời một cách rất tinh-tế, đại khái như sau: phục-tùng đa-số, chính là phục-tùng ý-chí chung do đa-số biểu-lộ ra. Khi hợp thành xã-hội, các phần-tử không những đã thừa-nhận mà còn yêu-cầu cho cái ý-chí chung đó quản-trị mình. Nói rằng các phần-tử thiểu-số vẫn được tự-do và bình-dẳng, đối với các phần-tử đa-số, tưởng chưa hết ý. Có thể nói thêm rằng, họ có chịu phục-tùng ý-chí chung thì mới hòng giữ được tự-do và bình-dẳng.

Một khi ý-chí chung đã thực-hiện được thì không những nó tiêu-biểu được ý-chí của mọi người mà lại là ý-chí của mỗi người nữa: « người công-dân tán-dồng mọi luật-lệ, kể cả những luật-lệ họ không ưa thích... khi đưa một đạo-luật ra quốc-hội, người ta không đòi người công-dân chấp-thuận hay bác-bỏ nó mà chỉ cần biết nó có am-hợp hay không với ý-chí chung, là ý-chí của toàn-thể... bởi vậy cho nên khi ý-kiến chung trái với ý-kiến của tôi thắng phiếu, điều đó không chứng tỏ điều gì khác hơn là tôi đã lầm, cái mà tôi tưởng là ý-chí chung, thật ra không phải là ý-chí chung. Trái lại, nếu ý-kiến của tôi thắng thì chính là tôi đã làm một điều khác với điều tôi muốn và như vậy chứng tỏ khi đó tôi không được tự-do.»

(Còn tiếp)

HOÀNG-MINH-TUYNH

NGƯỜI TRƯỚC DƯ - LUẬN

Cha Tuyên-Úy NGUYỄN-HUY-LỊCH



À NGƯỜI trong xã-hội, ta tránh sao khỏi dấp chạm-trán với những khuynh-hướng đôi khi trái-ngược với quan-diểm của ta, do

đó có thể gặp một vài ý-kiến coi đời người hầu như chỉ có thể ghì-ép trong một khung-khò đơn-độc, nhất-định, của chế-độ hay của giai-cấp hay của thiên-kiến... làm như ngoài mấy khuôn-mẫu đó chẳng còn chỗ để quan-niệm sinh-sống một cách bao-la hơn, tế-nhị hơn, xứng với giá-trị cao-quí của nhân-vị.

Thái-độ độc-đoán ấy, nếu thật có trong xã-hội, rất có thể đưa tới những hậu-quả khắc-nghiệt, hoặc viển-vông, chứng-tỏ rõ là còn nhiều người chẳng hiểu chi về tính-cách dối-dào, huyền-bí của thực-tại.

Nếu sinh-trưởng trong một khung-cảnh quý-phái, hay trường-giả, hay bình-dân, tôi chỉ có quyền phản-ứng, hoạt-động đúng khít với những định-kiến, với những thói quen của xã-hội, của giai-cấp đó ; nếu những tư-tưởng, những ước-mong thâm-trầm của tâm-hồn tôi chỉ được phát-triển, chỉ được bộc-lộ theo một đường-lối do xã-hội hay của giai-cấp định-đoạt ; nếu sống dưới một chính-thể đế-quốc hay độc-tài, mọi khao-khát về

giải-phóng, độc-lập, đều bị coi như vi-pháp, như « hàng-lậu », thời thử hỏi còn nói tới TỰ-DO của đoàn-thề hay của con người được nữa chăng ?

Mỗi ta phải chăng chỉ là kết-quả của định-luật tạo ra thành một thứ người bị gò-bó, bị hạn-chế ngay trong những biểu-dương đặc-biệt nhất của nhân-đạo ? DƯ-LUẬN há thấu suốt được tất cả mẫu-nhiệm của con người sao ?

Dù thế nào chẳng nữa, trước sự đè-nén, nhiều khi vô ý-thức của chế-độ hay của quan-niệm nào đó về nhân-sinh, mỗi dân-tộc hay mỗi người đều có cảm-tưởng tương-tự với kinh-nghiệm của một AI khi bị người-kh^h-nhìn-tròng-trọc.

I. - CÁI NHÌN TRÒNG-TRỌC CỦA NGƯỜI NGOÀI

Cái NHÌN đó chẳng mấy khi quân-bình cho lắm. Cái nhìn nó dõi theo ta từng bước, dính sát ta trong mọi cử-chỉ, trong mỗi lời ăn tiếng nói ; cái nhìn tròng-trọc nó đợi ta sa-cơ lỡ bước đề reo ầm lên là ta không biết đi, đề vạch hết mọi khuyết-diểm ở nơi ta để phán-xét ta, đề gài vào sống áo ta một « nhãn-hiệu », một « bản án », đề đọng trong một lời xử-đoán tất cả giá-trị, tất cả « bản-thề » ta. Cái nhìn tròng-trọc sẽ phân-tích từng

người : thẳng này thế này, con kia thế nọ, thôi thế là đủ để suốt đời liệt y vào hạng người đáng làm thân hay đáng khinh-miệt.

Cái nhìn tròng-trọc gây nên ở nơi người bị nhìn một cảm-giác rờn-rợn, nặng-nề, ngưng-ngưng hay hốt-hoảng : đó là cảm-giác của bất cứ ai bị coi như một « vật », một « vật khảo-cứu », một miếng thịt để giải-phẫu.

Trước cái nhìn tròng-trọc của người ngoài, người bị nhìn sẽ xử-trí ra sao?

II. — VÀI LỐI XỬ-TRÍ CỦA NGƯỜI BỊ NHÌN

Hoặc là họ phản-động kịch - liệt. — Họ chống lại với cảnh-vực, với chế-độ đàn-áp, đè-nén, định bóp mũi họ. Họ từ-chối hết mọi xử-xét của « dư-luận ». Họ nhất định chẳng chịu qui-phục trước những phao-dồn của « thiên-hạ ». Bị tấn-công, họ phản tấn-công. Mà vì khuynh-hướng của họ hoàn-toàn tương-phản với khuynh-hướng của dư-luận, nên cuộc xung-đột chỉ kết-liệu khi một bên bị loại.

Thường-thường, dư-luận mạnh mẽ hơn nên người bị nhìn muốn phản-động, chẳng chóng thì chầy bị đè-bẹp, và thất-bại : khi ấy, để tránh khỏi tiêu-diệt, họ phải xuất-dương.

Cái nhìn tròng-trọc của tốp binh-lính định ghì tước bạn thân-mến làm bác thuyền chài kia nóng mặt, khoa đao chém đứt phăng tai một người nhà nước, nhưng bác vội phải tẩu-thoát, bỏ mặc bạn trợ trọi trong xiềng-xích (Gio. 18, 10-11)...

Hoặc là họ đầu hàng không điều-kiện. — Trước cái nhìn tròng-trọc của người ngoài, người bị nhìn yếu bóng-vía

không dám phản-ứng, họ dậm ra tê-liệt trong tâm gan, ngũ-tạng, họ chẳng nghĩ tới chống-cự, họ im thin-thít để dư-luận gài vào lưng một bản án vĩnh-viễn.

Có khi họ lại tin rằng bản-án đó hoàn-toàn xứng với giá-trị đời họ. Cả bề ngoài lẫn bên trong, họ bị yếm-nhiễm bởi dư-luận của xã-hội đối với họ, và họ hành-động theo đúng cái con người mà xã-hội đã quyết-định về họ. Trong hoàn-cảnh này họ sẽ « ừ » chàn cung mây, họ không có tư-tưởng riêng, họ không có lập-trường duy-tư. Ấy là thái-độ của chàng « ba phải », của ông « gật-gù » quen sống như người máy, của những ai đặt cả lẽ sống vào bộ luật « xã-giao », không có lấy được may mắn đời sống bên trong, chẳng có một chút phản-ứng cho đường-hoàng, tư-nhân.

« To be or not to be ? », « Nhân - vị » hay « Nhân-vật ? »

Hoặc là bề ngoài họ tỏ vẻ theo dư-luận. — Nhưng bề trong họ lại tự hứa sẽ chẳng để bị lấn-áp bởi dư-luận, bởi chế-độ, bởi cái nhìn tròng-trọc. Trước sự đè-nén của cường-lực, họ cảm thấy không đủ, hay chưa đủ sức để chống lại cách công-khai. Họ tự an-ủi : « tránh voi chẳng xấu mặt nào ». Bề ngoài, họ làm như khuất-phục trước bản án của dư-luận, đôi khi lại cười nịnh, xoắn-xuýt khúm-núm theo lối xử-xét của người ngoài ; họ ra chiều vui lòng khoác chiếc mặt nạ mà xã-hội gán cho họ — « être pour autrui », — nhưng thâm-tâm họ không thiếu mĩa-mai chế-nhạo đối với xã-hội, đối với dư-luận, và họ cố giữ-gìn cái nhân-cách thâm-trâm của họ — « être pour soi. » —

Thành ra họ như có hai mặt : một bộ mặt xã-giao, « trọng-thề », vờ-vĩnh ; và một bộ mặt thật, phải dấu-diếm, ăn-ức, vì cái họa kiểm-duyet.

Nhiều khi tình-thế bắt họ đóng vai đó : trong thời loạn-ly, trong những ngày khủng-bố... Họ muốn bảo-vệ quyền tự-do nơi họ, song quyền đó thăm-vụng, và có thể cứ che-dậy, lẩn-lút, nếu hoàn-cảnh dằng-dai mãi, không cơ thay-đổi.

Hoặc là họ mạnh hơn dư-luận. — Trước cái nhìn tròng-trọc, họ chẳng chút sờn lòng, không hề nao-núng. Họ chẳng qui-hàng trước những xì-xào, dèm-pha của dư-luận, trước những bàn-tán của thiên-hạ. Họ nhất quyết không để một ai ghim vào bộ áo họ bản án thô-sơ và bất-công.

Anh nhìn tôi tròng-trọc ? Dễ tưởng đã nuốt được tôi hẳn ? Họ không lảng tránh cái nhìn của người ngoài : ngang-nhiên họ nhìn lại, họ đảm-dương cái nhìn tròng-trọc để đánh tan những hình-ảnh sai-lầm về họ do cái nhìn đó gây nên.

Họ từ-chối mọi xử-xét độc-đoán, mọi nhận-xét hấp-tấp, thiên-vị. Nhưng họ không áp-dụng nguyên-tắc « ăn miếng trả miếng », họ không đáp lại theo luật « dĩ oán báo oán ». Do đó, họ khác với thái-độ người kịch-liệt phản-kháng vì họ không ly-dị với cái xã-hội đã nhìn họ tròng-trọc. Họ không tiêu-diệt cái khung-cảnh, nhóm người đã định đè-ép họ, trái lại họ đường-hoàng phản-ứng, nhưng để cải-thiện xã-hội, giặc-ngộ dư-luận bởi bên trong.

Giêsu bị đưa ra Tòa (Gio. 18, 19-24). Thầy Thương-tế tra hỏi về giáo-ly của Chúa, Ngài đáp : « Tôi đã nói công-khai với mọi người ; tôi vẫn giảng-dạy

trong Hội-đường và trong Đền-thờ, chỗ mọi người Do-thái hội-hợp ; tôi không nói gì trong bí-mật cả. Ông hỏi làm chi, hãy hỏi các người đã nghe tôi xem tôi đã dạy họ những gì, ít ra những người đó biết tôi đã nói gì ». Nghe những lời ấy, một tên đầy-tớ đứng hầu Thầy Thương-tế đã giang tay tát Giêsu mà rằng : « Mi trả lời với Thương-đế như thế à ? » — Giêsu đáp lại : « Nếu tôi đã nói sai, chú hãy vạch ra cái sai ở chỗ nào ; còn nếu tôi đã nói phải, sao nhà chú lại đánh tôi ? »

Đường lối cư-xử mà đấng Cứu-thế phác ra, tất hẳn khó hơn mọi con đường đã kẻ : song nó đầy-dủ hơn, quân-bình hơn. Người anh-hùng bậc thánh-hiền, và hết thảy những ai có tâm-trí đều gắng theo phương-tiện này. Thế-lực của linh-hồn cao-thượng có thể thay-đổi cả một luồng dư-luận, cả một thời-đại.

Muốn giải-phóng mọi ách bất-công, con người cần nhiệm rõ sứ-mệnh cao-siêu của mình, với quyền tự-do và phẩm-tước nhân-vị. Có như vậy mới sáng-suốt tránh được những khuynh-hướng mâu-thuẫn, những thái-độ sai-lạc ở trên đời ; có thể mới thực-hiện được nhiệm-vụ riêng của từng người, và nhân đó giúp xã-hội trở nên quang-đáng hơn, hiền-lành, đơn-sơ, thành-thật hơn.

Những ai cố-gắng sống hợp với CHÂN-THÀNH, đều như đã tìm thấy chút bí-quyết của Thanh-bình, và khi đó, dù gặp phải những trường-hợp éo-le đến đâu thì cũng vẫn đối-phó được với một tâm-hồn ôn-hòa, thư-thái.

Họ chẳng hề chua-chát, nản lòng trước cảnh tiêu-diệu, độc-ác của xã-hội hay dư-luận thiên-lệch ; họ biết nhận ở

mọi chúng-sinh những cái hay, cái đẹp dù còn lẫn chìm trong bùn lầy nước đọng. Họ tránh mọi kết-luận có thể đưa họ lãng vào tháp-ngà, vào một thứ hieu-quạnh do tức-giận, hờn-tủi chi-phối. Họ cố giữ liên-lạc với hết thầy dù là đối-thủ. Hơn ai hết, họ biết rằng chỉ trong sự giao-tiếp cụ-thể, sòng-phẳng mới có cơ hiểu-thấu được tâm-khám mỗi người, hoặc thông-cảm với trực-giác căn-bản của một thái-độ, của một lý-thuyết. Họ thấy cần phải vượt lên trên cả sự đối-lập giữa « CHỦ » và « KHÁCH » để đàm-luận trong tin-cần.

Chính trong cố-gắng để phát-giác quan-niệm thâm-trầm về lương-tâm mà họ đã được triển-nở và đạt tới « nhân-bản toàn-diện ». Tinh-thần TỰ-DO mãnh-liệt nơi họ chẳng đưa tới thái-độ tự-phụ, bất-cần, song giúp họ tiếp-đón hết mọi sinh-vật, đúng với tôn-chỉ phổ-quát « bốn bề một nhà ». Vì vậy, trước cái nhìn tròng-trọc của người độc-đoán, bao giờ người thanh-bình cũng đáp lại bằng cái nhìn sinh-tồn.

III. — CÁI NHÌN « SINH-TỒN » CỦA NGƯỜI THANH-BÌNH

Cái nhìn sinh-tồn của người thanh-bình khác với cái nhìn của người độc-đoán. Cái nhìn sinh-tồn đầy kín-đáo, thiện-cảm trước thực-tại của đời người. Trước mỗi tâm-hồn, cái nhìn sinh-tồn chẳng vội tò-mò, dò-dẫm mà cũng không hấp-tấp phán-đoán, — song biết đợi-chờ, kính-cần, như trước một mẫu-nhiệm :

Kiên-tâm, kiên-tâm luôn nhé,

kiên-tâm ở chốn thanh-thiên.

Nguyên-tử mỗi vì trăm-mặc,

là phong-vận một quả chín gần rồi !

(Valéry)

Cái nhìn sinh-tồn chẳng bao giờ áp-bức ai cả, vì khi đặt con mắt lên một người, — dù người đó là thiếu-phụ tội-lỗi (Gio. 8,3-11) hay nhà thuyền chài vừa nghe gà gáy ba lần (Lc.22,60-62) — bao giờ cũng đề tương-thông với những cái gì tốt-lành, cao - quý nhất ở nơi người ấy.

Trước bộ mặt vênh-váo, hách-dịch thường thường có thể làm ta ngạc nhiên, khó chịu — cái nhìn sinh-tồn biết đi sâu hơn, và cố đoán hiểu những trường-hợp đau-dớn, những trạng-thái thể-thâm đã đưa tới thái-độ ngạo-nghe, chua-xót, chán đời...

Người thanh-bình, vì đã tìm được nguyên-do sâu-xa của Thanh-bình, nên không bao giờ tự cho là có quyền xử-xét người hay cảnh với thiên-kiến chật hẹp; không khi nào lại cân-nhắc cách nông-nổi hành-vi của bạn đường. Cái nhìn của người thanh-bình là cái nhìn chiếu-đãi, cái nhìn đượm lòng khuyến-khích, phản-chiếu linh-hồn khiêm-tốn khoan-dung.

Cái nhìn sinh-tồn luôn luôn gìn-giữ để khỏi xâm-phạm mẫu-nhiệm của bất cứ ai, dù người đó bé-nhỏ, khiếm-hạ đến đâu chẳng nữa. Cái nhìn thanh-bình bao giờ cũng mưu điều tốt-lành cho người được-nhìn vì coi như thân-hữu. Nhìn như vậy, tức là biết tĩnh-tâm để nhận thấy tiếng hát âm-thầm, trong trẻo ở mỗi lương-tâm như ở ngay chính lòng mình !

fr. Vĩnh-Sơn

NGUYỄN-HUY-LỊCH O.P.



VUA THẦN-NÔNG NÉM THUỐC

NGUYỄN-VĂN-BA



VUA Thần - Nông họ Khương, sống vào khoảng 2.000 năm trước Đức-Chúa Giáng-Sanh. Vua là bậc tài-đức chẳng những dạy dân lập chợ búa buôn-bán, mà còn dạy cày-cấy trồng-tia, nên dân tôn hiệu là « Thần-Nông ». Vua Thần-Nông để lại cho ta bộ Thần-Nông Bản-Thảo, gồm có 3 quyển, tổng cộng được 365 vị thuốc, ấy là bộ sách xưa nhất và quý nhất trong nghề Y.

Trong bộ ấy, 365 dược-tánh được giảng-giải rất rành mạch, phân-minh chắc-chắn, đầy đủ, đến nỗi ngày nay khoa-học tối-tân xem xét thí-nghiệm đến những vị nói trong ấy, đều nhiệt-liệt tán-thành không sửa cái được điều gì, mà cũng không thêm được sự phát-minh nào cho đích đáng hơn.

Ví dụ như Ma-Hoàng : « Khí Vị Khô Ôn, vô độc, chủ trướng phong thương-hàn, đầu-thống ôn ngược, Phát biểu xuất hàn, khử tà nhiệt-khí, chỉ khái nghịch thương khí, trừ hàn nhiệt, pha trưng kiện tích tụ, *khử tiết căn* ». Trong Bản-Thảo có nói rõ khử tiết căn, nghĩa là

khi dùng Ma-Hoàng thì chỉ dùng cộng, bỏ tiết là mắc và căn là rẻ. Khoa-học ngày nay phân tích, thấy trong Ma-Hoàng có chất éphédrine, vì đó mà Ma-Hoàng được công hiệu. Nhưng trong công thì có éphédrine rất nhiều, còn trong tiết và rễ thì không có éphédrine nào cả.

Trong Bản-Thảo lại dạy cắt Ma-Hoàng đúng vào tiết Lập-Thu thì mới tốt. Ngày nay người ta thấy rõ Ma-Hoàng gặt ở mùa Hạ thì không có éphédrine, mà gặt ở mùa Đông thì chỉ có phần ba éphédrine của mùa Thu mà thôi. Một ví dụ nhỏ như thế cũng đủ chứng chắc giá-trị đặc-biệt của sự nghiên-cứu của Vua Thần-Nông. Hay nói một cách khác, Vua Thần-Nông cũng là người mà dùng phương-pháp gì để rõ vị khí, tính-chất, hiệu-năng, tác-dụng của vị thuốc một cách chắc-chắn, mau chóng, mà khoa-học máy móc ngày nay cũng phải nhận là quá đúng ?

Tục chỉ truyền rằng Vua Thần-Nông một ngày ngộ độc đến 70 lần mà không chết, nhưng chẳng nói cho chúng ta biết Vua Thần-Nông ném thuốc với phương-pháp nào. Một người mạnh giỏi

như Vua Thần-Nông tự ném thuốc để coi thuốc ấy trị được bệnh gì thì làm sao ném cho biết được. Ít nữa phải có bệnh-lhơn chẩn-đoán cho trúng bệnh đã, rồi mới thử thuốc, thử đến 10 lần, 100 lần đúng như nhau rồi mới dám truyền lại cho hậu-thế. Nếu không có bệnh-nhơn để thử thuốc mà thử lấy một mình, mà mình lại vô bệnh thì làm sao rõ được công-hiệu của vị thuốc. Bởi vì lý lẽ ấy mà nhiều người cho câu chuyện Vua Thần-Nông là câu chuyện huyền-hoặc như trăm nghìn câu chuyện huyền-hoặc khác; rồi bỏ lơ mà nói: Bộ Thần-Nông Bản-Thảo do sự ghi chép kinh-nghiệm của nhiều dược-học-gia ở nhiều đời mà ra, chứ không phải của một người.

Nếu tục chẳng truyền cho chúng ta biết rằng Vua Thần-Nông ngộ độc 70 lần trong một ngày mà không chết thì chúng ta thật chẳng biết làm sao mà lần mò ra được. Nhưng tục đã truyền như vậy thì ta có thể lần phăng đầu dây mối nhợ ấy mà đạt đến chỗ ta muốn biết, là với phương-pháp gì Vua Thần-Nông ném thuốc mà biết được dược-tánh một cách chắc-chắn và phân-minh như vậy. Vì rằng, một khi nhận rõ phương-pháp ấy ta cũng có thể áp-dụng nó trong việc khảo-cứu dược-tánh của ta ngày nay cho được nhanh chóng và tinh-vi. Ta thử xem chunh-quanh ta, có biết bao nhiêu cây cỏ dùng làm thuốc được, ta gọi là « cây nện thuốc » mà ta chẳng biết làm sao thí-nghiệm cho rõ chúng nó trị được những bệnh gì. Dầu với máy móc tối-tân, ta cũng chẳng đi được một bước xa nào, ta chỉ chờ những kẻ nghèo nàn hay người rủi ro ăn phải một cách ngẫu-nhiên, nhiều lần

như vậy, rồi ta mới dám biên vào sách nhưng với một dấu hỏi to, vì không phải tự tay ta đã thí-nghiệm. Ta phải chờ thì giờ và ngẫu-nhiên, biết mấy mươi năm mới thêm chắc-chắn được một vị thuốc mới.

Nhưng, trước khi bàn đến phương-pháp của Vua Thần-Nông, tôi xin đem quý ngài một tí qua phía trời Âu.

Cuối thế-kỷ thứ 17, tại quận Saxe ở Đức-Quốc, Bác-sĩ Hahnemann phát ra một phương trị-liệu, nói cho đúng bác-sĩ chỉ áp-dụng phương cổ-truyền dạy từ Hippocrate, là tở thầy thuốc bên Âu-Châu như Huỳnh-Đề được coi là Tờ Y-Học của Á-Châu; phương trị-liệu ấy gọi là « Đồng-Chủng trị-liệu pháp ». Một buổi kia bác-sĩ được đọc một tờ kỷ-yếu của một Tạp-Chí Y-Khoa, thấy nói có nhiều người đang lành mạnh mà không biết vì lẽ gì mà uống ký-ninh nhiều quá, bỗng trở nên sốt rét như người bị bệnh sốt rét rừng. Bác-sĩ tức thời chạy lấy ký-ninh mà uống rất nhiều, và cho vợ con tôi-tớ uống nữa. Mọi người đều bị chứng run-rét, rồi nóng, rồi đổ mồ-hôi. Mỗi ngày cũng có từng cơn y như bị muỗi độc truyền bệnh rét rừng cho. Bác-sĩ lấy làm lạ quá, và dùng thuốc ký-ninh, lần này ít-ít, mà chữa bệnh thì ai nấy đều được mạnh.

Từ đó, Ông Hahnemann mới thử thêm các thứ thuốc khác, có lúc Ông uống, có lúc cho người tình-nguyên uống, công-phu hơn ba mươi năm trời mới để lại cho đời một Bản-Thảo, mà nếu so sánh với Thần-Nông Bản-Thảo thì như hai anh em ruột. Sự so sánh này rất bổ-ích cho người tìm hiểu căn-nguyên của y-lý, nhưng nói ra sẽ dài

quá, không thể để trong khuôn-khò bài này được. Nhờ sự sáng-kiến của Ông Hahnemann, công-phu thí-nghiệm của Ông và bộ Bản-Thảo của Ông (tiếng Pháp : Matière Médicale), mà ngày nay Âu-Mỹ mới có một khoa trị-liệu mới, rất thần tình, gọi là Đồng-Chủng trị-liệu-pháp, tên Âu-Mỹ gọi là Homéopathie.

Vậy chớ Đồng-Chủng trị-liệu-pháp là gì ? Ta cũng nên thừa dịp này mà biết sơ qua. Xưa nay, Đông-Y hay Tây-Y đều dùng thuốc theo khoa Dị-Chủng trị-liệu, nghĩa là một bệnh nào chẳng hạn, như bệnh kiết-ly, vì sự ngẫu-nhiên mà người ta biết Éméline hay Kim-ngân-Hoa trị được, nhưng vì sao mà trị được ? Trị được là vì Éméline có tính sát-trùng amibes, còn Kim-ngân-Hoa có tính hàn, giải được độc của nhiệt-ly. Dầu ta có trị kiết-ly bằng những phương khác, hoặc tứ-linh, ngũ-linh, hoặc với hoàng-liên ngô-thù, thì các vị thuốc ấy không thấy có đi một chiều với bệnh, trái lại đi nghịch chiều với bệnh thì mới trị được bệnh. Hàn thì phải ôn, nhiệt thì phải lương, ngộ độc vào thì ta phải cho mửa ra, hư thì phải bổ, thực thì phải tả, đều là phải dùng phương trái ngược với bệnh mới trị được bệnh. Phương ấy gọi là Dị-Chủng trị-liệu, Âu-Mỹ gọi là Allopathie.

Ông Hahnemann, khi đã uống ký-ninh nhiều thì thấy rét run như sốt rét rừng, khi uống lại ít ít thì chữa lại được chứng sốt rét ấy, bèn nghĩ đến những trường-hợp giống như thế. Cà-phê uống nhiều thì không ngủ được, bất trăn-trọc hoài. Mà uống rất ít lại trị được chứng bất mi (không ngủ) vì thần-kinh. Nha-phiến hút nhiều làm giảm sức não-tủy, còn dùng rất ít thì, trái lại,

giục sức bộ thần-kinh lên. Nhon-Ngon uống nhiều giết hại hột máu đỏ trong người, dùng ít lại làm tăng hột máu đỏ. Thuốc hút, hút nhiều thì say, hút một tí thì trái lại chữa được chứng huyền vựng (chóng mặt). Mã-tiền uống nhiều thì các bắp thịt đều chuyển cứng, cho đến bộ tiêu-hóa từ cuống họng tới hậu-môn đều bị bóp rất mạnh và đau. Trái lại, biết dùng ít thì mã-tiền trị được lý cấp (bụng bóp đau) và chuyển cân (dộp bề). Khi ta bị ong chích, thì thấy một quãng đỏ và chỗ ấy nhức-nhối như ai đâm kim chích vào chỗ đó, thì ta uống một tí nọc ong sẽ hết ngay lập tức....

Suy nghĩ đến mấy ví-dụ ấy, Ông Hahnemann thấy rằng một bên : là một thứ thuốc của người đang mạnh giỏi dùng cho đến sức lượng ngộ độc, như cà-phê kích-thích thần-kinh cho đến mất ngủ ; một bên : là cũng một vị ấy mà biết cách dùng ít đi, thì lại chữa được bệnh mà chính nó đã gây nên bởi uống nhiều, như cà-phê biết cách dùng ít thì chữa được bệnh mất ngủ vì thần-kinh kích-thích.

Biết cách dùng ít một vị thuốc để chữa những bệnh, hay chứng mà chính nó gây nên nếu uống nó nhiều, lấy nó mà trị nó, « đập gai lấy gai mà lè », ấy là phương-pháp của Ông Hahnemann, mà ngày nay đã bành-trướng khắp hoàn-cầu.

Quay về phương Đông của chúng ta, chúng ta cũng thấy phép Đồng-Chủng trị-liệu đã được áp-dụng nhiều lần mà ta chẳng hay. Như bã đậu dùng nhiều thì ỉa đến chết, mà lấy 1 hột bã đậu, đem giã nát với mấy chục ngàn chày trong giấy bạch (giấy bản) với ít hột tiêu sọ rồi lấy một ít bằng hột lúa cho uống, thì trị bệnh thiên-thời ỉa đến gần chết rất hay. Như rân bách-hoa-xà uống vào

nhieu thì làm đến rụng răng, chảy máu mủ ở lợi (nướu), nhưng lấy một chút bột răn ấy phết với dầu dừa chà ở 8 kẻ ngón tay thì lại trị được bệnh ung xỉ rất hay. Như lá giác uống nhiều thì sưng nổi cùng mình, nhứt là sưng vú ; nhưng lấy một ít lá giác đâm dập bó ở đầu ngón tay cái thì chữa được nhũ-ung rất tài. Vú bên mặt thì bó ngón trái, vú bên trái thì bó ngón mặt vì sự giao-thông bắt chéo của các đường kinh lạc ; mới vừa bó thì thấy tê rần-rần và ngứa ở vú ; một chốc lát hết ngứa thì phải rửa chồ bó lá giác ngay là khỏi. Cũng có khi người mình chữa bệnh yết-hầu hay ung-xi mà chỉ hít hơi thuốc bôi ở vách cách xa miệng độ 3, 4 tấc tây.

Xưa kia người mình dùng phương Đồng-Chủng trị-liệu như thế rất nhiều, mà trong phép ấy vị thuốc dùng phải rất ít, có khi chỉ có một phần triệu của một ly (Ông Hahnemann dùng đến 1 phần 10 triệu của ly), có khi một luồng (luồng) hơi cũng đủ trị, mà dùng nhiều hơn thì lại không trị được. Người mình, gần đây, không biết vì lẽ gì hít hơi thuốc ở vách, hay bó thuốc ở ngón tay trái mà trị được bệnh ở vú bên mặt, bèn chế nhạo rồi khinh-bĩ Ông Bà mình là mê-tín dị-doan ; tức-nhiên là những công-nghiệp quý báu của tổ-tiên đã tiêu-diệt gần hết.

Chắc cũng có được một vài độc-giả muốn biết tại sao thuốc dùng ít như thế mà công-hiệu được.

Một vị thuốc uống vào người thì hóa ra hai phần : một phần vật-chất chạy khắp trong tạng-phủ, một phần đã hóa ra khí thuốc, chạy theo kinh lạc nào nó hợp, như trong Bản-Thảo thường nói là vị thuốc nào chạy vào kinh nào, chớ không

nói nó chạy vào gan hay phế mà nói chạy vào túc-huyết âm-kinh hay thủ-thái âm-kinh mà thôi. Phần vật-chất không quan-hệ cho mấy đến sự trị bệnh, mà chính là phần khí-hóa của thuốc mới bổ hay tả được kinh lạc, rồi kinh lạc mạnh lên hay yếu đi sẽ trở lại ảnh-hưởng đến ngũ-tạng lục-phủ mình. Phần khí-hóa mới thật là phần trị bệnh. Theo phép Dị-Chủng trị-liệu như ta thường dùng, thì thuốc thường không độc cho mấy, nên uống nhiều hơn hay ít hơn một tí cũng không sao ; và trong phép trị-liệu như thế ta để tự nhiên thuốc biến-hóa thế nào là biến-hóa thế ấy, không can-thiệp đến. Còn theo phép Đồng-Chủng trị-liệu, như cách dùng bã đậu trị bệnh thiên-thời, thì ta phải giã bã đậu đến mười ngàn chày, ta phá tan tế-bào nó ra, giúp nó mau thành khí-hóa ; tế-bào càng tan ra nhiều chừng nào thì sức khí-hóa của nó càng to và mạnh chừng nấy, thì sức trị-liệu của nó càng to gấp bội phần. Ông Hahnemann lấy một giọt thuốc nặng chừng 1 ly tây, nhều giọt ấy trong một cái bình đựng 99 giọt nước lã, Ông đóng nút chặt, cho máy vừa xoay vừa lắc, một phút đến cả ngàn vòng. Kế đó, Ông lấy 1 giọt trong bình thứ nhứt, nhều qua bình thứ nhì có sẵn 99 giọt nước lã và cũng cho quay và lắc nhiều như thế, cho đến 30 lần, 50, 100 lần bình như thế rồi Ông mới lấy ra 5, 3 giọt chế như thế mà dùng thì hiệu-nghiệm vô cùng, càng phá tan tế-bào nhiều chừng nào càng công-hiệu chừng nấy.

Về thuốc khô, Ông Hahnemann cũng tán ra, đâm ra biết bao nhiêu ngàn chày thì lại thấy thuốc càng hay lên. Cho nên chúng ta chẳng lấy làm lạ rằng thuốc tán uống ít mà công-hiệu không kém, có khi nhiều hơn thang thuốc cân-lượng gấp 5, 6 lần của thuốc tán.

Khi thuốc phết ở kẽ tay, thì nhờ máu huyết của thân-thể chưa phân các tế-bào của thuốc, kéo giãn sức thuốc ra, thì khí-hóa của thuốc được mạnh và sung-túc, sự công-hiệu càng tăng vậy.

Khi dùng phép *Dị-Chứng trị-liệu*, thì ta dùng bất cứ vị thuốc nào, miễn là vị thuốc ấy theo lối trị-liệu trái ngược của bệnh : hàn phải ôn, nhiệt phải lương . . . thì được. Càng bệnh nặng, càng uống nhiều, thì phần vật-chất của thuốc cũng nhiều nên sự phá-hoại tạng-phủ không phải nhỏ.

Khi dùng phép *Đồng Chứng trị-liệu*, tức là ta phải tìm cho được thứ gai nào đã đập mà lấy thứ gai ấy để lè. Nói một cách khác, phải tìm được vị thuốc nào mà khi người mạnh dùng nó nhiều mà đến bị bệnh giống in như bệnh của ta đang muốn trị, lấy vị ấy mà kéo giãn khí-hóa-lực của nó để có công-hiệu nhiều hơn ; đem vị ấy mà dùng ít chừng nào thì hay chừng ấy. Phần vật-chất của thuốc rất ít nên sự phá-hoại tạng-phủ không nhiều.

Lúc tôi có dịp đi diễn-thuyết Đông-Y tại 10 Châu-Thành ở Đức, tôi có tìm gặp những người đệ-tử của Ông Hahnemann để hỏi cách nếm thuốc của họ. Có nhiều bác-sĩ tự nếm thuốc lấy mình, có khi cho người tình nguyện uống. Nhưng bao giờ cũng phải chọn người lành mạnh không bệnh tật, và uống cho đến khi thấy ngộ độc mới thôi. Họ cho 5, 10 người uống một vị thuốc, rồi biên chép hết các chứng đã xảy ra, chọn lấy chứng chánh, chứng phụ, ghi ra thành sách. Hễ người lành mạnh mà ngộ độc ra chứng gì, ví dụ ỉa mửa và nhức đầu thì người ta ghi rằng vị thuốc này trị được chứng ỉa mửa nhức đầu ; vị khác mà ngộ độc làm kinh trợn

mắt thì người ta chép rằng vị thuốc ấy trị được chứng làm kinh trợn mắt. Đó là phương ghi chép được-tính một cách mau chóng, chắc-chắn và ai làm cũng được. Phương-pháp ấy nhờ những đệ-tử sáng-suốt và trung thành của Ông Hahnemann mà ngày nay được toàn bác-sĩ thế-giới công nhận là không sai. Phương ấy được chánh thức dùng ở các nước văn-minh và càng ngày càng được bành-trướng.

Nhân ngày lễ Thần - Nông, ta cũng nên nhận thấy chỗ giống hệt của hai phương nếm thuốc : phương của Thần-Nông và phương của Hahnemann ; cả hai phương đều dùng người lành mạnh, cả 2 phương đều nếm cho đến sức ngộ độc, cả 2 phương đều ghi chép một cách mau chóng và chắc-chắn, lưu-truyền được hậu-thế.

Nếu ta đem phương ấy mà áp-dụng cho những cây thuốc Nam của ta thì chẳng bao lâu ta sẽ được ngoài những mấy ngàn thứ thuốc giống thuốc Tàu đem lại, mà còn được thêm mấy trăm vị thuốc mới, đặc-biệt thổ-sản Việt-Nam, thì nền Y-Học Việt-Nam và kinh-tế Việt-Nam tấn-bộ không phải nhỏ. Phương-pháp nếm thuốc phải được duy-nhất trong các Ông thầy thử thuốc để có thể so-sánh với nhau ; và phương-pháp ấy phải là phương-pháp được lâu năm và nhiều người công nhận, như phương-pháp Thần-Nông đã được 5.000 năm thử-thách, và phương-pháp Hahnemann trong 300 năm gần đây được mấy ngàn bác-sĩ ở thế-giới đeo đuổi một cách say mê và tiến-bộ. Ta cũng nên nghĩ đến ta mà suy-xét và tìm cách thi-hành.

CẦN XÂY-DỰNG MỘT CẢM-QUAN ĐÚNG-DẪN

TRONG KHI ĐỌC TRUYỆN TÀU

NGUYỄN-TỬ-QUANG



ĐỒNG-BÀO ta phần nhiều thích đọc chuyện Chinh Đông Chinh Tây... của Tàu. Thích đọc vì văn-chương bình dị, dễ hiểu, vì câu chuyện hấp-dẫn, kỳ-thú... .

Thích đọc để giết thì giờ, để đỡ giấc ngủ, để tiêu-khiển, giải-trí là một việc, mà đọc để nghiên-ngẫm, tìm ở đấy một vài ý-nghĩa thú-vị hay-ho giúp cho việc xử-thế là một việc khác nữa.

Điều sau này mới là điều đáng nói, đáng bàn.

Tuy vậy, dù đọc để giải-trí, để tiêu khiển nhưng không phải là điều không quan-trọng, không đáng nói, đáng bàn đâu. Một món ăn vật-chất tầm thường còn được các nhà bác-học chú-ý nghiên-cứu, xem chứa đựng được bao nhiêu sinh-tổ và sinh-tổ gì, hoặc trái lại có chất độc gì làm tổn hại cho cơ-thể; huống chi sách vở, tiểu thuyết, truyện Tàu v.v. . . là những món ăn tinh-thần thì nó lại càng phải được chọn lọc cẩn-thận, kỹ-lưỡng hơn nữa.

Bởi vậy đọc chuyện Tàu, trước hết đòi hỏi ở người đọc một ý nghĩ xét đoán tiến-

bộ, nghĩa là người đọc cần xây-dựng một cảm-quan đúng-dẫn mới có ích-lợi; trái lại là hư hỏng, là nguy-hại.

Xây-dựng một cảm-quan đúng-dẫn là thế nào?

Chúng ta hãy đơn cử một ví-dụ.

Đồng bào phần nhiều có đọc truyện « *Tiết-Nhơn-Quý chinh đông* ». Cái con người ăn hết ba chảo đựng cơm, vác nổi hai cây súc to mà nhiều người, cả đến bà lão trẻ em đều hiểu vanh-vách hơn ông Trần-Hưng-Đạo, Nguyễn-Huệ... của nước nhà nữa.

Vâng lệnh vua Lý-Thái-Tôn nhà Đường Tiết-Nhơn-Quý đem binh chinh-phục nước Cao-ly. Vua nước Cao-ly chống lại. Tướng soái của Cao-ly là Cáp-Tô-Văn và vợ đem binh ra chống cự.

Tính-chất của cuộc chiến-tranh nhà Đường là chiến-tranh xâm-lược, phi-nghĩa; và tính-chất của cuộc chiến-tranh Cao-ly là cuộc chiến-tranh giải-phóng, chiến-tranh chính-nghĩa.

Không phân biệt được tính-chất của hai cuộc chiến-tranh để xây-dựng tình-cảm của mình cho trúng đường đúng chỗ, một số

bạn đọc của ta lại thích-khoái, tán-dương nhà Đường, miễn phục-hoan-hô Tiết-Nhơn-Quý, thương-xót lo sợ cho vua nhà Đường khi bị Cáp-Tô-Văn rượt chạy sa lầy. . . Trái lại, đối với nước Cao ly bị mất thì chẳng chút cảm-dộng thương-xót. Cái chết anh dũng dề dền nợ nước của vợ chồng Cáp-Tô-Văn, anh-hùng dân-tộc, chẳng những không được người nhỏ cho vài giọt nước mắt, mà ngược lại còn bị khinh-miệt cho là « không biết thời trời »!

Tôi đã từng thấy nhiều bà lão chửi rủa vợ Cáp-Tô-Văn không tiếc lời khi nghe đọc đến lúc nàng này dùng phép hoá rít độc cho cần chết Tiết-Nhơn-Quý; và rồi lấy

làm mừng rỡ vui tươi hẳn lên khi biết Tiết-Nhơn-Quý có Lý-Tĩnh đến cứu sống và cho phép giết chết vị nữ anh-hùng của nước Cao-ly.

Tại sao vậy?

Nội-dung của tác-phẩm ca tụng xâm-lược, ca-tụng thực-dân quả là phản-dộng. Phản động, ai cũng thù ghét. Nhưng vị hình-thức tức là « nghệ-thuật tính » của tác phẩm rất khéo-léo, rất hấp-dẫn, kỹ-thuật diễn-tả của văn-ngệ phong-kiến đi đến chỗ mực-thước, có ma lực làm cho người đọc say-sưa. Lợi dụng được ưu-thế ấy, những văn-ngệ-sĩ phong-kiến xuyên-tạc cuộc chiến-tranh chính nghĩa, dẫn độc-giả đến chỗ phải có cảm tình với chúng mà quên hẳn chúng đang làm một việc chiến tranh phi nghĩa, chiến-tranh xâm-lược.

Cái nguy hại ghê gớm có ảnh-hưởng trực-tiếp đến tư-tưởng của người đọc là ở chỗ đó.

Bởi vậy đọc truyện phong-kiến Tàu hoặc những truyện phong-kiến của nước nào trên thế-giới, ta phải cần có một nhận-thức tiến-bộ. Không phải chúng ta không cần đọc, hủy bỏ những truyện phong-kiến, mà ta cần phải đọc vì nó rất có giá-trị về nghệ-thuật, có bổ-ích cho ta là khi ta xây-dựng được một cảm-quan đúng đắn.

NGUYỄN-TỬ-QUANG

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được của ông **Nguyễn-đuy-Cần** (xin lỗi các bạn kỳ trước sắp lộn Ngô-đuy-Cần), cuốn :

« **Văn-Minh Đông-Phương và Tây-Phương** » — Giá 45 \$.

và cuốn :

« **Tìm hiểu TÂM-LÝ TRẺ EM** để dạy trẻ em do **Thiên-Giang** biên-soạn, do **Nguyễn-hiến-Lê** xuất-bản, một tài-liệu vạch rõ con đường hướng-dẫn trẻ em đến một tương-lai hùng-dại. — Giá 51 \$

B.K. xin cảm ơn và trân-trọng giới-thiệu cùng bạn đọc.

☆ **XÂY**-dựng thế-gian cao đẹp hơn là làm kẻ canh giữ nhà bảo-tàng.

J. LECLERCQ

☆ **NHẬP** thế-cục, bất khả vô công-nghiệp.

NGUYỄN-CÔNG-TRƯ

VẤN-ĐỀ BẢO-HIỂM (BẢO-KÊ)

L. T. G. — Bài này không có tham-ong đi sâu triệt vào vấn-đề bảo-hiểm mà là để giúp quý vị độc-giả có một khái-niệm về vấn-đề này.

NGUYỄN-HUY-THANH

PHẦN THỨ HAI

CHẾ ĐỘ BẢO-HIỂM Ở VIỆT-NAM



Trong phần này, riêng vấn-đề bảo-hiểm lục-địa được đề-cập tới. Chế độ bảo-hiểm hiện-hành được ấn-định trong những văn-kiện

ban-hành hồi trước đây. Những văn-kiện này quy-định :

- Sự thiết-lập và điều-hành các hội bảo-hiểm,
- Sự kiểm-soát các hội bảo-hiểm,
- Hợp-đồng bảo-hiểm.

I — CÁC HỘI BẢO-HIỂM

Các hội bảo-hiểm không thể thành-lập bất cứ dưới một hình-thức nào.

Trước hết, một người không thể đứng làm công việc bảo-hiểm được, vì lẽ những nghĩa-vụ mà người đứng bảo-hiểm phải gánh, tính cách chuyên-môn của công việc

bảo-hiểm, đòi hỏi một tổ-chức và những bảo-đảm mà một tư-nhân không có đủ lực để làm thỏa-mãn được ; chỉ có một hội mới có đủ khả-năng đứng lãnh bảo-hiểm.

Riêng về các hội, chỉ những hội lập dưới hình-thức vô-danh, dưới hình-thức hợp-tư cổ-phần, dưới hình-thức hồ-tương, mới được phép hoạt-động về bảo-hiểm. Như vậy các hội hợp-danh, hợp-tư đơn-thường (société en commandite simple), các hội trách-nhiệm hữu-hạn và các hội có vốn bất định không được hoạt-động về bảo-hiểm.

A. — Hội bảo-hiểm vô-danh, hợp-tư cổ-phần. — Theo điều 46 sắc-lệnh ngày 8-3-22, những hội bảo-hiểm vô-danh và hợp-tư cổ-phần phải tuân theo những điều-khoản của các luật-lệ ấn-định quy-chế các hội buôn và, ngoài ra, phải tuân theo những điều-khoản của sắc-lệnh này.

Quy-chế chung của các hội buôn được định trong bộ luật thương-

mại (của Pháp) và trong các văn-kiện kế tiếp.

Ở đây, tôi không nói đến quy-chế chung ấy mà chỉ nói những điều-khoản riêng ấn-định trong sắc-lệnh ngày 8-3-22.

1-) **Vốn** — Theo điều 50 của sắc-lệnh, vốn của các hội bảo - hiểm vô-danh và hợp-tư cổ-phần, phải ít nhất là một triệu phát-lãng. Nếu là bảo-hiêm nhân-thọ thì số vốn ít nhất phải 2 triệu quan.

2-) Những khoản dự-trữ —

a) *Quỹ dự-trữ.* — Theo điều 51, hội bắt buộc hàng năm phải trích ít nhất 20% số lãi thực mặt (bénéfice net) để làm quỹ dự-trữ. Nếu quỹ dự-trữ bằng $\frac{1}{5}$ số vốn thì việc trích tiền lãi không có tính cách bắt buộc nữa. Quỹ dự - trữ này dùng để tăng-cường sự bảo - đảm của các khoản dự-trữ sau mà các hội bảo-hiêm phải lập.

b) *Những khoản dự-trữ khác.* — Những khoản dự - trữ này cũng có tính cách bắt buộc và gồm có:
— Khoản dự-trữ về rủi ro có thể xảy ra sau khi kết-toán niên-khoá (réserve pour risque en cours à la fin de l'exercice).

— Khoản dự-trữ về những tai-nạn còn phải thanh-toán sau khi kết-toán niên-khoá (réserve pour sinistre à régler à la fin de l'exercice).

— Khoản dự-trữ để triết - cứu những trái-khoản.

— Khoản dự-trữ toán-học.

Dự-trữ về rủi ro có thể xảy ra. — Muốn rõ khoản dự-trữ này,

cần biết rằng tiền phí bảo - hiểm thâu trước và ghi vào sổ sách năm thâu, nhưng niên-khoá thâu không thể thụ-hưởng tất cả số tiền ấy, vì chung nó còn dùng để bao-rủi ro xảy ra năm sau hay trong suốt thời-gian ấn - định trong khế-khoản bảo-hiêm; thí dụ phí bảo-hiêm thu ngày 11-1-48 dùng để bao-rủi ro xảy ra đến ngày 11-1-49 là ngày hết hạn; như vậy tiền phí bảo-hiêm đóng ngày 11-1-48 chỉ có thể hưởng một phần cho niên-khoá 1948, còn một phần cho niên-khoá 1949. Nhưng mục lỗ lãi của hội đã ghi tất cả số tiền phí bảo - hiểm thu rồi, vậy để lập lại thăng bằng, hội bảo-hiêm phải ghi vào bên nợ của mục ấy phần phí bảo - hiểm thuộc về niên-khoá 1949.

Tất cả những phần phí bảo-hiêm đem qua sang tài - khoá năm sau hợp thành khoản dự-trữ về rủi ro có thể xảy ra sau khi kết-toán niên-khoá.

Khoản dự - trữ ấy tính như thế nào? Theo điều 26, khoản dự-trữ về những rủi ro có thể xảy ra tính ít nhất là 33% tổng số tiền phí bảo-hiêm.

Tiền phí bảo-hiêm dùng để tính khoản dự-trữ này gồm cả những khoản tiền phụ-thuộc về khế-khoản bảo-hiêm như phí tồn khế-khoản (cot de la police), chi phí thâu (droit de recouvrement). v v...

— *Dự-trữ về những tai nạn còn phải thanh-toán sau khi kết - toán niên-khoá.* — Trong một niên-khoá, có xảy ra những tai nạn mà hội

bảo-hiêm chưa thanh-toán hay đã thanh-toán nhưng chưa trả tiền xong cho các đương-sự, việc thanh-toán hay trả tiền sẽ tiếp-tục sang các niên-khoá sau.

Như vậy, khoản dự-trữ này có mục-dịch để thanh-toán những tai nạn đã xảy ra trong một niên-khoá mà hội chưa bồi thương xong ngày kết-toán niên-khoá.

Theo Ô. THEPANT (La détermination du bénéfice industriel dans les Compagnies d'Assurance) thì trung-bình có 67.1. tai nạn xảy ra trong một niên-khoá mà việc trả tiền lòng dòng tới 7, 8 năm sau mới dứt. Như vậy, ta thấy sự quan-trọng của loại dự-trữ này như thế nào.

Sắc-lệnh không có ấn-định cách thức tính khoản dự-trữ này. Cách tính không phải là dễ, vì khó có thể biết được một cách chắc chắn là một tai nạn xảy ra sẽ tốn cho hội bảo-hiêm bao nhiêu tiền, thí dụ: một tai nạn xe hơi làm nhiều người bị thương, sự ước lượng này lại càng khó trong thời kỳ mà giá-trị tiền tệ không được vững chắc.

Phương-pháp thường vẫn còn áp-dụng là cuối năm, hội bảo-hiêm lấy những hồ-sơ ra xét từng cái một và, tùy theo những sự-kiện của mọi vụ tai nạn chưa thanh-toán, ước-lượng số tổn-phí, rồi thêm vào đó những khoản tiền còn phải trả về những tai nạn đã thanh-toán nhưng chưa trả hết; đối với những tai nạn đã xảy ra trong những niên-khoá trước mà hội chưa thanh-toán hay đã thanh-toán nhưng chưa trả xong cho khách

hàng, hội cùng đem ước-lượng lại. Tổng số những khoản tiền nói trên, tức là khoản dự-trữ về những tai nạn còn phải thanh-toán sau khi kết-toán niên-khoá.

☆ *Dự-trữ để triết cứu những trái khoán.* — Trong trường-hợp mà hội vay tiền dưới hình thức phát-hành những trái khoán, hội bắt buộc phải ghi vào phần « nợ » của mục lỗ lãi một khoản tiền nhất định để lập khoản dự-trữ triết-cứu dần những trái khoán.

Ba khoản dự-trữ trên theo điều 15, phải ghi dưới đề-mục riêng trong bản tổng-kết đối-chiếu (bilan). Những khoản dự-trữ phải đem mua những giá khoán do luật định.

☆ *Dự-trữ toán-học.* — Riêng đối với các hội bảo-hiêm nhân-thọ, thì thay vì phải lập khoản dự-trữ về rủi-ro có thể xảy ra, sau khi kết-toán niên-khoá và khoản dự-trữ về những tai nạn còn phải thanh-toán sau khi kết-toán niên-khoá, thì những hội này phải lập khoản dự-trữ toán-học (réserve mathématiques).

Muốn hiểu rõ khoản dự-trữ này, cần nhận-định 2 điểm sau :

— Trong bảo-hiêm nhân-thọ, sự rủi ro tăng lên với tuổi, đáng lý tiền phí bảo-hiêm phải tăng dần, nhưng thực-tế cho hay là điều này khó có thể thực-hiện được. Vì vậy, để cho tiền phí bảo-hiêm được giữ nguyên trong suốt thời-kỳ hợp-đồng, hội bảo-hiêm buộc các đương-sự phải đóng lúc đầu nhiều hơn số tiền đáng lý họ phải đóng. Khoản tiền đóng trội này để xung vào khoản dự-trữ.

— Trong những hợp-dồng có dự-liệu việc gây vốn (capitalisation), tiền phí bảo-hiểm dùng một phần để bảo-hiểm rủi ro (prime de risque), một phần là tiền để dành (prime d'épargne). Phần tiền để dành này phải để xung vào khoản dự-trữ.

Nói tóm, khoản dự-trữ toán-học tiêu-biểu những món nợ của hội bảo-hiểm, đối với người vào bảo-hiểm, nhưng khoản nợ này không phải trả ngay khi lập bản toàn-kê tài-sản mà thanh-toán lần lần từng năm, căn-cứ vào hai điểm trình bày trên.

Khoản dự-trữ toán - học phải trừ liệu trong những tác-vụ bảo-hiểm nhân-thọ, khi mà những tác-vụ này phát sinh ra một khoản nợ của hội với người vào bảo-hiểm ngay lập bản toàn - kê tài-sản, kể cả trường-hợp mà hội phải trả tiền niên-kim chung thân (rente viagère) như trong việc bảo-hiểm tai nạn lao-dộng.

Cách tính khoản dự-trữ toán-học căn-cứ vào tử-vong-biểu (tableau de mortalité), lợi-xuất (taux d'intérêt). Vì cách tính đó thuộc về thống-kê bảo-hiểm (méthodes actuarielles) nên khoản dự-trữ này được mệnh-danh là dự-trữ khoa-học.

3) **Sử-dụng tiền của hội.**— Trừ những khoản tiền dùng để đối-phó với những nhu-cầu thường nhật, và trừ những khoản tiền thuộc về những tác-vụ bảo-hiểm ở ngoại-quốc các hội bảo-hiểm chỉ có thể dùng tiền tài (fonds) của hội vào những công việc sau đây :

— Cho tới 3/4 số tiền của hội :

— Mua bất-động-sản hay cho vay có đề-dương với điều-kiện là bất-động-sản ở Việt-Nam.

— Mua giá khoán của Quốc-Gia hay giá khoán có sự bảo-đảm của Quốc-Gia.

— Mua cổ-phần của Ngân-Hàng Quốc-gia Việt-Nam.

— Cho các đơn-vị hành-chính (đô-thị, tỉnh, xã) và phòng thương-mại vay.

— Mua giá khoán có sự bảo-đảm của các đơn-vị hành-chính ấy hay của phòng thương-mại.

— cho vay hay ứng trước trên những công - phiếu (effets publics) nói trên,

— Cho vay với đề-dương để xây nhà.

Số tiền còn thừa có thể đem đặt lời theo danh-sách do đại hội-đồng thường-niên ấn-định, chiều đề-nghị của Ban Quản-Trị. Những khoản tiền đặt lời này phải ghi riêng vào một đề-mục trong bản tổng-kết đối-chiếu.

Đối với những số tiền thuộc về những tác-vụ bảo-hiểm ở ngoại-quốc hội bảo-hiểm có thể dùng mua bất-động-sản, cho vay có đề-dương hay mua những giá khoán mà luật của nước ấy cho phép, đóng tiền thế chàn, nếu luật-lệ nước ấy bắt buộc.

4 — **Lập bản toàn-kê tài-sản và mục lỗ lãi.**— Mỗi lục-cá-nguyệt, hội bảo-hiểm phải lập một bản đồ lược-kê tình-hình tài-chính của hội để cho các ủy-viên kiểm-toán xem.

Cuối mỗi năm, hội phải lập ra một bản toàn-kê tài-sản, mục lỗ

lãi gồm có những chi-tiết đầy đủ. Những khoản dự-trữ về những tai nạn có thể xảy ra sau khi kết-toán niên-khoá hay về những tai nạn còn phải thanh-toán hay trả tiền sau khi kết-toán niên-khoá phải ghi riêng từng đề-mục trong mục lỗ-lãi. Những tiền phí bảo-hiêm về những rủi ro có đem tái bảo-hiêm và những tiền phí bảo-hiêm về những rủi ro không đem tái bảo-hiêm phải ghi riêng trong mục lỗ-lãi.

Trong bản toàn-kê tài-sản, những yếu-tố tài-sản ghi trong phần « Có » phải định giá theo thể-thức sau đây:

— Nếu là giá khoán, thì ghi giá mua. Nếu giá của thị-trường giá khoán Ba-Lê ngày 31 tháng 12, hạ hơn giá mua, thì ghi giá sau này. Trong trường-hợp mà thị trường giá khoán Ba-Lê không có giá của giá khoán này, thì lấy giá của một trong những thị-trường giá khoán chính của nước phát-hành giá khoán, nếu giá này hạ hơn giá mua.

Nếu là bất-động-sản thì có giá mua, hay giá vốn xây cất; tiền chi phí về công việc tu sửa không được tính vào.

Những yếu-tố tài-sản ghi trong phần « Có » phải ghi riêng từng đề-mục, tùy theo nó có thể hiện-kim-hoá được ngay hay không.

Danh-sách những giá khoán phải đính vào bản toàn-kê tài-sản.

Bản toàn-kê tài-sản và mục lỗ-lãi phải để cho các ủy-viên kiểm-

toán xem chậm nhất ngày thứ 40 trước phiên đại hội-dồng.

Trong hai tháng tiếp theo ngày khai-trình kế-toán trước đại-hội, bản tổng-kết đối-chiếu và mục lỗ-lãi phải đăng vào một trong những nhật-báo được phép đăng những bố-cáo pháp-định. Một tờ báo đó có chữ thị-thực của nhà chức-trách hành-chính phải gửi tới Bộ Tài-Chánh.

B. — Hội bảo-hiêm hồ-tương.

— Hội bảo-hiêm hồ-tương lập theo nguyên-tắc: một số người đồng lòng góp tiền chung nhau để tự bảo-hiêm một loại rủi ro, nếu tai nạn xảy ra cho một người trong bọn, họ sẽ đền tùy theo trị-giá tài-vật đem bảo-hiêm. Nếu số tiền góp thu đầu năm, thì cuối năm, họ sẽ phải đóng thêm hay được hoàn lại một phần tiền đã đóng tùy theo số tiền góp không đủ hay thừa đủ để bồi-thường tai nạn.

Nguyên-tắc này diễn-tả đúng nghĩa thuần-túy của « hồ-tương », nhưng rất nguy-hiêm cho những người gia-nhập, vì họ sẽ có thể phải góp những số tiền quá to. Vì vậy cho nên các hội bảo-hiêm hồ-tương thường ấn-định số tiền góp nhất-định và trách-nhiệm của các hội-viên chỉ hạn-chế đến số tiền góp ấy mà thôi.

Nhưng hội bảo-hiêm, nếu không ấn-định số tiền góp nhất-định, có thể ấn-định giới-hạn tối-đa số tiền góp của các hội-viên.

Trong hai trường-hợp, nếu số tiền góp không đủ để bồi-thường

toàn vẹn tai nạn, thì chỉ bồi thường theo tỷ-lệ mà thôi.

Quan-niệm nói trên được thừa-nhận trong sắc-lệnh ngày 8-3-1922.

☆ *Thành lập hội bảo-hiểm hồ-tương.*

— Văn-thư tạo-lập hội bảo-hiểm hồ-tương có thể là một chứng-thư công-chính (acte authentique) hay một chứng-thư tư-thự (acte sous seing privé) lập thành 2 bản chính, ngoại trừ những điều-khoản của điều 14 đạo luật ngày 29-6-1918.

Dự-thảo điều-lệ hội phải :

— Ghi đối-tượng của hội, kỳ-gian doanh-nghiệp, trụ - sở, danh - hiệu thương-mại, địa - hạt hoạt - động, những loại rủi ro mà hội đứng bảo-hiểm.

— Ấn-định hoặc số người gia-nhập : số này không thể dưới 300 người; nếu là hoạt - động về bảo-hiểm nhân-thọ, thì không thể dưới 500 người; hoặc mức tối-thiểu số tiền được bảo-hiểm (minimum des valeurs assurées), số tiền này không được dưới 5 triệu quan; hoặc số tiền góp trong niên-khoá đầu tiên, số tiền này không được dưới 50.000 quan.

— Ấn-định thể thức trả lương cho Ban Quản-Trị chiếu theo điều 5 của sắc-lệnh.

— Ấn-định số tiền tối-đa dùng về kinh phí khai-lập (frais de premier établissement).

Điều-lệ không được ghi một khoản đặc - lợi nào cho những hội-viên sáng-lập.

Điều - lệ phải sao đầy đủ trong những danh-sách dùng để ghi những người gia-nhập.

Khi những điều-kiện nói trên đã hoàn-tất, những người sáng-lập hay người được ủy-quyền sẽ làm một tờ khai nhận trước mặt chứng-ly văn-khế.

Tờ khai nhận phải đính kèm :

— Danh-sách có chứng thực những người gia-nhập, trong đó ghi tên, họ, nghề-nghiệp, chỗ ở, số tiền được bảo-hiểm của mỗi người, số tiền góp của mỗi người.

— Một bản chính văn-thư tạo-lập hội, nếu làm dưới hình thức chứng-thư-tư-thự, hay một bản toàn sao, nếu làm dưới hình thức chứng-thư công-chính, và nếu chứng-ly văn-khế nhận tờ khai nhận không phải là chứng-ly văn-khế đã đứng lập văn-thư tạo-lập hội.

— Một bản ghi số tiền đã đóng.

Trong hạn một tháng kể từ ngày thành-lập, hội bảo-hiểm hồ - tương phải gửi đến phòng lục-sự toà hoà-giải hay, nếu có, đến Toà sơ-thẩm nơi trụ-sở hội một bản toàn sao văn-kiện tạo-lập hội kèm theo những bản đính theo.

Một bản sao có chứng thực biên-bản của phiên đại-hội đầu tiên cũng phải đính vào văn-kiện tạo-lập.

Cũng trong hạn một tháng nói trên, một bản trích-lục văn-kiện tạo-lập hội và các bản đính kèm phải đăng vào trong một nhật-báo được nhận đăng những bố-cáo pháp-định. Một tờ báo có đăng bản trích-lục ấy, được nhà in chứng-thực và do cơ-

quan hành-chính thị-thực và đem trước-ba trong hạn 3 tháng kể từ ngày phát-hành, phải được lưu-trữ để làm bằng.

Điều-hành của hội.— Việc quản-trị hội do một Ban quản-trị điều-khiển. Điều-lệ hội ấn-định quyền hạn của ủy-ban quản-trị. Ủy-ban quản-trị có thể chọn, trong những nhân-viên của ủy-ban hay, nếu điều-lệ hội cho phép, chọn người ngoài để giữ những chức-vụ giám-đốc, nhưng ban quản-trị phải chịu trách-nhiệm về những người ấy đối với hội.

Lương của giám-đốc ấn-định bằng một khoản tiền nhất-định. Ngoài ra, điều-lệ của hội hay biểu-quyết của đại hội-đồng có thể trù-liệu cấp thêm cho giám-đốc một khoản tiền lương không nhất định trích ở tiền thâu thặng-dư, sau khi đã lập những khoản dự-trữ bắt buộc; khoản tiền lương phụ này không được tính theo số tiền được bảo-hiêm theo số tiền đóng góp.

Những nhân-viên của hội-đồng quản-trị sẽ chọn những hội-viên mà số tiền được bảo-hiêm hay số tiền đóng góp tới mức do điều-lệ ấn-định. Nhiệm-kỳ của nhân-viên ban quản-trị không được quá 6 năm và có thể tái-cử, trừ điều-lệ định khác.

Điều-lệ hội có thể cử nhân-viên của ban quản-trị đầu tiên, nhưng phải đưa ra đại hội-đồng thông-qua và trong trường-hợp này, nhiệm-kỳ của họ không được quá 3 năm.

Đại hội-đồng.— Điều-lệ của hội ấn-định thành-phần của đại hội-

đồng. Điều-lệ ấn-định hoặc mức tối-thiểu số tiền được bảo-hiêm, hoặc mức tối-thiểu số tiền đóng góp để có thể dự vào đại hội-đồng. Điều-lệ cũng lại có thể ấn-định số những người được bảo-hiêm với số vốn to hơn hết (le nombre des plus forts assurés) để dự vào đại hội-đồng.

Những hội-viên không đủ điều-kiện dự-liệu trong điều-lệ có thể họp lại để đạt tới mức tối-thiểu số tiền bảo-hiêm hay tiền đóng góp mà điều-lệ bắt buộc, rồi cử một người làm đại-diện dự phiên họp của đại hội-đồng. Vị đại-diện phải đưa đăng-ký giấy ủy-quyền ở trụ-sở hội ít nhất 5 ngày trước khi có phiên họp của đại hội-đồng; nếu không thì giấy ủy-quyền không có giá-trị.

Điều-lệ ấn-định thể-thức triệu-tập đại hội-đồng; giấy mời phải đăng vào một tờ nhật-báo được phép nhận đăng những báo-cáo pháp-định, ít nhất 15 ngày trước ngày họp của đại hội-đồng.

Phiên họp đầu tiên của đại hội-đồng có nhiệm-vụ xét sự thành-thất của tờ khai nhận trước chương-lý văn-khế của những sáng-lập hội-viên hay những người thụ-ủy, cử nhân-viên vào ban quản-trị đầu tiên và những ủy-viên kiểm-toán cho niên-khoá đầu.

Đại hội-đồng, trong phiên họp này, phải gồm ít nhất một nửa số hội-viên có quyền dự vào đại hội-đồng thì biểu-quyết mới có giá-trị.

Nếu không đủ số, đại hội-đồng chỉ có thể quyết-định tạm-thời. Một phiên đại hội khác được triệu-tập.

Giấy triệu-tập phải đăng hai lần cách nhau 8 ngày trong một nhật-báo được phép nhận đăng những bố-cáo pháp-định, và ít nhất 1 tháng trước ngày họp. Trong giấy triệu-tập có ghi những quyết-nghị tạm-thời của phiên họp trước.

Nếu những quyết-nghị này được phiên đại-hội sau chuẩn-y thì những quyết-nghị ấy thành chung-quyết, 1/5 số hội-viên có quyền dự vào đại hội-đồng có mặt trong phiên-họp là đủ.

Biên-bản của phiên họp ghi sự ưng-thuận của những người được cử vào ban quản-trị hay được cử làm ủy-viên kiểm-toán.

Hội bảo-hiểm chỉ được coi là thành-lập hẳn kể từ lúc ưng-thuận này.

Đại hội-đồng thảo-luận về sự sửa đổi điều-lệ hội, về gia-tăng thời-hạn hoạt-động của hội, hay về giải-tán hội trước kỳ hạn-định phải gồm có ít nhất 3/4 số hội-viên có quyền tham-dự vào đại-hội.

Những quyết-nghị chỉ có giá-trị khi được ít nhất 2/3 số hội-viên có mặt hay có người thay mặt biểu-quyết chấp-thuận. Những sự thay đổi điều-lệ hội phải báo cho hội-viên biết, hoặc bằng cách phát văn-kiện sửa đổi có biên-lai nhận, hoặc bằng thư bảo-đảm, hay chặm nhất trong biên nhận tiền đóng góp đầu tiên.

Đại hội-đồng thường - niên phải gồm có ít nhất 1/4 số hội-viên có quyền dự vào phiên họp, thì đại-hội mới có thể thảo-luận một cách có hiệu-lực được. Nếu số hội-viên không đủ 1/4 thì sẽ triệu-tập một

phiên đại-hội khác. Điều-lệ sẽ ấn-định điều-kiện triệu-tập phiên đại-hội sau. Và trong phiên họp sau, mặc dầu số hội - viên có mặt hay có người đại-diện là bao nhiêu, quyết-định của đại-hội đều có giá-trị.

Đại-hội thường - niên cử một hay nhiều ủy-viên kiểm-toán chọn trong các hội-viên hay người ngoài để năm sau làm tờ trình cho đại-hội về tình-hình của hội, về bảng tổng - kết đối - chiếu, về những chương-mục mà ban quản-trị đưa trình đại-hội.

Quyết-nghị chấp-nhận bảng tổng-kết đối- chiếu coi là vô-hiệu, nếu trước khi quyết-nghị, không có sự tường-trình của ủy-viên kiểm-toán.

Nếu đại-hội không cử ủy-viên kiểm toán hay họ mắc bận hoặc từ-chối, việc cử ủy-viên kiểm-toán sẽ do mệnh-lệnh của Chánh-Án Toà-Án, Sơ-Thẩm nơi trụ-sở hội, theo đơn thỉnh - cầu của bất cứ người nào có liên-hệ, các nhân-viên ban quản-trị được gọi tới tòa để nghe phán.

☆ *Lập bản toả kê tài-sản, mục lỗ lãi và bảng tổng-kết đối- chiếu.*

— Thẻ - thức lập những bản này tương - tự như thẻ - thức của hội bảo-hiểm vô-danh hay hợp-tư cổ - phần (xin xem trên).

☆ *Sự cấu-tạo giao-kết của hội.* — Điều-lệ của hội phải ấn-định thẻ-thức và điều-kiện cấu-tạo giao-kết giữa hội với các hội-viên, nhất là thẻ-thức ước-lượng trị-giá tài-vật đem bảo-hiểm, điều-kiện triển-hạn hay hủy bỏ hợp đồng, những trường-hợp làm cho khế-ước mất hiệu-lực.

Điều-lệ hội không thể cấm các hội-viên đến tái bảo-hiêm hay bảo-hiêm ở một hội bảo-hiêm khác. Điều-lệ chỉ có thể, trong trường-hợp này, bắt buộc họ báo cho hội biết và hội có quyền hủy hợp-dồng.

Khế khoán bảo-hiêm (police d'assurance) giao cho các hội-viên phải ghi rõ những điều-kiện giao-kết, thời-hạn của khế-khoán, những ước-khoán hủy bỏ hay mặc nhiên tiếp tục, mức tối-đa số tiền đóng góp.

Trong khế-khoán cũng phải ghi là đã giao cho hội-viên một bản điều-lệ hội.

☆ *Những khoản đóng góp, chi phí của hội.*— Điều-lệ ấn-định mức tối-đa số tiền đóng góp hàng năm của các hội-viên để lấy tiền bồi thường những tai nạn xảy ra trong năm.

Hàng năm, đại hội-đồng ấn-định số tiền đóng góp trong giới-hạn mức tối-đa đã định.

Điều-lệ hội lại ấn-định mức tối-đa số tiền đóng góp hàng năm của các hội-viên để lấy tiền chi tiêu về việc quản-lý hội. Trong bất cứ trường-hợp nào, số tiền đóng góp của các hội-viên không được quá hai mức tối-đa nói trên, trừ khi có sự tăng thêm gánh nặng thuế-khoá của hội.

Khoản đóng góp để lấy tiền chi phí cho việc quản-lý hội sẽ do đại-hội-đồng ấn-định 5 năm một lần.

Hội sẽ lập những khoản dự-trữ về những rủi-ro sẽ xảy ra sau khi

kết-toán niên-khoá, về những tai nạn đã xảy ra mà chưa thanh-toán hay chưa trả tiền bồi thường xong, dự-trữ để triết-cứu những giá-khoán do hội phát-hành (xin xem ở trên).

Ngoài 3 khoản dự-trữ bắt buộc nói trên, hội có thể lập một quỹ dự-trữ bổ-túc trích ở số tiền thâu thặng-dư, để đối phó với trường-hợp mà tiền đóng góp không đủ để bồi thường, đại-hội ấn-định số tiền của quỹ dự-trữ 5 năm một lần.

Việc xử-dụng những khoản dự-trữ bắt buộc theo thể-thức ấn-định cho các hội bảo-hiêm vô-danh (xin xem ở trên).

Riêng về quỹ dự-trữ bổ-túc thì thể-thức thành-lập và cách-thức xử-dụng sẽ do điều-lệ hội ấn-định, trừ hai điểm sau đây :

— Bất cứ trong trường-hợp nào, trong một niên khoá, - không thể trích quá nửa quỹ dự-trữ bổ-túc được.

— Khi giải-tán hội, việc xử-dụng số tiền còn lại của quỹ dự-trữ bổ-túc sẽ do đại hội-đồng định-đoạt, theo đề-nghị của ban quản-trị và phải được Bộ (Bộ Tài chánh) chuẩn-y.

☆ *Khai báo, giá định và trả tiền tai-nạn.*— Điều-lệ ấn-định thể-thức và điều-kiện mà các hội-viên phải khai báo khi rủi-ro xảy ra cùng là thời-hạn tiêu-diệt tố-quyền.

Sự ước-lượng những thiệt hại do tai nạn gây ra sẽ do một nhân-viên hay một chuyên-viên do hội cử, với sự đối-tịch của đương-sự

hay của một chuyên-viên do đương-sự chỉ-định. Nếu có sự bất - đồng ý - kiến, thì sẽ do một chuyên-viên thứ ba giải-quyết do vị Chánh Án Tòa Sơ - Thẩm chỉ - định, hay vị Thẩm Phán Hòa-Giải chỉ-định, nếu điều-lệ dự - liệu như vậy.

Điều - lệ phải ấn-định thời-gian thanh-toán mỗi rủi ro xảy ra. Hội có thể thanh-toán ngay được, nếu điều-lệ cho phép.

Trong thời-hạn 3 tháng kể từ ngày kết - thúc niên-khoá, hội phải làm một cuộc thanh-toán chung những tai nạn thuộc về niên - khoá ấy. Nếu tổng số tiền góp cộng thêm với phần nửa quỹ dự - trữ bổ - túc không đủ đền toàn vẹn những thiệt hại thì các đương-sự chỉ được đền theo một tỷ-lệ.

Sau mỗi thời hạn 5 năm, nếu tổng số tiền bồi thường trả cho các hội - viên dưới 75% tổng số

tiền phải bồi thường do sự thực-hiện của những tai nạn, một phiên hội-đồng bất - thường phải được triệu-tập trong 2 tháng kể từ ngày khai trình kế-toán. Nếu đại hội-đồng không được triệu - tập, bất cứ hội - viên nào cũng có quyền hủy hợp-đồng.

Nếu điều-lệ hội dự-liệu cho phép hội hủy bỏ hợp-đồng sau khi tai nạn xảy ra, sự hủy bỏ này chỉ có hiệu - lực sau một thời-hạn ít nhất là 1 tháng kể từ ngày tổng đạt việc hủy bỏ cho đương-sự. Trong trường-hợp này, đương-sự được hoàn lại phần tiền đóng về thời-kỳ không có bảo-hiểm, rủi ro nữa, và điều-lệ cũng phải dự - liệu cho phép đương-sự hủy bỏ không phải bồi thường tất cả những hợp-đồng khác mà đương - sự ký-kết với hội.

NGUYỄN-HUY-THANH

(Còn nữa)

★ Hai cách đối-xử.

Lưu-ngưng-Chi đang đi giầy, có người mất giầy tới đòi giầy của ông, ông liền tháo đưa ngay. Đến sau, người ấy tìm thấy giầy, đem lại trả ông, ông nhất định không chịu nhận nữa.

Thẩm-lân-Sĩ đang đi giầy, có người láng-giềng mất giầy đến đòi giầy của ông, ông cười hỏi :

— Giầy của ông đấy sao?

Rồi ông tháo đưa ngay. Đến sau, người láng-giềng tìm thấy giầy, đem giầy lấy lộn trả lại ông.

Ông nói :

— Không phải giầy của ông sao?

Ông cười, rồi nhận.

Việc lộn giầy là việc nhỏ mọn. Nhưng phạm các việc ở đời, ta nên đối-xử như ông Thẩm-Lân-Sĩ mà không nên đối-xử như ông Lưu-Ngưng-Chi.

TẦN - THỈ - HOÀNG

một ông vua nhiều sáng kiến

BÌNH-NGUYỄN-LỘC



thống-nhất Trung-Hoa (công lớn của Tần-thỉ-Hoàng đối với dân Tàu) riêng lấy nó, không phải là sáng-kiến của vua Tần.

« Cái thế lớn trong thiên-hạ là chia lâu ắt hợp, hợp lâu ắt chia » (Tam-Quốc). Khi sự phân-chia lãnh-thổ đã đến độ cùng-cực thì tự-nhiên có người lui-cui may vá lại những mảnh đất đã bị xé-vụn.

Sáng-kiến chính là ở trong việc thực hành sự thống-nhất ấy.

Tần-thỉ-Hoàng đã thống-nhất sơn-hà bằng máu lửa. Có người cho là không tốt, nhưng đó là câu chuyện khác, không xét đến ở đây. Ở đây chỉ nói đến một Tần - thỉ - Hoàng có nhiều sáng-kiến. Trước hết là tài cải-tổ quân-đội.

Trước đó, khắp Trung-Hoa người ta đánh giặc bằng hai binh - chủng : xe và bộ-binh.

Xe do bốn ngựa kéo và chở ba người : một người đánh xe, một người bắn cung bên trái, một người cầm giáo dài bên mặt.

Bộ-binh là những nông-dân, khi có việc mới được gọi nhập-ngũ, và không được luyện-tập.

Vua Tần bỏ binh chủng xe, nặng-nề khó day trở và bắt chước các rợ chung quanh Trung-Hoa, lập ra đoàn kỵ-mã xạ-kích. Đoàn này tiến lẹ như vũ-bão nhờ khinh-khoái hơn ; cuộc đật nào chúng lăn xả vào cũng được chớ không phải như xe, chỉ tiện được ở đồng bằng.

Vua Tần lại dựng lên một đạo binh thường-trực, luôn luôn có mặt dưới bóng cờ, và được luyện-tập thuần-thục, lúc nào cũng sẵn-sàng chiến-đấu.

Về ngoại-giao, ngoài sự hăm-dọa cổ-diễn, vua Tần biết ly-gián các lân-quốc, luôn luôn phá rối sự đoàn-kết của họ bằng cách gieo nghi-ngờ xui phản-bội.

Sau khi gồm thâu được sáu nước cuối cùng, Tần-thỉ-Hoàng lại tỏ ra một nhà cai-trị lỗi-lạc, định thống-nhất chánh-trị, văn-hóa và xã-hội.

Trái với mong-mỏi của họ, những công-thần đã giúp vua Tần dựng nên sự-nghiệp, không được cắt đất phong

hầu như vào các đời vua trước. Họ chỉ được thăng quan, tăng bổng thôi. Chính-sách của Tân-thị-Hoàng là diệt phong-kiến ; vậy thì phải tập-trung chính-quyền chớ cắt đất sao được.

Nước Tàu chia ra làm 36 quận, mỗi quận do một bộ ba quân-chánh-kiêm cai-trị. Bộ ba luôn luôn gồm có ba người nghịch nhau. Họ không làm mưa làm gió một mình được, cũng không đoàn-kết được để mưu phản.

Xong mặt chính-trị, Tân-thị-Hoàng tiếp-tục cuộc cách-mạng vĩ-dại của mình trong địa-hạt văn-hóa. Ông khiến Lý-Tư quy-định văn-tự. Văn-tự Trung-Hoa là một thứ văn-tự tượng-hình. Muốn nói cái cây, vẽ hình cái cây. Khổ lắm là mỗi địa-phương vẽ mỗi khác, nhất là những tiếng trừu-tượng như là : mến, thương, giận, ghét. Lại thêm có phong-trào thể-thức-hóa văn-tự (stylisation) nó làm cho sự bất-đồng càng bành-trướng thêm mãi. Thể-thức-hóa là vẽ cho giản-dị hơn, vuông-vức hơn. Nhưng mỗi nơi lại hiểu giản-dị theo lối riêng của nơi ấy, thành ra hỗn-loạn vô cùng.

Lý-Tư bắt phải vẽ giống nhau trong toàn-quốc. Các núi, nước Tề vẽ làm sao, đất Sở phải vẽ làm vậy. Phương-pháp thể-thức văn-hóa cũng phải thống-nhất.

Vua Tân lại hạ-lệnh cho các nơi làm thước đo và cân giống nhau. Thống-nhất đo-lường đưa kết-quả tốt vào kinh-tế không nhỏ vậy.

Ngoài ra lại bắt dân chúng khi chế-tạo xe, cái ví xe không được dài hơn hai mươi bộ. Số là nhà Tân đã cho đắp đường, một công-tác mà từ mấy ngàn năm nay chưa vua nào

nghĩ đến. Đường ấy rộng năm mươi bộ, đắp cao lên cho khỏi bị nước ngập, nếu thực-hành xong, nước Tàu sẽ phồn-thịnh vô kể.

Nếu đã có đường rộng năm mươi bộ thì không thể cho tự-do làm xe bao lớn cũng được, xe ấy phải nhỏ hơn phân nửa con đường, để có thể tránh nhau.

Tân-thị-Hoàng lại ra lệnh bố-ráp tất cả những người hành-khất và lưu-manh cho đi khai-thác các đất mới ở Hoa-Nam. Biện-pháp ấy vừa giải-quyết vấn-đề nhân-mãn ở thung-lũng Hoàng-Hà, vừa đưa ảnh-hưởng Trung-Hoa đi xa, hoàn-thành một thực-dân ở đất mới.

Bao nhiêu sáng-kiến tốt đẹp ấy, thế mà một khi Tân-thị-Hoàng chết không còn lại cái gì cả, Hay nói công-bình hơn chỉ còn lại việc thống-nhất sơn-hà và tập-trung chánh-quyền là hai điểm cải-cách chính-trị được tồn-tại cho đến ngày nay.

Chỉ vì vua Tân cải-cách đột-ngột quá mà không có một đạo-bình đi giải-thích cho dân-chúng hiểu sự ích-lợi của những cải-cách ấy.

Khi vua còn tại-vị người ta ngấm-ngấm than-van vì run sợ. Hoặc người ta có chống lại cũng thất-bại vì chế-độ Tân đang vững.

Nhưng một khi người kế-nghiệp yếu đuối hơn, tự-nhiên người dân đang bị lạc-hướng vì chưa làm quen được với mớ cải-cách nói trên, nổi lên chống trả.

Một ông vua thông-minh và nhiều sáng-kiến mà muôn dân đều thán-oán chỉ vì ông thiếu lòng Nhân.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

LỄ GIÁ-THÚ TRONG CẦU HỒ MIỀN NAM

THUẦN-PHONG

LỄ - GIÁO



TRONG cánh đồng bát-ngát,
giữa đám mạ xanh non,
trên biển vàng lúa chín,
trai với gái cũng tỉ như
gió mát với trăng thanh,
gió cho trăng thêm thú,

trăng cho gió thêm duyên, đưa-dây dịu-
dàng, như nòng-nàn, như hồ-hững, khi
gần-gũi, khi xa-xôi, dẫu tự-do ở giữa
khoảng đất trời, song vẫn chẳng vượt
ngoài vòng lễ-giáo.

Cầu hồ là nguyên-do tiếp-xúc giữa gái
tốt trai lành ; cầu hồ cũng là chuyển đồ
nên nghĩa, miễn thỏa-mãn một điều-kiện
căn-bản là trọng quyền sở-định của mẹ cha.

Cao cả hơn hết là cha mẹ ; kinh-
nghiệm hơn hết cũng là cha mẹ ; sáng-
suốt hơn hết cũng là cha mẹ ; thương
yêu và lo-lắng cho con hơn hết cũng là
cha mẹ. Người con kim-thời thường tự-
tín, cho mình thấy rõ quyền - lợi và
trương-lai của chủ-quan mình một cách
minh-xác hơn ai ; nhưng sự thật luôn
luôn chứng tỏ trái lại và xác-nhận bao

giờ cha mẹ cũng có cặp mắt sáng-suốt,
có trí óc minh-mẫn, thấy xa hiều rộng
và nhận-định đúng hơn con.

Căn-cứ vào công ơn sinh-dưỡng và
những diêm ưu-thắng về kinh - nghiệm,
tình thương, quyền sở-định của cha mẹ
trong việc hôn-nhân được thừa-nhận, lắm
khi một cách vô-minh : tự-do cá-nhân phải
nhường hẳn cho thủ-tục, cho lễ - giáo.
Vì vậy, người con hiếu-hạnh bao - giờ
cũng tôn-trọng quyền sở-định của mẹ cha.

Kiểm nơi nước vận cạm sào,

*Chừng nào cha với mẹ định nơi nào
em sẽ hay.*

Mẹ cha là đấng sinh-thành dưỡng-
dục, lẽ đương-nhiên là có quyền định
vợ gả chồng cho con. Nhưng xã-hội
xây-dựng trên căn-bản gia - tộc vẫn có
quyền tham-gia ý-kiến. Ở trên cha mẹ,
còn có ông bà, ngoài ra vẫn còn có cô
bác ; phải được toàn-thê thân-tộc tán-
đồng, phải được những người có quyền
góp ý-kiến thỏa-thuận, cuộc hôn - nhân
mới được liêu-thành :

Cũng nhờ cô bác đôi bên,

Một người một tiếng mới nên cang-thường.

Thật vậy, nếu gia - tộc không thuận
 ưng, nhất là mẹ cha cản-trở, thì dầu
 cho thuyền-quyên quân-tử có cảm-tưởng
 xứng lứa vừa đôi, họ cũng không mong
 gì vượt khỏi vòng lễ-giáo, họ phải tuân-
 lệnh mẹ cha, họ phải đành thất vọng :

Chữ cận là gần,

Chữ viễn là xa,

*Tôi với mình cách trở, tại mẹ cha
 không đành.*

Tuy nhiên, cũng lắm khi trong thân-
 tộc có người không tán-thành, chẳng hạn
 như những cô bác yếu thế-lực và nhẹ
 tình-nghĩa đối với cha mẹ, thì cha mẹ
 cũng dám bỏ qua ý-kiến chống-đối, miễn
 là ông bà bằng lòng, miễn là được thỏa-
 mãn những điều-kiện chính-yếu như tiền-
 tài hay danh-giá hoặc đức-hạnh, đặc-biệt
 là sự thỏa-thuận của con :

Hai đứa mình đành,

Phụ-mẫu cũng đành,

*Phụ-mẫu đâu nỡ dứt duyên - lành
 của con.*



MAI - DONG

Ý-nguyện thành-hôn cần phải chuyển-
 đạt đến mẹ cha, đến cả ông bà, cô bác ;
 mà phận làm con, dầu trai dầu gái,
 ai có quyền lãnh nhiệm-vụ gay-go chuyển-
 đạt ý nguyện ấy ? Phải có một tay trung-
 gian, một người mối lái. Cho nên cô
 gái tuy lòng đã thuận chiều, mà vẫn
 dè-dặt :

Nay em còn cha, còn mẹ,

Còn cô, còn bác,

*Nên em không dám tự - tung tự-tác
 một mình ;*

*Anh có thương, cậy mai đến nói, cha
 mẹ đành, em sẽ ưng.*

Anh trai vẫn là người biết lễ-giáo và

đồng-ý tuân theo lễ-giáo, đợi lệnh mẹ
 cha, nhưng trước khi « bước tới », muốn
 được lời cho cõng tấm lòng :

Đợi lệnh song-thân em phải vậy,

*Song em quyết một lời rồi, anh hãy
 cậy mai-dong.*

Anh trai có vẻ biết đều, song phận
 làm gái phải giữ-gìn danh-tiết, dám đâu
 vội-vã hẹn-hò, phải tránh câu « tiền-dâm
 hậu-thú » :

Thông kinh-sử ấy phần nam-tử,

Giữ nết-na là phận nữ-nhi ;

Xử sao vẹn chữ xướng-lù ?

Tiếng ừ thì dễ, em lo về ngày sau.

Anh trai cố đánh đồ cái lý-luận chèo
 xuôi mát mái, cõng-mở mối lo-lắng xa-
 xăm của cô, liền hứa-hẹn quả-quyết :

Miền bậu đành ừ,

Qua chẳng từ lao khổ :

Dấu dăng sơn tìm hồ,

Dấu nhập hải tróc long,

Trước sau giữ trọn một lòng,

Vào lòn ra cúi anh đành lòng theo em.

Lòng người tiết - nghĩa không phải
 manh chiều mà dễ cuốn, không phải
 hòn đá mà hồng lặn ; lời nói danh-dự
 ngàn vàng khôn mua, tấm lòng băng-
 tuyết dễ đâu một sớm một chiều mà
 trao gởi ? Và chẳng lời nói tuy không
 mất tiền mua, song có thể làm tồn-đức
 ở mai-hậu, nên cô gái đáp :

Em ừ bõc bấy chừ,

Cha mẹ từ chẳng khứng :

Có phải hại anh đau ngồi đau đứng,

Báo anh lo ngược lo xuôi,

Trước vui, sau lại không vui :

Chi bằng anh cậy mối, nói hồi ban sơ.

Trong thực-tế, mai-dong là tay « lợi-
 hại » ; thành hay là không thành duyên-
 nợ đều do ông mai, bà mai. Buộc vào,

mở ra, khen tốt, chê xấu, làm thế nào mà có khi hoài-công mai-chước, lỡ mỗi nhân-duyên:

Đi ngang cầu sắt,

Hỏi gắt chung-linh:

*Bướm xa ong tại nhụy, tôi xa mình
bởi tại ai?*

Có khi tại già lời nói, người ta đâm ra nghi-ngờ:

Cây oản vì bởi trái sai,

Xa em vì bởi ông mai lắm lời.

Có khi vụng nói, mai-dong cũng không thành-công trong sứ-mạng trung-gian:

—Xấu dao xắt chẳng mỏng gừng,

Xấu người mai-chước, lỡ chừng đôi ta.

—Xấu tre uốn chẳng nên cần,

Xấu mai nên chẳng được gần với em.

Lại có khi duyên-nợ bất thành vì mai-dong ác-ý, thêu-dệt những điều bất lợi cho đôi bên:

Lộ bất hành bất đáo,

Chung bất dã bất minh;

Bây giờ anh mới rõ tình:

*Tại bà mai ở độc, hai đứa mình
mới xa.*

Trái lại, nếu ông mai bà mai khéo ăn khéo nói cho thành lứa đôi, thì ngoài ra lễ-vật, như dầu heo, trà rượu, người đem đến tạ ơn, hai bên trai gái vẫn ghi lòng công-đức tác-thành giai-ngẫu.

Cậy người giá-thú trao lời,

Đôi ta sum-hợp, ơn người tạ ơn.

Dầu ông mai, bà mai nói xong, cuộc hôn-nhân cũng không phải đến đây là thành-tựu. Vấn-đề còn phức-tạp hơn. Người ta còn phải nhờ đến một vai trò khác, cũng hệ-trọng không kém vai tưởng mai-dong: ấy là ông thầy bói.

Về vấn-đề hôn-nhân, ai cũng làm thầy bói được một phần nào, cũng như về chữa bệnh, mỗi người đều tưởng mình có thể thay-thế ông thầy thuốc; một ít câu thiệu, như «nhứt gái lớn hai, nhì trai lớn một», «dần, thân, tị, hợi, tứ hành xung»... cũng đủ cho người ta có một vài mẫu-mực để chọn-lựa theo thành-kiến thông-thường. Tuy-nhiên bao nhiêu cần-thận ấy cũng chưa đủ an lòng người; cha mẹ cần có đảm-bảo chắc-chắn hơn về tương-lai con-cái, nên phải đi cầu nhà chuyên-môn, đi xem thầy bói: lời đoán của thầy bói có quyền-lực quyết-định; thầy nói hai tuổi xung-khắc là phải hồi ngay, bằng không, e cho vợ chồng ăn ở chưa rách một đôi chiếu là sẽ gãy gánh giữa đường:

Bói khoa năm bảy ông thầy,

Tuổi tôi chẳng dặng sum-vầy với anh.

Người ta dám tin-tưởng khoa coi tuổi cũng như một khoa-học tinh-xảo, cho đến đôi người ta cụ-thề-hoá sự xung-khắc mà không ngại-ngần:

Tại phen kỵ nước, nước trong,

Đôi ta kỵ tuổi, chưa xong vợ chồng.



HÀNG RÀO THƯA

Chừng nào lứa-đôi coi mọi đã xúng, mai-mối bên trong thương-thuyết đã xong và tuổi-tác cung-mạng bói xem đã hạp, chừng đó lễ-nghi chánh-thức mới có thể bắt đầu.

Đã là một dân-tộc tự-hào với trên bốn ngàn năm văn-hiến, đã sống trong vòng lễ-giáo văn-minh, người ta bằng lòng đặt mình vào khuôn-phép ngàn xưa, vừa phiền-phức, vừa hao-tốn:

Như anh có muốn cùng em,
Anh lo sáu lễ phòng đem đến nhà.

Đối với nhà giàu, sáu lễ nạp - thái, văn-danh, nạp-cát, nạp-trung, thỉnh - kỳ, thân-nghinh, có lẽ là sáu cơ-hội thù-tạc để cho hai họ tô-bồi tình-thân, nếu không phải là dịp khoe-khoang tiền-của ; nhưng đối với nhà nghèo, sáu lễ là không biết bao nhiêu âu-lo, khó-nhọc :

Tốt về thừa với mẹ cha,
Chạy lo sáu lễ đem qua cưới nàng.

Bề nào nghi-lễ cũng không thể bỏ qua, phải chạy lo làm sao cho coi được, cho rạng mặt rỡ mày đôi bên, cho nên ông mai hay là bà mai, đã vận-dộng bên trong hoàn-thành, còn phải trở lại đàng gái với « mâm trầu cho tốt, hũ rượu cho ngon » để cầu-hôn chánh-thức :

Mâm trầu hũ rượu dâng-hoàng,
Cậy mai đến nói, phụ-mẫu tàng thì xong.

Theo cha mẹ đàng gái, trầu ấy gọi là trầu héo, rượu ấy cho là rượu lạt, nhưng theo quan-niệm thông-thường hai lễ-vật ấy tượng-trưng cho cái hoa con gái, cái vinh-diệu cho kẻ danh-thành, cái danh-dự của gia-tộc. Lễ-vật ấy là tối-cần, là quyết-định, vì hễ được nhận, là hôn-nhơn kể như đã thành : một bức rào thừa đã cạm chung-quanh cái hoa con gái. Trái lại, bằng không có miếng trầu héo, thiếu chung rượu lạt, thì e việc không thành :

Em cũng có mẹ cha,
Xin anh đến nhà thừa lại;
Rằng tình ân-ái,
Nhân-ngãi chẳng phai,
Song hiềm trắc-trở duyên-hài,
Phải cho có mối có mai lễ trầu.

Cuộc đời mới càng ngày càng phức-tạp khó-khăn, lễ-tục đủ càng ngày càng thất-truyền giản-dị. Sáu lễ ở đây chỉ còn có ba, mà lễ bỏ trầu-cau là lễ giao-thiệp chánh-thức đầu tiên giữa hai họ, dầu sao cũng phải cử-hành ; cho nên muốn tính cuộc vuông-tròn thì bề nào cũng phải thỏa-mãn nghi-lễ sơ-giao ấy :

— Anh rằng: anh tưởng anh thương,
Xin anh mau khá lo-lường sính-nghĩ.
— Tổn-hao anh chẳng màng chi,
Chín e lỡ-dờ uông thì trầu cau.
— Một lời đã hứa với nhau,
Anh cậy mai đến nói, em nào sai ngôn.

Ngoài ra trầu-cau còn ý-nghĩa khác ở khía-cạnh của khách liễu-yếu đào-thơ ; nó tượng-trưng tấm lòng biết ơn sanh-thành dưỡng-dục, tiêu-biểu chữ hiếu của người con gái tiết-trình :

Thương tôi, rượu chén, trầu coi,
Đến cùng phụ-mẫu đến nơi sanh-thành.

Dầu cho giàu hay nghèo, phận làm gái phải để cho cha mẹ định-hôn, mới được nhìn nhận là con hiếu, chớ mấy ai dám tự-tung tự-tác mặc áo qua đầu.

Vậy, vì danh-dự, vì đạo hiếu, lễ bỏ trầu-cau bắt-buộc phải cử-hành: tiếng là bức rào thừa, nhưng thường là một bức thành kiên-cố, một nền-móng vững vàng bảo-đảm chắc chắn cho cuộc hôn-nhân Trầu-cau là một thứ giao-ước bất thành-văn mà vô cùng giá-trị, không dễ phản-bội mà không khỏi tồn-hại thanh-danh.



HIỆP-CẢN GIAO-BÔI

Tuy cũng có khi vì lợi mà xảy ra cuộc « ép dầu ép mỡ », song con người

đạo-nghĩa vẫn nép mình nhường bước cho đại gia-đình : thề-thống và gia-phong quý-trọng hơn là tự-tung tự-tác. Cuộc đời, đặc-biệt là đời tình-ái, được giản-dị nhiều, nhờ không có tự-do kết-hôn, nhờ bạn trai bạn gái không đòi hỏi tự-do kết-hôn, mặc dầu đôi khi trong đáy tim vàng, sau màn lễ-giáo, thấp-thoáng hình-bóng một khách tao-nhân. Cũng nhờ không có tự-do kết-hôn mà biên tình ít khi sóng xao gió dậy: không có tự-do kết-hôn nên không có tự-do ly-dị.

Mỗi lần kết-hôn là mỗi lần phải thỏa-mãn nhiều nghi-lễ thiêng-liêng cả-thề. Sau lễ bỏ trầu-cau sơ-vấn và sau lễ hỏi trang-trọng hơn, là đến kỳ lễ cưới.

Lễ, tức là lạy,— lạy tổ-tiên, lạy cha mẹ, lạy họ-hàng. Lạy, trước con mắt người « văn-minh », là hình-dung tinh-thần nô-lệ, là đả-đảo bản-ngã của người, là chà-đạp nhân-phẩm. Nhưng thông,



thường, lạy trong tinh-thần đạo-nghĩa của ta xưa, là thể-hiện tấm lòng hiếu-thảo, là đáp nghĩa đền ơn,— cái ơn nghĩa sanh-thành, lớn nặng như Thái-Sơn, sâu rộng như Đông-Hải. Lạy là nghi-lễ của một văn-minh, mặc dầu là văn-minh phong-

kiến. Trong đời người, gần như có một lần trong dịp lễ thành-hôn, người ta phải lễ người sống, vì cuộc lễ thành-hôn trọng-thề quá, thiêng-liêng quá: không có nhà Sư chen vào chứng-giám, tuy nhiên lễ thành-hôn được vinh-tôn gần bằng một nghi-thức tôn-giáo,— lý-do cái lạy có lẽ là đây.

Cho nên, sau khi làm lễ từ-đường, đôi tân-nhân cúi lạy cha mẹ với tất cả thành-kính:

*Lục-bình chung trước tam-sơn,
Đôi ta quì xuống đền ơn mẫu-từ.*

Nhưng không phải lạy suông, vì cái lạy chưa đủ lễ, còn phải dâng trầu, rót rượu,— rượu mới là lễ vậy:

*Rượu lưu-ly chân quỳ tay rót,
Cha mẹ uống rồi, đời gót theo anh.
Rượu chẳng những rót mời cha mẹ,
mà rượu còn phải rót làm lễ cô bác bà con hai làng:*

*Một bộ chén chung lớn sơn đỏ,
Một bộ chén chung nhỏ sơn vàng,
Rượu song-chưng rót dãi đôi làng,
Đền ơn cha mẹ, con bạn vàng theo anh.*

Sau cuộc lễ hai họ, mới đến lễ hiệp-cần giao-bôi, là giờ phút long-trọng như là giờ phút, trong phòng loan, tân-nhân mới bắt đầu kết nghĩa tơ-tóc, trước đôi ngọn đèn tơ-hồng:

*Đèn loan hiệp-cần trong phòng,
Trăm năm chí quyết bá-tòng vầy dưng.*

Lễ cưới chẳng những là dịp long-trọng để cho người sống hai họ tác-thành duyên phận cho tân-nhân, mà, hệ-trọng hơn, là dịp thiêng-liêng để cho nguyệt-lão xe tơ kết tóc cho đôi lứa. Trông quan-niệm thông-thường, nguyệt-

lão là vị thiêng-liêng chủ-hôn trong mọi cuộc hôn-phối, với danh hiệu là bà Nguyệt-lão hay ông Tư-hồng. Cho nên, ngay trong phòng-loan, ngay trong lúc nhập phòng, người ta phải lập một bàn thờ Tư-hồng và phải làm lễ Tư-hồng: một đôi đèn sáp sơn đỏ, một quả nhỏ đựng nếp, một đĩa mứt, một chung trà, ba chung rượu, ba chén chè... là những lễ-vật cúng-dưng thông-thường, tùy theo trường-hợp, tùy theo địa-phương và tùy theo thời-dại:

— Tay bưng quả nếp vào phòng.

Đèn hương đôi ngọn chữ bá tông
cầu-hôn.

— Vái Ông-Tư một đĩa bánh bò bông,
Cùng bà Nguyệt-lão gắng công xe giùm.

— Nấu chè van-vái Nguyệt-bà,
Khiến cho chung hiệp một nhà phụng-loan.

— Hai đứa mình đứng lại một bên,
Ông Tư xe quyết mới nên cang-thường.

— Chỉ điều ai khéo vắn-vương,
Một người một xứ mà thương nhau đời.

— Chữ tình ai bút cho rồi,
Tư hồng đã định, đời-dời dặng dêu.

— Đêm năm đã-đượi lâu tây,

Tư-hồng xe quyết, đồ với dây vợ chồng.

— Đạo vợ chồng, tôi nói mình nghe:

Đôi ta gá ngời, ông tư xe đã rồi.



Thành-kiến cũ-kỹ cho rằng: « Phú-quới sanh lễ-nghi » và bình-dân không trọng nghi-lễ. Sự thật chứng minh có ít lắm là hai thứ lễ-nghi: một thứ lễ-nghi phù-hiêu, một thứ lễ-nghi thành-khân. Hạng phú-quới chưa ắt chí-thành trong lễ-nghi, đành rằng hạng bình-dân khó lòng mà tự-đắc trong nghi-lễ.

Dẫu theo tinh-thần nào, cuộc hôn-nhơn chánh-thức vẫn cử-hành theo nghi-lễ cổ-truyền, như ca-dao còn lưu dấu.

Trai lành gái tốt biết trọng thề-diện của mình và trọng danh-giá của gia-quyển, ai ai cũng tuân theo lễ-nghi và cố gắng làm tròn nghi-lễ, đúng theo mỹ-tục thuần-phong.

THUẦN-PHONG

★ Có « dũng » chưa đủ, còn phải có « trí »

TRONG số môn-dệ của Không-Tử, có Tử-Lộ là người nóng-nảy và hung-hăng nhất. Một hôm, Tử-Lộ hỏi Không-Tử rằng:

— Như thầy có đem quân ra trận thì thầy sẽ chọn ai theo giúp?

Không-Tử, ý muốn hạ cái cách vũ-đoán của Tử-Lộ, liền đáp:

— Chắc ta không chọn kẻ tay không mà bắt hồ, chân không mà lội qua sông lớn, liều chết mà không biết tiếc thân. Ta sẽ chọn kẻ lâm sự biết dẫn-đo, dè-dặt, mưu-toan cho được thành-công.

NAM NỮ BÌNH QUYỀN

TUYẾT-NGA



Ừ LÂU chị em nước ta cũng như hầu hết các nước ở Á-Châu hậu-tiến, bị trói buộc trong ngưỡng cửa gia-đình vì câu : « Phụ-nữ khuê môn bất xuất » hay : « Đàn-

bà đi qua không khỏi ngọn cỏ ». Ấy chẳng qua vì chế-độ phong-kiến ép buộc chị em thành nô-lệ cho một hạng đàn-ông ích-kỷ, hẹp hòi.

Ngày nay, nhờ tinh-thần phụ-nữ phát-triển, hiểu xa, biết rộng, nên những thành-kiến lỗi-thời lần lần bị đào-thải.

Ta phải công-nhận hiện thời, chị em nước ta đang mạnh-tiến trong các công-tác xã-hội, đảm-nhận hầu hết các ngành văn-hóa, công-nghệ, thương-mại không kém tài trai. Nhiều bạn đã từng kinh-doanh sự-nghiệp vĩ-dại, chen lấn tranh-thương với ngoại-kiều, tham-gia vào hội Dục-Anh, giúp đỡ các cơ-quan từ-thiện, hoặc xuất-dương du-học, nhất nhất ở phương-diện nào, các bạn cũng tỏ ra đặc-lực và thâu-thập nhiều kết-quả khả-quan. Chị em không còn bo-bo sống theo lối ích-kỷ, cởi bỏ ách « chồng chúa vợ tôi », đã mạnh dạn ra

ngoài đời gánh vác những việc mà trước kia, phụ-nữ không được dự vào.

Đây là một điềm vinh-hạnh cho phái yếu chúng ta không thẹn mặt với phụ-nữ năm châu, mặc dù chúng ta là kẻ đi sau.

Tuy vậy, chúng tôi không khỏi lo buồn cho một số ít chị em hiểu sai nghĩa hai chữ « Bình-quyền ».

Được bình-quyền với đàn-ông, chị em chúng ta có quyền tham-gia chánh-trị, có quyền bầu-cử, có quyền ăn nói, có quyền tham-dự vào các việc công.. chớ đâu có phải vài người cho rằng : Bình-quyền với đàn-ông là không thờ chồng, nuôi con, là được tranh đua với chồng vào các cuộc đồ-đen, bông - lung chơi-bời thâu đêm suốt sáng, đánh-quần, đánh-áo, chưng-diện cho đẹp, thả rong hàng xóm, lượn theo phố-phường, tự-do đi xem chớp bóng, đi nhẩy đầm, uống rượu giống in như kẻ chơi-bời trác-táng, không màng đến chức-vụ thiêng-liêng của người đàn-bà Á-Đông đã được tiếng khen khắp hoàn-cầu ?

Khi chồng có chuyện bực mình khiển-trách, họ dõ lý-thuyết ra trả lời :

— Bây giờ nam-nữ bình-quyền rồi, không phải như hồi xưa đâu, mà bắt tôi ở nhà làm bếp, làm vú em.

Thật là sai lầm. Nào có phải bình-quyền là chị em ta quên bổn-phận kính chồng, dạy con, không săn-sóc gia-đình đâu ?

Tiêu gia-đình không hòa-thuận, thì đại gia-đình khó đứng vững. Nước mạnh nhờ dân đông, đoàn-kết chắc-chẽ, đồng tâm nhứt-ý, mới được hùng-cường. Bây giờ chị em thử nghĩ : Tiêu gia-đình chúng ta không thuận-hòa, chồng đòi quyền chồng, vợ đòi quyền vợ, thì còn gì là hạnh-phúc.

Người đàn ông mất sự hăng-hái vui-tươi trong cuộc tranh-dấu với đời sẽ ra sao ? Làm sao tránh khỏi sự bê-tha, trụy-lạc ? Một quốc có những phần-tử ấy làm sao tránh khỏi sự suy-đổi ?

Ít ra, người vợ phải biết hy-sinh, khuyến-kích chồng, ngọt-ngào chịu-chuộng, lựa lời êm-dịu khuyên chồng phấn-khởi luôn luôn đừng để chồng buồn tủi vì cảnh gia-đình xáo-trộn.

Bổn-phận chị em chúng ta ngày nay không phải nhỏ, nhứt là chúng ta tiến đến mức bình-quyền với đàn ông. Càng lên cao bổn-phận càng nặng, chị em chúng ta phải làm sao cho xứng-đáng với trách-nhiệm của mình.

Quanh ta, còn thiếu chi hạng đàn ông sa-ngã, vui say nơi tửu-diêm. trà-dinh, không màng đến việc nước nhà, không nghĩ đến tiếng kêu than của đồng-bào nghèo đói, quanh năm suốt tháng mài-miệt theo cuộc truy-hoan. Hạng người ấy không phải hoàn-toàn do bản-tính của họ như thế cả, còn nhiều người vì gia-đình không đầm-ấm sinh ra chán-nản

muốn đi tìm cái quên trong các cuộc vui ồ-ạt, vô-tình sa vào hố thăm không hay.

Chúng ta có thể nhận lỗi một phần ở chúng ta không ? Nếu chị em chúng ta chung vai gánh vác với chồng, tận-tâm lo tròn bổn-phận, thì người đàn ông phải tỏ ra cách nào cho xứng-đáng với lòng yêu cao rộng của mình, chớ có bao giờ họ dám làm gì để xã-hội loại họ ra ngoài lề ?

Đối với con, chị em ta không kém nặng-nề. Chúng ta không khéo giữ gia-đình đầm-ấm, làm sao dạy-dỗ đứa trẻ thành người dân lành-mạnh sau này. Làm sao nó có một tâm-hồn biết yêu nước thương dân

Gặp lúc nước nhà nghiêng-ngửa, sự xao-nhãng giáo-huấn của các bậc cha mẹ, đứa trẻ sau này có thể trở nên tàn-bạo, một ung-thư của xã-hội.

Nếu như thế, lỗi ấy do đâu ?

Chị em chúng ta tận-tâm lo tròn chức-vụ thiêng-liêng của người đàn-bà, chen vai gánh vác với chồng, bất cứ ở phương-diện nào, tùy sức của chúng ta làm nôi.

Khi người chồng tạo đoàn tiến-quân, họ sẽ thơ-thới, không bận-tâm về vấn-đề thê-nhi, nhà cửa. Họ hoàn-toàn tin cậy ở người vợ hiền sẽ khéo đảm-dương chống vững gia-đình khi người chồng xa vắng.

Bao nhiêu đấy, cũng đủ thấy trách-nhiệm của chị em chúng ta nặng như thế nào ?

Chúng tôi thiết-tha mong chị em nào còn xao-nhãng bổn-phận hoặc định-nghĩa sai lầm hai chữ « bình-quyền ». Có thể, chị em mới giữ được lòng kính mến của chồng, giữ được sự yên-vui của gia-đình và giúp được một phần trong công-cuộc kiến-thiết Quốc-gia, tiến kịp theo trào-lưu tiến-hóa.

TUYẾT-NGA

Quê tôi miền Bình-Định



Bình-Định giờ đây giải - phóng
Nắng lên reo ngát hương đời
Tám hương bình lan sức sống
Ai về ... Bình-Định quê tôi...

Quê tôi có bãi dâu xanh
Có lụa tơ vàng An-Thái
Có dừa Tam-Quan ngọt lành
Ven đèo An-Khe trồng cải ...

Ai đã về qua quê tôi ?
Hải biết Phủ-Phong thuốc lá
Khói thơm quện lẫn mây trời
Có dùi Hoa-Sung đẹp lạ ...

QUÊ TÔI MIỀN BÌNH-ĐỊNH

Xa xa ruộng lúa xanh màu
Thấp - thoáng, vài nàng thôn - nữ
Miệt mài, hò vọng đôi câu
Nhọc - nhàn, không hề tư - lự . . .

Sử chàm mờ trong đất đỏ
Thành xưa năm tháng quanh - hù
Nhớ chăng kỳ - công vạn - cổ ?
Hôm nay lặng - lẽ tiêu - điều . . .

Yêu hơn chàng trai Bình-Định
Sáng ngời đôi mắt hùng - anh
Dám nắng ngoài khơi, ven vịnh . . .
Cần-cù : thuyền, vó, biển xanh.

Danh mộ Quang - Trung hoàng-đế
Chiến - công quyền lấy trăm nhang
Toả hương muôn mùa thế-hệ . . .
Quy Nhơn : quốc-thổ huy-hoàng.

An - ninh nhờ anh linh chiến
Tiếp - thu tạo lại cuộc đời
Hoà-bình thăm hồn dân-lộc
Ai về . . . Bình-Định quê tôi . . .

Mùa giải-phóng.

K . C . Thanh-Trung.

HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung, Su, nên
Kính tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÀNG CHÍNH :

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị

lớn khắp thế-giới.



BLUE BIRD
Dùng Hộp Quẹt là
phụng-sự nền kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

ROBERT BEAU

JOAILLIER

Agent de PATEK PHILIPPE et LONGINES

153, rue Tự - Do (ex Catinat) — SAIGON

Hãng GARAGES CHARNER

131 - 133 đại-lộ Nguyễn-Huệ

SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN CÁC HIỆU XE :

— CHEVROLET

— CADILLAC

— AUSTIN

— và « rờ-mọt » CODER

Rất hân-hạnh được tiếp đón quý ngài để trình-bày những đặc-diểm về các hiệu xe này và sửa chữa đủ các loại xe hơi lớn và nhỏ.

Hãng gồm toàn thợ chuyên-môn và có máy riêng để điều-chỉnh các thứ bơm dầu cặn (pompe à injection) cho xe hơi và máy tàu một cách rất tinh-mật.

Đ.T. 20.423 và 22.531

THE BANK OF EAST ASIA, LTD

(ĐÔNG-A NGÂN-HÀNG)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Dĩ-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : No 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

**TOUTES OPERATIONS DE BANQUE
ET DE CHANGE**

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

ANH MƯỜI MÉO

LÊ-VĂN



I đến Hòa-Hung, vào hẻm 159, tắt biết hoặc nghe nói về anh Mười Méo. Anh không nổi danh như một người tài-ba lỗi-lạc.

Người ta biết anh chỉ vì khi nói, miệng anh méo - se, mà lời nói tròn vo, tròn cả tình lẫn nghĩa.

Anh có một vợ, bốn con, năm nay độ 38 tuổi. Là dân ruộng chính-cống, vì tao-loạn mà lạc-lóng đến đất Sài-thành, bảy tám năm nay anh chọn nghề xích-lô đạp làm sinh-kế.

Mấy hôm nay anh buồn, buồn đến không thiết đạp xe đưa khách, dù đó là miếng sống. Anh lăm-lăm lì-lì suốt ngày. Thật nó nghịch « mười hai » với tánh thường ngày bô-lô ba-la của anh, mà mỗi khi ra vô đường hẻm, gặp ai anh cũng hỏi chào. Anh vui-vẻ với vợ, với con, với người lớn, luôn cả các em bé đang trũng-giống hay quây quần bày lon, giả đồ mua bán.

Trời ba mươi tối-om. Anh nằm lắc-lắc trên chiếc võng lác kéo-kẹt. Chị Mười thì lui-cui hâm cháo cho anh ăn thêm đề mau lại sức. Theo chị, có lẽ anh vì làm mệt nên trúng cảm gió.

Thằng con lớn thì đem vợ ra học và chỉ giúp đỡ kế. Hai đứa nhỏ còn lại cũng buồn hiu, nằm lăn-lăn một lúc thì ngủ vùi, chờ mẹ rảnh tay là đem vô mừng.

Ngọn đèn dầu lửa mập-mờ soi dòng chữ lạnh. Bóng anh, vợ anh, con anh, từng chỗ rung trên vách lá lạng-im. Không biết là lần thứ mấy, anh buông tiếng thở dài não-ruột.

Anh nhớ rõ lắm. Lúc đầu, anh không biết cái buồn tự đâu. Nhưng một hôm, lúc đang ngon trớn xe, anh bỗng thẳng mạnh, à lên một tiếng lớn. Xe ngạc-nhiên như người khách ngạc-nhiên. Rồi xe lại tiếp-tục chạy, nhưng anh thấy trong mình nhẹ-nhóm. Thì ra anh tìm được nguyên-nhân cái buồn.

Cái buồn này giống cái buồn lúc mới ra đi. Cái buồn này có từ lúc vợ chồng anh trở về quê, ăn thanh-minh và tảo-mộ mẹ già. Cái buồn này là cái buồn nhớ đất, nhớ vườn, nhớ gió, nhớ trăng, nhớ mạ xanh mùa nước, lúa vàng mùa khô, nhớ bà con, nhớ tình đồng-nội. Cái buồn này tưởng đã được đạp tắt trong không-khí nhộn-nhip của đô-thành, vùi-dập với thời-gian bảy tám năm qua, nào ngờ, chỉ một lần trở về, nó lại

Việt-nam khuyếch-trương kỹ-nghệ đồng hồ c^{ty}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

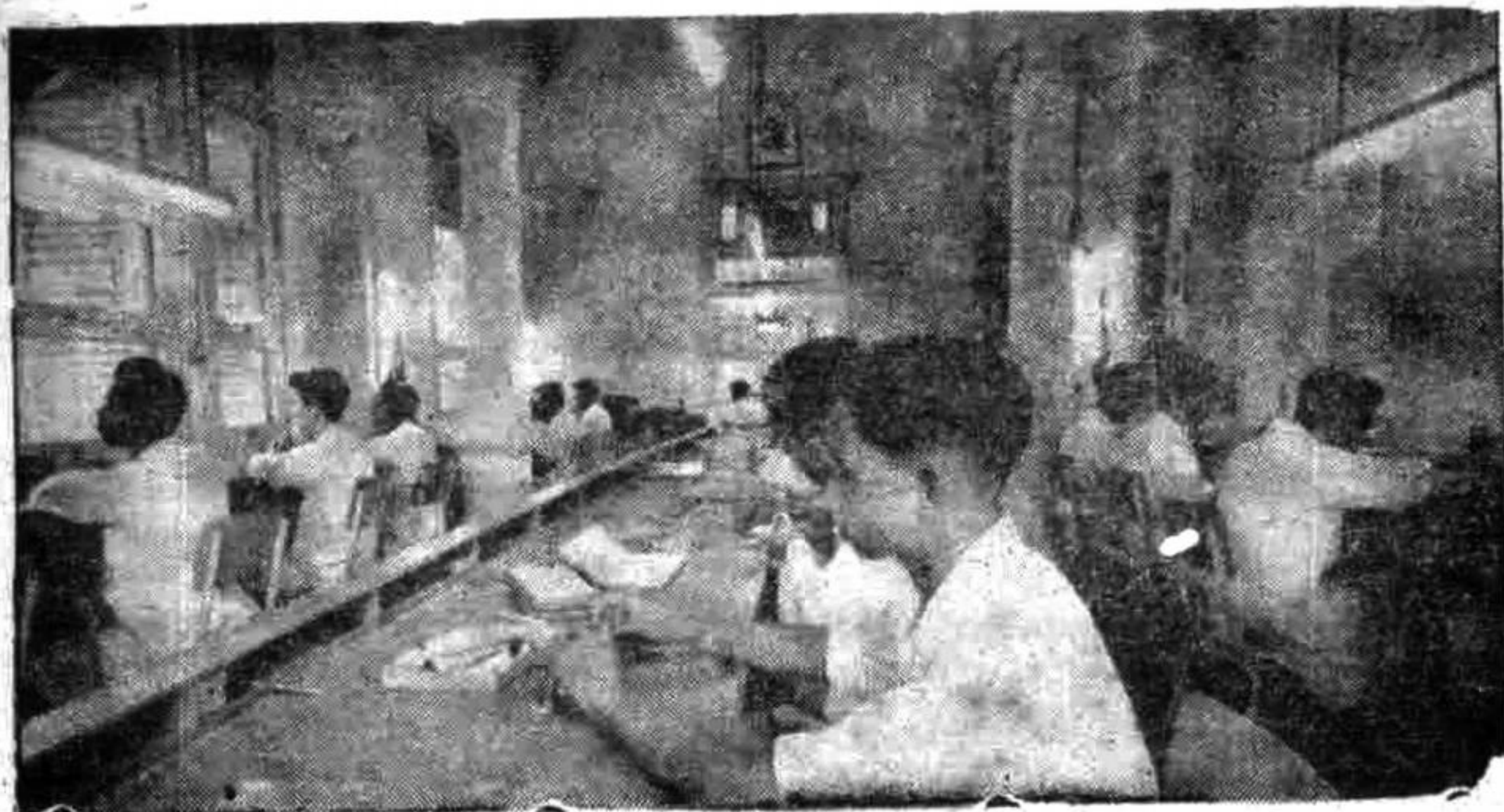
NGƯỜI VIỆT-NAM
DÙNG ĐỒNG - HỒ

VINA

Ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-Sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm.
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiều để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾCH-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ C^{TY}

Công - ty vô - danh vốn 12.000.000\$ VN

108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tín :

Cable address

VINAWA — SAIGON

vịt dầy, dầy-vò anh mãnh-liệt. Mà khi tìm được, anh lại phải rối trí vì phân-vân không biết ở chợ hay nên về đồng.

Đó là câu hỏi, là tâm-bịnh của anh Mười. Hai ý-tưởng, hai nguồn tình-cảm tiếp-tục cấu-xé lẫn nhau, khiến anh thấy đầu nặng, mình uể-oải, nhắm mắt nằm vùi như con bịnh liệt giường, liệt chiếu.

Không màng muối cắn, trời khuya, anh miên-man với cuốn phim dĩ-vãng...



Năm ấy, ở làng Thành-An, thuộc quận Mỏ-Cày, tỉnh Bến-Tre, có một thanh-niên nghèo, giỏi lao-động, sống hăm-hút với một mẹ già trong mái nhà giữa vườn dừa sai-oằn trái. Thanh-niên ấy lớn lên từ bị gọi thẳng đến được kêu anh, chú em, đến 1946 lại thêm được tiếng dương lúc vui duyên cầm-sắt. Anh ở trong vạn phát. Chị ở trong vạn cấy. Quen nhau trong tình lối xóm, thân nhau trong giọng hát câu hò, thương nhau trong giọt mồ-hôi đầm-đìa nhễ-nhại, một người mới-lái, một bữa cơm ngon, anh chị hiệp-tác, hẹn lời kim-cải. Tình anh chị giản-đơn như nắng sớm. Duyên-ấm, tình-nồng, lật-bật chỉ Mười hạ sanh một chú trai kháu-khinh, làm vui cửa, vui nhà. Đặc-biệt, mẹ anh mừng biết bao nhiêu.

Chiếm Bến-Tre, rồi Mỏ-Cày, Tây đóng đồn ở Giồng-keo, rồi mỗi ngày thả lính đi ruồng để chuẩn-bị đặt bót ở Thành-An. Mẹ anh giục vợ chồng anh bằng con tạm lánh. Riêng Bà phải ở lại coi cửa, coi nhà, chăn gà, chăn vịt. Theo Bà, trai thì sợ bắt lính, gái sợ hiệp-dâm, chớ Bà già cả rồi, Tây-tà chắc chẳng làm gì. Ngày đi, Bà cứ ôm cứng thằng

bé và dạn tới dạn lui, lâu-lâu phải lên đem về cho Bà nựng, Bà hôn.

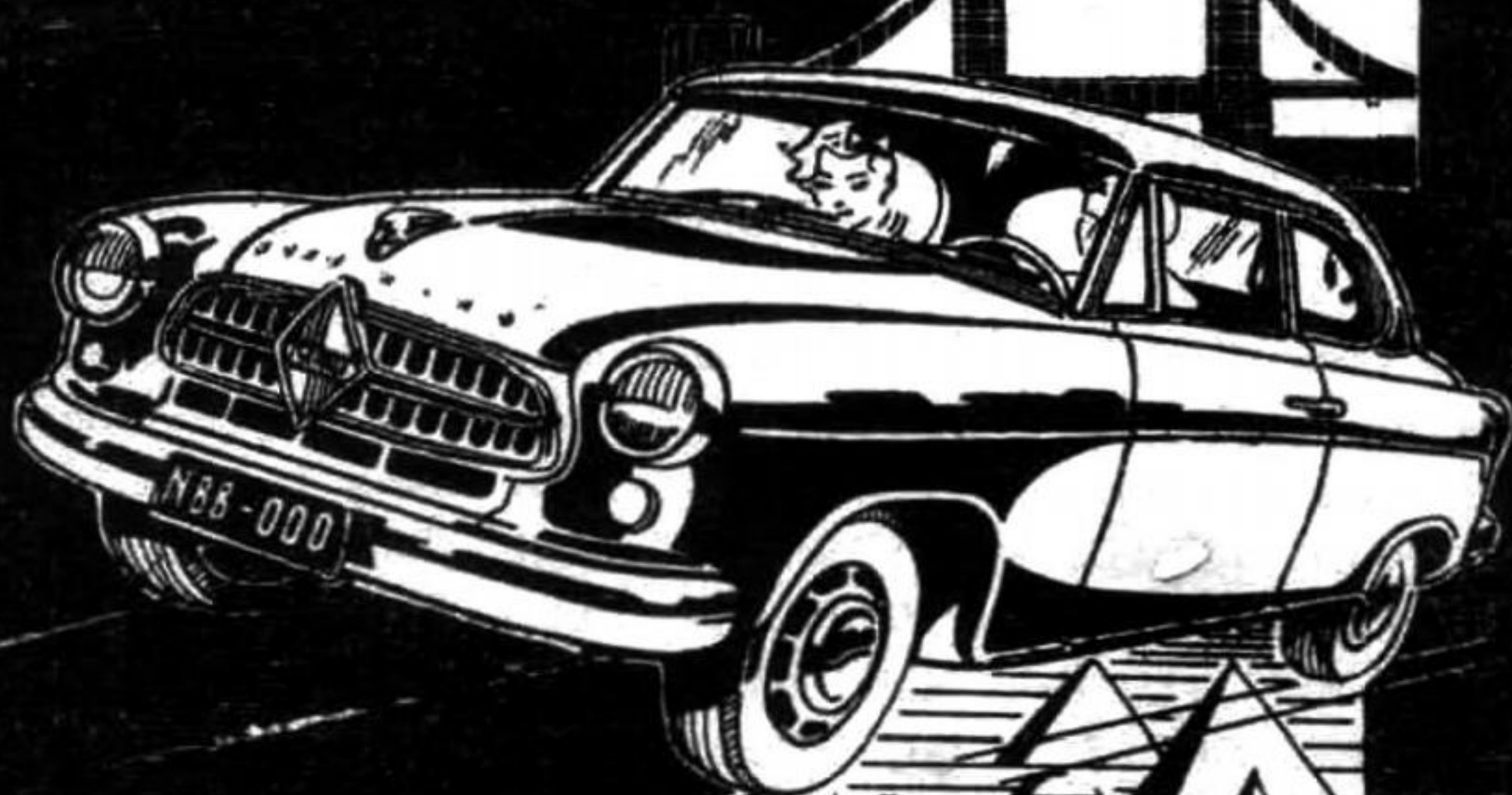
Ai ngờ, đi là đi biệt, ở là ở luôn. Một hôm, Tây vô bắt gà, bắn lạc đạn trúng Bà. Anh Mười lên trở về vào một đêm âm-u. Anh dờ chiều đắp mặt mẹ để ghi lại lần chót hình-ảnh thân-yêu dưới ánh đèn chập-chờn lạnh-lạnh. Nhờ sự trợ-lực của những người cùng xóm, anh đau-dớn vùi thân từ-mẫu không kèn, không trống, không khăn tang, lễ cúng. Nước mắt anh chưa khô mà từ-mẫu đã vùi nằm sâu dưới lớp đất dầy.

Thời-cuộc càng gặng. Theo chân một người quen biết, anh chị bỗng-bể con đến đất Sài-thành.

Lúc ấy, chỗ đất này hoang rậm cỏ cây. Anh chị che chòi tum-húm, diệt từ cọng cỏ, bồi từ cục đất, nướng-nấu cho qua ngày. Chao ôi! Ai có biết, dạo ấy anh gầy xòm, buồn không tả. Anh không buồn vì chọn nghề « ti-tiện ». Anh không buồn vì cảnh gia-đình vất-vả trong nhà lá thiếu trước hụt sau. Anh chỉ buồn một nỗi buồn lâng-lâng mà sâu-xa, man-mát mà thấm-thía, buồn... nhớ quê. Mỗi ngày, anh vọng về quê mà lòng quặn-thắt.

Nhưng rồi, mọi việc cũng dần qua. Cái ăn, cái mặc bám-víu vào tâm-não anh, trụ-cột một gia-đình nghèo. Anh vất-vả lắm mới tìm được nghề xích-lô đạp. Sáng đi, chiều về, rồi tối lại đi, anh quần-quật gần như suốt ngày đêm để lo miếng sống. Chị Mười lần-lượt sanh thêm. Cò càng sạch, đất càng bằng, gia-đình càng đông là trán anh càng răn-reo, miệng anh càng méo sẹo. Để vơi lòng thương nhớ,

BORGWARD



BORGWARD-SERVICE

GARAGE

SIT

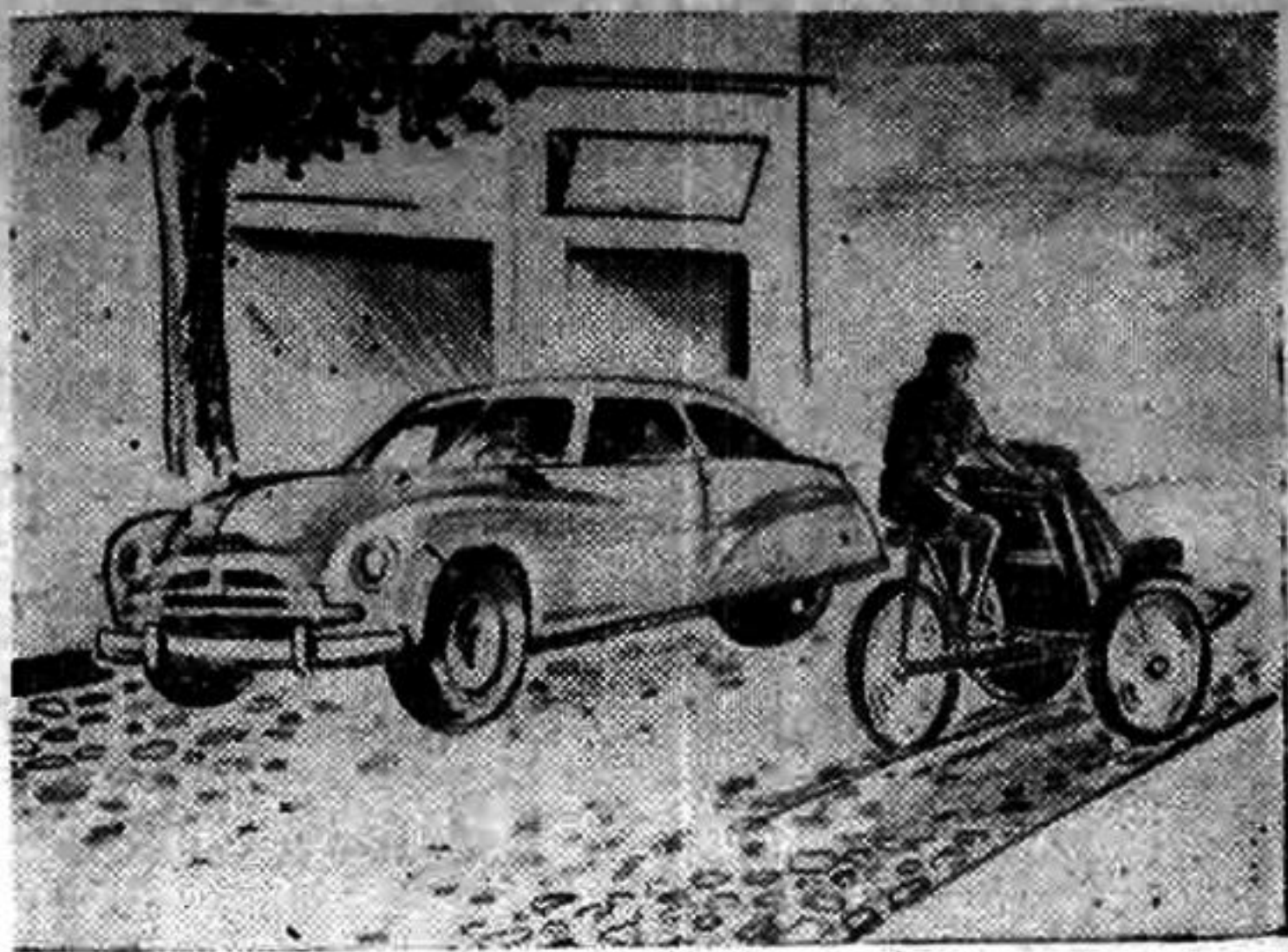
anh dọn thêm một miếng đất trồng, trồng ớt, trồng cà, một liếp rau cải, một hàng mía và mấy cây thu-đu theo kiểu dưới nhà. Anh vui lắm. Cái gì anh cũng tha-thứ được. Nhưng ai mà động đến các « vật quý » ấy thì bị anh rầy-rạc cho mà biết tay.

Thành-thị đã biến anh Mười « ngờ- ngờ ngáo-ngáo » ra anh Mười lẹ tay, lẹ miệng, giành lẫn cơm áo hằng ngày và đầy óc cơ-hội. Tuy-nhiên, anh vẫn được cái không chửi đồng, đưa khách theo giá vừa phải, tới nơi tới chốn cần-thận. Anh đã từng ngỡ-ngàng, sợ người, sợ xe, sợ cả con chó tây, nên đối với những đồng-bào ở quê ra tỉnh, « ngờ-ngần » như anh ngày xưa, anh giúp-dỡ tận-tình lắm. Anh không cần-nhân hoặc đòi tiền thêm khi họ nhờ đường mập-mờ, tìm nhà « ba trật, bốn vượt ».

Từng đạp xe lui tới trong thành phố, nhìn mọi người ken nhau chen đi, anh biết bước tình đời đô-thị : Ai cũng khoe giàu, khoe sang. Mạnh ai nấy đi, mạnh ai nấy sống. Kẻ thắng-lợi là lanh tay, lẹ mắt, dám vọt, nắm mọi cơ - hội để vượt xe tiến lên. Chần-chờ, nhút-nhát là thàm-bại, rơi dần, lạc-hậu.

Anh cố ôn lại, thử coi mấy năm nay, anh có gì thay-đổi. Anh có hiểu biết, lẹ-làng, dạn-dị hơn, đồng thời cũng già hơn. Cuộc đời đã đôi khi làm cho anh phải gian-ngoa nhiều. Có cái nghèo là vẫn thủy-chung bám riết vào anh.

À ! anh nhớ rõ, có một dạo anh trót



lầm-lỡ bạc-bài mà gia-dình anh suýt tan-nát. Lúc đã anh chơi thảy « bi », sau lại nặn bài ba-lá. Cái cờ-bạc mới khéo quuyến-rủ làm sao ! Lúc chập-chững biết chơi, anh được liền mỗi ngày, kéo dài gần suốt tháng. Tiền làm không cực thì xài-phí vô chừng. Tới lúc anh có thói-quen hoang-phí và lạm mấu cờ-bạc thì lại thua, thua liên-miên, thua đến vương nợ, để vợ đau, con nghỉ học. Cái ầu, cái « cầu-ầu » của người nghèo là thế ! Anh thất-thөө gần nửa năm để chữa bệnh « phung-phí » và tìm ra lẽ sống. Cũng may mà anh còn chút lương-tri.

Thành-phố dạo này ngày càng thêm đông, nhứt là lúc có đồng-bào Bắc di-cư vào. Anh tiếc « hùi-hụi » miếng rẫy con khi phải bỏ đi để nhường đất cất nhà cho người khác. Từ đó, anh tìm được nguồn vui khác. Anh vẫn thường bảo với vợ con: « Cái nghèo đã là cái vốn của mình rồi. Lo thì lo, song cũng phải coi việc tình - nghĩa của chòm-xóm là trọng ». Bấy giờ, xóm chưa có cầu tiêu công-cộng và máy nước. Anh vẽ

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

một cái mương lạn, làm đỡ một cái cầu tiêu hai chỗ ngồi. Lối xóm đỡ được cái nạn rầy-rà vì người ở nhà này phóng-uế ở nhà kia, lại càng mến anh thêm. Anh nhân đó, đề ra việc hùn tiền đào giếng nước. Anh hết gặp người này lại đến kẻ khác, khổ thân lắm, công-việc mới thành. Anh mừng vô kể.

Lâu lắm rồi, anh không được ai thăm-viếng. Anh cũng chẳng trách thói đời «bần cư náo-thị vô nhân văn». Anh cho rằng chiến-tranh đã làm cho anh bỏ đất, bỏ bà con, chớ nào có ai phụ-bạc anh đâu mà trách phiền cho cam. Với lại, ai biết hốc-hẻm này. Anh chỉ mong có dịp về quê.

Thế rồi, hoà-bình văn-hồi. Tuy nghèo, anh chị cũng sắm chút đỉnh lễ vật về cúng mộ. Từ Sài-gòn, anh chị đến Mỹ-Tho, Bến-Tre, đến chợ «xếp» rồi tất-tả đi bộ về nhà. Nắng trong, gió lướt nhẹ-nhàng trên rạ lúa vàng tươi biểu-thị một năm trúng mùa. Dừa hai bên đường, xoà-bẹ đong-đưa như chào hỏi vợ chồng anh. Anh hít mạnh, bước dài, mắt long-lanh một niềm vui không tả.

Đến đầu làng, gặp ai cũng tay bắt mặt mừng, tíu-tít hàn-huyên. Nhà anh giờ chỉ còn trơ nền hoang cỏ dại. Anh đứng lặng người chua-xót, rồi đến tạm ở bên nhà vợ, tảo mộ mẹ, viếng thăm thân-bằng quyến-thuộc. Bật tin mấy năm, ai cũng tưởng vợ chồng anh siêu-bạt xa lắm hoặc đã chết rồi. Nay gặp lại, bà con thật vồn-vã. Ai cũng hỏi thăm tình-cảnh, sanh sống của anh và chân-thành «rủ» về ở chung cho vui. Bà con giờ khá hơn trước, trẻ em lớn hơn xưa, cảnh-vật cũng thay-đổi nhiều. Thấy

cảnh cũ, nhớ người xưa, quanh đi quẩn lại, xét phận mình, anh ngậm-ngùi làm sao! Ngày ở Sài-gòn đi vui bao nhiêu hì ngày về, anh bịn-rịn bấy nhiêu!

Từ đó, anh buồn, buồn đến đau người.



Thấy anh nhắm mắt, nằm im, chị Mười tưởng chồng ngủ, nên vừa đem con vô mừng, vừa canh chừng nồi cháo cho thiệt như-rục.

Nghe anh thở hắt một hơi dài, chị lên tiếng :

— Mình còn thức đó hả mình ?

— Ờ, mà mình làm gì đó, ra đây, tôi bàn một chuyện.

Đợi cho chị ngồi yên, vặn đèn sáng hơn, anh nghiêm-trang :

— Mấy năm nay, ở trên này làm ăn không khá. Tôi định dọn về Thành-An, mình à! Mình tính thử coi lẽ nào ?

Đồng bịnh tương lân, chị Mười rất dễ đồng ý với chồng. Vì tuy không nói ra nhưng chị bao giờ cũng luyến-lưu hương-sắc ruộng vườn.

Anh chị đã bàn kỹ : khi về, sẽ cất nhà ở nền cũ, dựng mộ bia cho mẹ, cho con học ở trường Ba-Vát, xin thêm đất cấp đề làm.

Chị Mười chỉ còn mỗi cái thắc-mắc, chận hỏi :

— À, mình tính bao giờ đi ? Còn vụ cái giếng, cái nhà ?

— Tôi tính sáng mai kêu bán nhà. Hễ xong, là về liền. Còn cái giếng

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eaux de Cologne et Lotion

de

PREMIÈRE QUALITÉ



Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-đàn.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn - Phòng Công - Ty
135, Pasteur — SAIGON

thì để cho bà con xài. Ấu đó cũng là kỷ-niệm.

— Mình còn đau mà, biết dọn đồ đạc được không ?

— Ấy, tôi hết đau rồi. Tôi chỉ đau vì tính chuyện này không được. Nay mình tính giúp xong rồi thì cũng hết đau.

Chị Mười nguyệt yêu chồng :

— Vậy mà cũng làm cho người ta hết hồn. Mình ráng ăn chút dinh cháo cho mau lại sức nghe !

Trên bàn tròn, ngồi đối-diện dưới ánh đèn sáng, anh chị vừa húp cháo, vừa nhỏ to như hồi tuần trăng-mặt.



Năm hôm sau, vừa tờ-mờ sáng, nhà anh Mười rộn-rịp.

Anh chị dắt con đi từ-giã từng nhà, từng người.

Cảnh chia tay phớt lên mặt kẻ ở người đi một màn bịn-rịn, luyến-lưu.

Anh chị đi rồi mà trên nắp giếng nước, lối xóm còn chầm-nhum bàn chuyện mến-thương anh Mười Méo.

Tiết Thanh-minh 1957.

LÊ-VĂN

Cùng MAI-CHI, NGỌC-HIỆN,
KHẢI — Saigon

Đã nhận được thơ. Rất cảm ơn. Chưa có thể trả lời từng người một. Đã dời địa chỉ.

B. K.

★ Từ lý-thuyết đến thực-hành

Mirabeau, nhà hùng-biến đại-tài trong thời cách-mạng Pháp năm 1789 sau cuộc thành công đêm hôm 4 tháng 8, hàn-hoan khoe với một người bạn :

— Đêm nay mới thật là đêm ! Từ nay thời thế là hết lạm-dụng uy-quyền ! Hết tôn-ti trật-tự và bình-dẳng cho hết mọi người ! Quý-tộc, chức-tước đều phải cáo-chung.

Rồi cao-hứng, Mirabeau bảo người lão-bộc pha nước tắm. Người lão-bộc cũng cao-hứng, nhanh-nhau đáp :

— Dạ thưa ông Mirabeau, tôi xin rửa-soạn nước cho ông tắm tức-khắc.

Mirabeau nổi dóa, quay lại mắng người lão-bộc :

— Đồ ngu ! người dám gọi là « ông » sao ? Người nên nhớ, đối với người trước sau bao giờ ta cũng vẫn là Hầu-tước Mirabeau.

LAN TÌNH SỬ

MẶC-THU



GIÁP thu năm Thân, đất Tràng-An có mở hội Quàn-Lan. Trăm thức lan quý được hai người khách thương công - phu mang từ miền Thượng về trưng bày ngay tại lòng một thị-tứ đông - đảo bậc nhất.

Ngày hội lan, ngựa xe tấp-nập. Khách vương-tôn kéo đến thưởng lan đông đến nỗi phòng lan sặc-sụa hơi người. Những cảnh lan diễm-lệ đều héo rũ cả xuống.

Sau, nghe như nhờ được thuật nhỏ của một đạo-sĩ ân-ngụ tại mái Tây chùa Lê-tướng-Công mà hai người khách thương nọ hết bạc. Người ta tranh nhau mua lan dường như ai nấy đều đã biết rõ giá-trị tường-lận của từng thứ lan một. Có dò lan bán được tới giá: chục lạng vàng. Từ nhà quyền-quý đến kẻ nghèo-hèn đều có mua lan về treo làm cảnh.

Mái Đông chùa Lê - Tướng - Công có người học-trò nghèo họ Mạnh trọ học. Mạnh-Sinh nghe thiên-hạ đồn có hội-lan, cũng lật-đật tìm đến xem. Sinh vốn ưa

thích lan nên khi trông thấy nhiều giống lan quý, mê-mẩn quên cả về.

Trời đồ tối, khách thưởng lan ra về đã hết mà Sinh còn lần-quần chưa gỡ dứt đi. Người giữ phòng lan, cực chẳng đã phải giục Sinh về để đóng cửa.

Mạnh-Sinh sức tỉnh, lật-đật bước đi, chẳng may đề vạt áo đánh gãy một dò lan quý. Người giữ phòng lan nắm lấy áo Sinh xăm-xăm bắt đền. Sinh mướt mồ hôi trán chưa biết tính sao, thì một giai-nhân tuyệt đẹp, tuổi chừng 17, 18, tha-thuột từ góc phòng đi tới, bước chân êm nhẹ như gió thoảng.

Người đẹp mỉm cười, thản-nhiên lấy bạc đền giúp cho Sinh, rồi bước ra khỏi cửa không đợi Sinh kịp cảm ơn.

Mạnh-Sinh lật-đật đi theo. Nàng đi nhanh về phía bờ sông. Đợi đến chỗ vắng-vẻ, Sinh tiến lên cảm ơn, nàng e - lệ lấy vạt áo che mặt, gạt đi mà không nhận. Sau Sinh gắng hỏi tên, nàng mới xưng là: Trần-Xuân-Lan. Hỏi đến chỗ ở, nàng mỉm-cười quay mặt đi mà đáp :

— Cứ hỏi người hàng xóm họ Trọng thì biết ! Nói rồi lên chiếc kiệu nhỏ đi thẳng. Sinh không theo kịp ngo-ngần ra về. Từ đấy quên ăn, biếng ngủ, dần dần bụi phong, sách khô nét mực.

Một bữa Đạo-sĩ họ Trọng, từ mẹ Tây chùa có việc đi ngang thấy thảo-lư của Mạnh-Sinh vắng-lặng, ngạc-nhiên mà ghé vào thăm. Sau khi nghe tâm-sự của Sinh, đạo-sĩ vỗ mạnh vào vai Sinh cười lớn rồi hứa giúp.

Mạnh-Sinh khắp-khởi mừng thầm, ân-cần gượng ngồi dậy tạ ơn.

Bằng hăn đi một dạo, bỗng vào một đêm mà thiên-hạ đồn có sao Chổi hiện trên nền trời, đuôi dài hàng vạn dặm, Sinh nghe vắng có tiếng gọi lớn :

— Anh học trò mê gái đâu, trở dậy nhận lấy người cù, sao còn nằm khàn mãi đó !

Mạnh-Sinh mừng rỡ, gượng nghển cổ nhìn ra ngoài song thấy dưới ánh trăng rõ-ràng Đạo-Sĩ và cô gái yếu-khieu ngày nọ. Đạo-Sĩ nắm giải lưng cô gái cười cợt :

— Tục-lụy chưa dứt hay sao mà lại bỏ núi Bàn-Mé-Thạch về đây trêu người lương-thiện ?

Cô gái cũng cười, trách :

— Nào phải tại tôi ! Ông mãnh nổi khùng tự-nhiên lỗi cả trăm chị em người ta về bắt ra mắt thiên-hạ lại còn đồ cho tội quyến-rũ.

Đạo-sĩ đắc-chí vỗ bụng cười, bước đi, không quên dặn với :

— Trai tài, gái sắc, xâu đậm ân-tình, chớ quên cho già này uống rượu đầy nhé !

Mạnh-Sinh xốc áo trở dậy, căm-tức thói trai-lơ của lão Đạo-sĩ nhưng lại vội mừng được tái-ngộ giai-nhân.

Phòng vẫn vừa hé mở, cô gái nhẹ dón gót sen bước vào. Ngọn gió nửa đêm lùa theo lạnh ngắt.

Sinh ngẩn ra nhìn, bệnh tật như mây khói tan đi trong khoảnh-khắc.

Giai-nhân cúi đầu mỉm cười, lộ-lộ mặt hoa, thu-ba đưa đầy. Sinh càng trông càng mê-mẩn tâm-thần, sau không dần lòng nổi kéo xát nằng vào lòng.

Da thịt người đẹp thoảng bốc lên thơm ngát như có hương lan, mịn màng như lá nốn.

Giai-nhân nép má vào ngực Sinh, cười :

— Nào biết đầu chàng si-tình đến thế !

Đợi lúc nàng không đề ý Sinh kéo đại vạt xiêm lên thì thấy chân nàng nhỏ xinh tuyệt - mỹ, gót trắng muốt như búp lan.

Mạnh-Sinh lời-lả muốn làm chuyện nọ kia, nàng ngăn chẳng được, bèn e-thẹn quay mặt vào tường cầu-khẩn :

— Thiếp như cánh lan mỏng-mảnh, tự biết chịu không nổi một cơn mưa gió phũ-phàng. Chàng có thương hoa xin hãy vì thể - chất yếu-đuối của hoa mà gượng nhẹ cho ...

Trong lúc âu-yếm, miệng nàng thơm như có mùi hồng-phấn. Trời chưa kịp sáng nàng đã trở dậy vén xiêm, buộc áo toan đi.

Sinh nắm tay gặng hỏi ngày hội-ngộ, nàng buồn rầu đáp :

— Xin vào ngày này tháng sau !

Sinh muốn giữ lại một vài ngày, nàng lắc đầu :

— Ở đây khi-hậu ối bức, xe ngựa rộn-ràng, nấn-nà ở lại tránh sao khỏi hoa

tàn, nhị héo. Nếu muốn gặp nhau lần chót thì cứ hỏi đạo-sĩ sẽ biết nơi thiếp ở. Vì chẳng nỡ chơi hoa rồi phụ hoa thì xin đừng quên ngày ấy, tháng ấy ...

Nói rồi đây mạnh Sinh ngã xuống giường, lộn nhanh qua cửa.

Trời thực sáng, Mạnh-Sinh tỉnh dậy, còn bàng-hoàng như trong giấc chiêm-bao.

Ít lâu sau, nhằm tính đã tới ngày hẹn, Mạnh-Sinh được đạo-sĩ chỉ lối, lên đường tìm đến quăng giữa hai khoảng núi Di-Linh và Giã-Lai.

Đến đúng nơi hẹn, Sinh ngạc-nhiên thấy rất đông người không biết từ đâu đã kéo đến trước. Dụng-cụ làm rừng, vật-liệu dựng nhà ngồn-ngang, nghẽn cả lối đi.

Người nào người nấy đều có giăng hăm-hở.

Mạnh-Sinh vội tìm đến ngọn suối nơi đạo-sĩ đã chỉ, quả-nhiên thấy có ngôi nhà cỏ bỏ hoang, mặt đất ngập-ngụa lá rừng.

Sinh cười thầm đoán chừng cô gái lãng-mạn nọ có nhà ở đâu gần đó, không khỏi thầm khen nàng đã chọn được nơi hò-hẹn kín-đáo.

Sinh quét dọn gian nhà cho tạm sạch vừa xong thì trời sập tối. Thấp-thoáng từ xa đã thấy có bóng xiêm trắng loát thướt-tha đi tới. Quả-nhiên là Xuân-Lan.

Gặp Sinh nàng mừng rỡ hiện trên mặt. Trong câu chuyện nhớ-nhung, Sinh thấy nàng có giăng buồn-bã, gặng hỏi, nàng chỉ gượng cười mà gạt đi.

Một khắc đêm xuân, mây mưa chẳng dứt. Trong cơn ào-yếm không nỡ rời tay, Sinh vẫn cảm thấy có điều gì khác

thường, đượm màu ly-biệt.

Trời gần sáng, nàng vùng trở dậy, ôm Sinh hôn lia-lịa trên mặt. Nước mắt ràn-rụa mặt hoa, gợn xuống làm mặn chát cả làn môi của Mạnh-Sinh.

Đợi Sinh ngồi dậy, nàng xup lạy Sinh hai lạy rồi rung-rung nước mắt, kể lễ sự-tình :



— Duyên-kiếp đôi ta đến đây là hết. Nguyên thiếp là một dò lan mọc trong rừng này kể đã ngàn mùa xuân có lẽ. Bữa gặp chàng ở hội-lan, là bữa thiếp đưa tiễn hơn trăm chị em cùng loài lan khác, lia ngàn Bàn-Mê-Thạch về đô-thị. Thấy chàng phong-rạng tao-nhân, lại có

tình với lan quá nặng, thiếp mới cố ý dùng thuật mơn phồng ra ngọn gió làm gãy dò lan để kiếm cớ gặp chàng. Quả-nhiên được khách văn-nhân chẳng chê loài cỏ dại, đoái thương đến, lòng riêng thực đã thỏa.

Nhưng từ buổi gặp chàng, thiếp vốn đã biết mệnh thiếp chẳng được dài lâu, nên cố ý còn muốn gặp chàng lần chót. Sớm mai đây khu rừng này sẽ bị đốt cháy để dựng trại cho hàng ngàn di-dân miền Bắc đến ở.

Ngay chỗ đất chúng ta ngồi đây, rồi mai kia cũng không còn có dấu vết gì nữa. Tất cả sẽ được khai-phá thành nương, rẫy. Trên đó sẽ mọc lên những loài thảo-mộc cần hơn chúng thiếp, là những loài thảo-mộc nuôi nổi con người.

Thấy Sinh có chiều đau-đớn, tiếc rẻ, nàng mỉm cười :

— Chàng chớ nên tiếc ! không có cái gì vĩnh-cửu được trên trái đất này, trừ tình Yêu-Thương. Và chẳng mỗi một lần đổi thay lại là một bước đi tới. Không có cái gì đứng yên ở một chỗ nhất-định nào cả. Nhất là rồi đây với những vũ-khí mới, đồng-loại của chàng sẽ biến biết bao nhiêu nương dâu thành bãi biển mà, chẳng cần đợi tới định-kỳ...

Biết nàng thông việc Trời, Đất, Mạnh-Sinh ngập-ngừng muốn hỏi nàng về « cơ-hội » và luôn tiện than rằng mình không có « cơ-hội ». Nhưng ý chưa kịp lời, nàng đã thấu bụng Sinh mà đáp :

— Ý thành thì cơ-hội đến. Chưa thành ý thì dầu cơ-hội có đến cũng chỉ như hơi nước thoáng trên mặt gương, thấy mà không nắm được.

Thấy Sinh có vẻ thất-vọng, nàng tiếp lời :

— Cơ-hội không thiếu, chỉ ngại chàng không quyết. Ngay giữa lúc chàng tưởng mình không có cơ-hội, chính là chàng đương đi tới cơ-hội đó. Có cơ-hội lớn và cơ-hội nhỏ. Người nóng-nảy muốn mau có cơ-hội không thể nào chơi lan được. Hoa lan nở chỉ là cơ-hội nhỏ, đẹp đấy mà mau tàn. Người chơi lan nuôi dưỡng chí lớn, cũng như đợi chờ cơ-hội lớn, nào khác gì chăm sóc lan, không vì lan chưa nở hoa mà nóng-nảy. Nhưng không biết chàng hỏi cơ-hội nào, vì có cơ-hội để mưu lợi riêng cho mình và có cơ-hội để mưu việc chung cho đại-nghĩa ?

Thấy Sinh nín lặng, nàng ngẫm-ngĩ rồi nói :

— Đám người ngày mai đốt khu rừng này là những người biết mình phải làm gì và họ đã biết dùng cơ-hội của họ..

Sinh muốn lảng sang chuyện khác, nên cười hỏi về mình. Nàng nhìn vào mặt Sinh giây lâu rồi nghiêm mặt đáp :

— Chàng còn nhiều trọc-khí trong người, vẫn còn căm-thù kẻ thù của mình, vẫn còn oán-ghét kẻ làm hại mình, vẫn còn giận-hờn kẻ phản-bội mình thì chưa thể đương nổi việc lớn được...

Sinh nghe lời nói sỗ, tuy thấu suốt ruột gan mình, mà vẫn mịch lòng. Nàng biết ý phi cười nói đùa :

— Và nhất là thấy gái đẹp nào cũng vẫn mê thì làm sao bay bổng lên cao cho bằng chim Hồng, chim Hộc được !

Sinh quên giận cũng cười theo.

Nàng dặn Sinh :

— Ông đạo-sĩ họ Trọng có nhiều thuật lạ, chàng nên cẩn-thận kẻo có ngày bị ông lão dùng thuật « biến củi thành lan » mà trên cột đó !

Sinh hỏi chuyện đó ra sao, nàng kể :

— Có lần ông lão đùa chơi đem củi phù phép biến thành lan mang ra chợ bán. Thiên-hạ tưởng quý tranh nhau mua. Ông lão được uống bữa rượu say khướt. Có người cho đến bây giờ vẫn treo thứ « lan củi » của ông lão mà không biết là lan giả.

Hỏi về số-phận những loài lan trên miền thượng, nàng đáp :

— Sớm muộn rồi cũng như số-phận thiếp hôm nay. Đồng-loại của chàng cần sống, họ có sức mạnh ghè-gõm không gì cản nổi. Gia dĩ việc họ làm lại thuận lẽ trời, có sinh thì có hóa, khóc mướn thương vay nào có ích gì !

Hỏi về « lan đạo » nàng đáp :

— Có một văn-nhân họ Nguyễn, người ấy đương tìm tòi « lan đạo » đó. Cái thú chơi lan, trong lúc lặn lội tìm lan là lúc hưởng nhiều nhất, tìm thấy lan rồi thú đó giảm đi vài phần, và đến lúc mang được lan về nhà, lan nở hoa thì thú đó không còn nữa.

Câu chuyện đang đắm-thắm, từ thôn xa đã vọng lại tiếng gà giục sáng.

Nàng dửng-dăng nửa muốn ở, nửa muốn đi, sau ân-cần dặn Sinh :

Giờ vĩnh-biệt đã đến ! Nếu chàng không nở để cho thiếp chết thiêu trong ngọn lửa thì trước khi trời sáng xin lại đầu ngọn suối phía Bắc, tìm lấy dò lan trắng độc-nhất ở đấy. Trên cánh lan có ba chấm đỏ, đấy là thiếp trích lấy

máu trong tim thiếp để tạ lòng lang quân và dò lan ấy chính là thiếp đó, xin cho được theo về nương-náu bên chàng...

Sinh rớt nước mắt, ngậm-ngùi hỏi như vậy thì lan sống được bao lâu.

Nàng thờ dài đáp :

— Lan đã lìa rừng thì sớm muộn cũng có ngày tàn-tạ. Mệnh-ký dài vẫn còn trông ở chính người có lan. Chăm-sóc lan không thể giao-phó cho gia-nhân. Lan tươi tốt không phải nhờ ở bón tưới mà



chính là do ở tình của người có lan đối với lan vậy.

Bên ngoài có tiếng sồn-sao, Sinh nhìn ra thấy thấp-thoảng như có đám con gái đi qua. Nàng hốt-hoảng đứng lên :

— Thiếp phải đi kẻo không kịp chị em. Muôn ngàn lạy tạ tình-lang !

Nói rồi thoát ra cửa nhập vào đám đông mắt hút. Sinh bàng-hoàng ngo-ngẩn

chưa dứt thì đã nghe thấy tiếng reo hò xôn-xao phía lộ, kể thấy lửa bốc ngút trời, cây rừng đổ gãy rã-rãc.

Sực nhớ lời dặn, Sinh phóng chân nhằm phía Bắc chạy tới, quả-nhiên thấy có ngọn suối trong vắt và gần đó có dò lan thực đẹp bám vào một trạc cây cồ-thụ cao ngất. Sinh trèo lên gỡ dò lan xuống thì thấy rõ trên cánh lan trắng muốt có ba chấm đỏ như ba giọt máu tươi.

Mạnh-Sinh hết sức nâng-niu dò lan,

đem về xuôi, treo trên song cửa.

Đêm đêm Sinh đọc sách hương lan bay ra thơm ngát cả gian phòng.

Từ đấy Mạnh-Sinh đọc sách hiểu rõ hơn, nhìn việc đời thông suốt hơn, và những điều vui, mừng, hờn, giận thường tình đã lắng bớt đi nhiều. Giọng chàng ngâm thơ sang-sảng vang suốt mấy khu vườn, không còn nhiễm giọng bi-phẫn, yếm-thế như trước nữa. Duy chỉ còn cái tật mê gái đẹp thì vẫn không sao bỏ nổi.

MẶC-THU (1957)

★ Chết trong hơn sống đục

Conan Mériadéc, vua xứ Bretagne, một hôm đi tuần-tiêu bắt gặp giữa giòng suối đục-lầm và toàn quân thị-vệ, một con vật nhỏ, lông muốt trắng như tuyết. Con vật đi đi lại lại trên bờ suối, vươn cái mõm dài nhọn, vừa kêu lên những tiếng thảm-thiết, vừa rúc đầu vào đám lá sen, ra vẻ như tiến thoái lưỡng nan. Vua Conan, tưởng con vật bị thương với tay toan bắt. Có viên võ-quan hầu-cận thưa rằng :

— Con vật này là một giống chồn rất quý. Sở dĩ nó kêu rên thảm-thiết không phải là bởi nó bị thương, mà bởi nó là giống ưa ở sạch, sợ qua giòng suối đục sẽ dơ mất bộ lông. Nó đành chịu chết để giữ bộ lông sạch đó !

Vua Conan nhẹ nhẹ tiến lên. Con chồn ngược đôi mắt tuyệt-vọng nhìn nhà vua. Bị đặt giữa hai cái nguy bần dơ dưới suối và nhà vua, nó chọn cái nguy mà nó cho là ít hại hơn cả, nghĩa là cái nguy sa vào tay vua Conan. Vua Conan liền ôm lấy con chồn, nâng-niu âu-yếm, lấy vạt áo lau nơi lông ướt. Con vật tỏ vẻ biết ơn, từ đấy quần-quít bên chân nhà vua, không dời nửa bước. Khi nó chết, vua Conan sai thêu hình một con chồn trên cờ và trên áo nhà vua thường mặc, để ghi nhớ, với giòng chữ sau đây: *Chết trong hơn sống đục.*



Denis Frères

4, đường Tự-do — SAIGON

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐẨY CA - NỐT

WEST BEND

2-6-8-12 và 30 mã-lực



S.A.V.I.C.O.

Công-ty vô-danh thương-mại V.N.

Xuất-cảng — Nhập-cảng

41, Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-tín : VICOME



ĐẠI-LÝ:

- Vò xe « BRIDGESTONE »
- Bình điện « G. S. »
- Máy lạnh dùng vào kỹ-nghệ « SURERLY »
- Xe hơi các loại, hiệu « TOYOTA »

Vật-liệu Kim-khí — Vải, sợi — Xe gắn máy, phụ tùng xe hơi

XUẤT-CẢNG : Ngũ-cốc — Cao-su, v.v...

« BÁCH KHOA ĐỌC THAY CÁC BẠN »

Tinh-thần Nho-giáo và Tinh-thần Tây-học khác nhau thế nào ?

Trong một kỳ trước đây, ta đã có dịp nghe Trần-trọng-Kim luận về thống-hệ và phương - pháp của Nho-giáo. Kỳ này xin trích thêm một đoạn Trần tiên-sinh nói về tinh-thần Nho-giáo và tinh-thần Tây-học khác nhau như thế nào. Vấn-đề đã làm chày rất nhiều mực và vẫn còn gieo vào đầu óc chúng ta rất nhiều băn-khoăn, thắc-mắc.



VĂN-HÓA của Nho-giáo chủ ở sự theo thiên-lý mà lưu-hành, cốt giữ cái tình-cảm cho hậu, trong những điều đạo-đức, nhân-nghĩa, ưa cái tính chất-phác và những

việc giản-dị. Bởi thế cho nên cái tính-chất người mình hay trì-thủ, thích sự yên-lặng, chỉ vụ lấy được hòa-bình mà sinh-hoạt ở đời. Cái văn-hóa ấy rất thích - hợp với cái tính-tình của những dân-tộc chuyên nghề canh-nông như dân-tộc ta. Văn-hóa phương Tây chủ ở sự theo nhân-dục mà hành-động, cốt lấy sự mở-mang nhân-trí làm trọng, dùng lý-trí mà suy-xét mọi điều, để tìm cách ngăn-ngừa những cái thế-lực tự-nhiên, lập thành một sự sinh-hoạt rất hùng-cường. Bởi vậy các môn khoa-học rất thịnh-hành, nhân-dân chuộng những điều trí-xảo, số nhiều người tài-giỏi khôn-ngoa, mà ai cũng muốn sự hoạt-động mạnh-mẽ. Cái văn-hóa ấy thích-hợp với tính-tình của những dân-tộc chuyên về việc công-nghệ và việc thương-mại. Văn-hóa của Nho-giáo thì có thể làm cho đời người tuy không được rực-rỡ chói-lói cho lắm, nhưng thường làm cho người ta có cái sinh-thú rất hay. Văn-hóa phương-Tây thì làm thành cuộc đời rất mỹ-lệ, tài-trí đều mở-mang, cái gì cũng theo quy-củ xếp đặt thành ra cơ-thể chắc-

chắn vững-vàng. Nhưng cũng vì thế mà sự cần-dùng càng ngày càng thêm ra, sự cạnh tranh rất kịch-liệt, sự sinh-hoạt có lắm điều phiền-phức, nhân-sinh hình như lúc nào cũng chật-vật vất-và, không mấy khi trong bụng được nhàn-hạ thư-thái.

Hai cái văn-hóa ấy thật là tương-phản với nhau, và bên nào cũng có cái sở-trường và cái sở-đoan cả. Nhưng cái gốc thịnh-suy là bởi cái lối theo khác nhau. Người mình xưa kia chỉ biết trì-thủ một mặt đạo-đức mà không nghĩ đến sự tiến-thủ về đường trí-tuệ và khoa-học, thành-thủ lâu ngày cái tinh-thần hư-hỏng, đến nỗi cái sở-đoan không bỏ đi được, mà cái sở-trường cũng mất mòn đi. Người ta thì cứ gắng sức tiến-thủ về đường trí-tuệ, tuy có cái sở-đoan, nhưng cái sở-trường càng ngày càng tăng lên. Bởi đó mà thành ra cuộc ưu-thắng của người và cuộc liệt-bại của mình vậy. Giá sử nay ta biết hồi tỉnh lại, cố gây lấy cái sở-trường của người thì chắc có thể dần-dần gây nên cái tinh-thần tốt đẹp mạnh-mẽ, đủ làm cho ta cũng cường-thịnh được. Là vì một đường ta không bỏ mất cái căn-bản đã tạo-tác ra tâm-tính của ta, một đường ta lại học được thêm cái hay của người, để theo thời mà biến-đổi cho thích-hợp với cái lẽ đương-nhiên, như vậy thì dầu thế nào, cái kết-quả về sau cũng có phần hay được.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công-việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

NHẬT GIA

TỪ-VU

Bản dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC

TÓM TẮT NHỮNG KỶ TRƯỚC : Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu chung sống với nhau nhưng tư-tưởng bất đồng. Trung-Nhật chiến-tranh, họ phải tản-cư xuống Thượng-Hải và đã sang được một căn nhà. Tin quê nhà bị cướp phá không làm cho họ đòi nếp sống xưa là bài-bạc xa xỉ. Duy có Lâm tiên-sinh rất lo-lắng cho tương-lai vì tuy ông đã tìm được sở làm nhưng lương không đủ cho gia-đình chi-tiêu lãng-phí mà tiền mang theo đã gần cạn.

Vì cụ ông hiểu lắm Lâm tiên-sinh trong việc xử-dụng số tiền còn lại nên bắt đầu có sự lũng-cung trong gia-đình.

Hôm sau, Lâm tiên-sinh đi khỏi được một lát thì bà Hai cũng đi nốt. Bà đi tìm nhà, và đến chỗ bạn hữu đề nghe-ngóng công-việc. Lúc trở về nhà, ông Hai đã về trước rồi; ông đang ngồi ở khách-đường với Cụ ông, nên bà đi thẳng lên trên lầu.

Ông Hai đã đưa cho Cụ ông lập biên-lai ngoại-hối, tức là cả số tiền tám ngàn đồng bạc. Ông không quên thưa với Cụ, từ nay, ông không dính-dáng gì tới việc chi-tiêu và tiền-nong ở trong gia-đình nữa.

Cụ ông nhận các giấy má, Cụ không nói nửa lời. Ông Hai ngồi lại một lát, rồi ông cũng lên lầu. Bà Hai đã đợi ông ở cửa và hỏi ngay :

— Thế nào ? Cậu đã giao trả hết cho Cụ rồi chứ ?

Ông chỉ gật gật đầu. Rồi bà Hai nói với ông về việc đi thuê nhà. Bà nói :

— Thuê nhà, thiệt chẳng dễ-dàng gì ; ý em, em vẫn muốn thuê riêng hẳn lấy một cái nhà, nhưng chị Thoát-Mai, chị ấy có bảo em, chị có thể cho vợ chồng mình thuê lại một sở-phòng, nhưng những hai ngàn dính-phí, kia đấy.

— Hai ngàn đồng

— Vâng, đúng hai ngàn đồng, nhưng có cả bếp ; phòng-ốc lại rất sạch-sẽ, đẹp-đẽ ; em đã đi xem rồi ; tiền thuê hàng tháng lại rất hạ ; thế rồi ta sẽ đem chia ra, cho thuê lại ; như vậy, ta sẽ không phải mất tiền thuê hàng tháng !

Ông Hai không nói gì cả hình như ông đang nghĩ đi đằng khác.

— Ta phải quyết-định cho chong-chóng, đề sáng mai, em trả lời dứt-khoát cho người ta, mà dọn đi chứ... Cậu nghĩ thế nào ?

Ông vẫn lặng - thinh ; mãi một lát sau, ông mới nói :

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saïgon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại-diện các Ngân-Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoài Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

— Tuy em đấy, em làm thế nản đấy, thì làm.



Một đêm qua. Không có sự gì thay đổi. Sáng bữa sau, bà Hai đi trả tiền dinh-phí, nhưng một tuần-lễ nữa mới dọn lại được. Bà về nói cho ông rõ và họ bảo nhau chờ có nói hờ ra; để hai ngày trước khi dọn đi hãy nói.

Tuy Cụ ông đã giữ lấy số tiền tồn-khoản của gia-đình, nhưng Cụ muốn việc chi-tiêu, vẫn cứ để nguyên cho bà Hai liệu-lý. Bởi vậy, trong khi ăn cơm Cụ hỏi bà Hai, mỗi tháng, chi-tiêu các khoản hết bao nhiêu?

Bà Hai chỉ trả lời vắn-tắt có mỗi một câu:

— Thừa ba, hết độ ba trăm đồng.

Khi cơm nước xong-xuôi, Cụ Bà đem xuống ba trăm đồng giao cho bà Hai. Bà Hai nói:

— Thừa mẹ, mẹ đưa cả số tiền cho con làm gì, kia ạ? Thừa, cứ để mỗi ngày, dùng tới đâu, sẽ lấy tới đó...

Cụ Bà đáp:

— Không, mẹ cứ đưa cả cho con, cho nó tiện, chứ ai lại lấy hàng ngày bất tiện quá.

Nhưng bà Hai nhất-định không chịu nhận; mãi sau, bà chỉ cầm lấy có ba chục đồng thôi, bà nói:

— Thôi, con hãy xin lấy ba chục thôi, giữ nhiều tiền quá, con e-ngại lắm; để mấy bữa hết, con sẽ xin lấy thêm.

Bà đã rắp-tâm, ra ở riêng nay mai, kia mà. Với số tiền ba chục đó, chỉ để đi chợ mua ăn, thì ít ra cũng được đủ một tuần-lễ, vì quần áo, gạo, củi, đã có sẵn cả rồi.

Như vậy, Cụ bà đành phải cầm lấy số tiền còn dư.

Chính ra, bà Hai không muốn quản-lý gia-vụ nữa, nhưng, chỉ còn có một tuần thôi, bà sẽ dọn ra ở riêng, nên bà không muốn có sự tranh-biện lời-thôi làm gì, bà đành cứ phải tạm nhận vậy, cho yên chuyện.

Bà đem số tiền ba chục đó ra chi-tiêu tiền chợ hàng ngày.

Vừa đúng một tuần, thì cũng vừa hết tiền. Bữa đó là bữa thứ sáu, ông Hai mới đem câu chuyện vợ chồng xin ra ở riêng mà thưa với hai Cụ.

Cụ ông hỏi:

— Thế nào, con xin ra ở riêng à? Cụ thấy áy-náy trong lòng vì cụ không hề ngờ tới việc đó.

Cụ Bà hỏi bà Hai:

— Hai vợ chồng con định dọn ra ở riêng hay sao?

Ông Hai đỡ lời vợ mà nói với hai Cụ:

— Thừa ba, má, chúng con thấy nhà cửa chật-chội quá, nên chúng con muốn xin ba má dọn ra ở một nơi khác, để cho gia-đình được thư-phục hơn.

Cụ ông ngắt lời ông, Cụ bảo:

— Ở phân đôi ra, sự tốn-phí sẽ tăng lên, thì làm thế nào?

— Dạ, thưa ba, ấy cũng vì chúng con nhận thấy sự ăn-tiêu tốn quá, nên chúng con muốn ở riêng ra, để giảm bớt sự ăn-tiêu cho gia-đình...Nhà con nó sẽ đi dạy học...

Cụ Bà hỏi:

— Thế lũ trẻ con thì làm thế nào?

Cụ nghĩ ngay tới lũ cháu gái của cụ nước mắt bao giờ cũng chỉ chảy xuôi, mà lại.

Bà Hai đáp :

— Thưa má, chúng nó sẽ học ngay ở nơi con dạy ; như thế, con có thể luôn-luôn đề mắt tới chúng nó, mẹ đừng ngại.

Cụ ông bảo :

— Con đi dạy học thì cứ đi dạy học, nhưng việc gì phải dọn đi nơi khác.

Cụ e rằng, vì cái việc tiền nong dạo trước đây chẳng, nên cụ có ý giữ con và dâu lại.

Bà Hai đáp :

— Thưa ba má, cái nơi con dạy học cách nhà ta đây xa lắm, sự đi lại cho con và cho các cháu rất đổi vất-vả, ngày tạnh-ráo đã dành, nhưng, còn ngày mưa, ngày gió ; mới lại, công việc nhà trường rất nặng-nhọc, vì con vừa d y học lại vừa phải phụ-đảm một phần việc của chủ-nhiệm về giáo-vụ nữa.

Cụ ông kinh-dị hỏi :

— Thế các con đã tìm được chỗ ở rồi ư ?

Bà Hai đáp :

— Thưa ba đã ạ.

— Mỗi tháng bao nhiêu ?

— Thưa ba chục ạ.

Nhưng tất cả những cái gì bà Hai thưa với Cụ ông đều, hoặc ít, hoặc nhiều, không đúng sự thực. Bao nhiêu điều mà bà chỉ ước-dịnh thôi, bà đem phô-bầy như đã thành-tựu cả. Vì Cụ ông thấy hai vợ chồng con và dâu, có vẻ cương-quyết, nên Cụ cũng thôi, không nói gì nữa. Cụ Bà cũng có ý hỏi một vài câu, nhưng ông Hai đã đứng lên. Bà Hai thấy vậy nên muốn chấm dứt câu chuyện, bà quay ra, chợt trông thấy Tổ-Nhị ở lối cửa phòng, bà liền gọi : « Tổ-Nhị ! » rồi bà dắt tay đứa nhỏ đi lên trên lầu.

Cái không-khí của khách-dường trở thành buồn rứt, cả nhà ngồi im phăng-phắc. May sao, cậu Ba ở đâu về ; Cụ ông liền bảo với cậu :

— Anh chị Hai con xin dọn nhà.

— Thưa, dọn đi đâu, kia ạ ?

— Vợ chồng nhà nó xin ra ở riêng.

— Thưa, tại sao thế ạ ?

— Đâu, chị Hai con muốn đi dạy học, mà lũ trẻ con cũng cho học ngay ở nơi trường đó. Trường đó ở xa lắm, nên ở đây không tiện cho sự đi lại.

— Thưa, thế bao giờ dọn kia ạ ?

— Hoặc chiều mai, hoặc sáng ngày kia gì đó.

— Thế thì bây giờ đã phải thu xếp rồi còn gì.

— Đúng đấy !

Cụ cứ yên trí rằng thằng chú Ba sẽ có ý-kiến gì chẳng, nhưng, thằng chú Ba chẳng có ý-kiến gì cả. Dọn hay không dọn, cũng không sao đối với cậu. Cả nhà lại yên lặng.

Người đông, nhưng chẳng ai nói gì, hoàn-cảnh trở nên vắng lặng. Cậu Ba liền đề-nghị đánh bài cho đỡ buồn. Cậu nói thêm :

— Nếu anh chị dọn nhà nay, mai ta phải « xoa » một mẻ chứ.

Ông Hai không phản-đối, vì đây, chính là giải-pháp độc-nhất để phá-tan cái không-khí buồn-tẻ này. Có lẽ cả nhà cũng đều nghĩ như thế, nên chẳng một ai phản-đối.

Cậu Ba lấy bài, đồ ra bàn, rồi cho người vú lên lầu mời bà Hai xuống.

Như vậy, tiếng bài lách-cách, độp, chát, lại vang lên mà xung-phá cái bầu không-khí đầy buồn rầu, thăm-dạm này.

TỪ-VU

(Còn nữa)

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu.

RPM

**THE PREMIUM MOTOR OIL
H.D.**

« NÓI CÓ SÁCH, MÁCH CÓ CHỨNG »

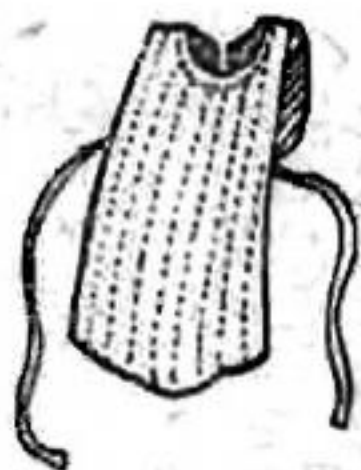
— Tiếp theo hai kỳ trước đã lục đăng kiểu y-phục cổ đàn ông và đàn bà, kỳ này, xin lục đăng kiểu y-phục trẻ em :

Bà Mỹ-Hưng — (Saigon)

Các kiểu y-phục cổ của trẻ em



áo



áo đơn giản



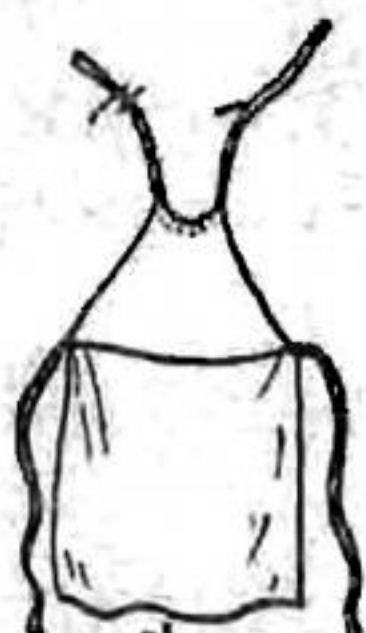
các thứ mũ



yếm giải



quần con trai



quần con gái

— Người ta thường nói những ngôi sao và mặt trời xa nhau quá sức tưởng-tượng không có nghĩa là không thể, vậy xin chỉ giúp một vài thí-dụ cụ-thể giúp cho chúng tôi tưởng-tượng được.

Bạn Hồng-Nguyên (Dalat)

THEO cuốn Thiên - văn (1) của ông Nguyễn-dương-Đôn thì :

Với con mắt không, chúng ta chỉ thấy năm hành - tinh thôi : Thủy - tinh (Mercure), Kim-tinh (Vénus), Hỏa-tinh (Mars), Mộc-tinh (Jupiter) và Thổ-tinh (Saturne). Phải dùng kính hay máy ảnh mới tìm ra được những hành-tinh khác. Trừ năm hành-tinh (Planètes) trên này, những ngôi sao chúng ta trông thấy đều là định-tinh cả (Étoiles).

Một ngôi sao (định-tinh) là một mặt trời khác chúng ta thấy chói sáng. Mặt trời là một ngôi sao trung-bình về kích-thước, khối-lượng (masse), cũng như về nhiệt-độ.

Vì ngôi sao xa-cách nhau vô chừng, dùng kilômét để tính khoảng cách ngôi sao không tiện. Nhưng nhà thiên-văn dùng quang-niên parsec.

Trong một giây, ánh-sáng tiến được 300.000 km. Ánh - sáng đi từ mặt trời đến quả đất, mất 8 phút 19 giây. Từ

mặt trời đến hành tinh Pluton, ánh sáng phải mất gần 5 giờ rưỡi.

Trong một năm, ánh sáng tiến được độ chừng 9 triệu-triệu kilômét. Khoảng dài ấy gọi là quang-niên hay là một năm ánh-sáng. (Đúng hơn, một quang-niên bằng 9.468 nghìn triệu kilômét). Một parsec bằng 3,3 quang-niên.

Đây là độ xa của vài ngôi sao :

— Wolf 424	3,65 quang-niên	
— Proxima Centauri (Chòm sao Nhân-mã)	4,27	—
— Alpha Centauri (Chòm sao Nhân-mã)	4,30	—
— Sirius (Sao Thiên-lang)	8,7	—
— Véga (Sao Chức-nữ)	26,3	—
— Aldébaran (Sao Tắt)	57,1	—
— Antarès (Sao Tâm)	361,8	—

Có vô số ngôi sao khác còn xa nhiều hơn nữa.

Sirius là sao sáng nhất trên trời. (Kim-tinh và Mộc-tinh sáng hơn ; nhưng đó là hai hành-tinh). Khi nào chúng ta ngắm sao Sirius, hình-ảnh chúng ta đang ngắm thật ra là hình-ảnh của ngôi sao ấy đã gần 9 năm về trước.

Một hình thu nhỏ sẽ giúp chúng ta dễ hình tượng kích-thước và khoảng cách những ngôi sao. Bây giờ ta ví mặt trời với một hạt nhỏ, đường kính 1 millimét. Ngôi sao gần nhất, Wolf, phải ví với một hạt khác cách hạt này đến 27 kilômét. Thu nhỏ thêm nữa, chúng ta có thể ví đám sao chúng ta thấy trên trời với một đám bụi rất thưa, những hạt bụi thì rất nhỏ, và trong số ấy, một hạt ví cho mặt trời.

1) Tam-quan xây trước cửa Chùa có ý nghĩa gì ?

2) Tam-giáo xưa là Nho, Phật, Lão, nay có thể là Công - giáo, Cao - Đài... được không ?

3) Đạo-gia, Am-dương-gia, Pháp-gia là gì ?

Cô Huỳnh-thị-ngọc-Anh (Sài-gòn)



1) **TAM-QUAN** xây trước cửa chùa có nghĩa là ba cửa nhà Phật.

Theo Phật - giáo người có tâm - đạo, khi đi qua ba cửa kia bỏ được ba điều : tham, sân, si thì lòng thanh-thoại và được vào ba cửa Phật. Ba đức Phật là :

- 1 — Phật-quá-khứ : đức Di-Đà
- 2 — Phật hiện-tại : đức Thích-Ca
- 3 — Phật vị-lai : đức Di-Lạc

Người nào không bỏ được ba điều xấu trên, lúc đi qua ba cửa kia tức là đi vào ba cửa dữ (tội-lỗi). Ba cửa dữ là :

- 1 — Địa-ngục
- 2 — Ngạ-quỷ (1 thứ quỷ đói)
- 3 — Súc-sanh.

2) Không được, vì ngày nay ba đạo Nho, Phật, Lão vẫn còn thì đâu có thể lấy tên chỉ ba đạo này đặt cho những đạo khác.

3) — **ĐẠO GIA** tín-đồ đạo Lão (taoiste)

— **ÂM DƯƠNG** : những người bói lá số tử-vi hay xem các vị tinh-tú quan-hệ đến ngày sanh tháng đẻ của mình mà đoán số mạng. Cũng như devin hay tireur d'horoscope của Tây vậy.

— **PHÁP GIA** : chỉ một học phái hồi xưa ở Trung-Hoa, chuyên nghiên-cứu về pháp-luật và hình-phạt. Chữ này cũng thường dùng để chỉ người chuyên tính về một thứ học-vấn.

« Cao-Biên dậy non », câu tục-ngữ này có nghĩa là gì, và tại sao lại có câu tục-ngữ đó ?

Em Quảng-Văn (Nha-Trang)

TRONG sách « Văn-minh Việt-Nam » ông Lê - văn - Siêu có giải - thích câu chuyện Cao-Biên dậy non như sau :

Nguyên Cao-Biên là một tay địa-lý tài. Khi qua nước ta làm Thái-thú thì có nhận ra thấy nhiều huyết đất phát để - vương có thể sau này có hại lớn cho Trung-Quốc. Ông ta bèn tìm cách đề trừ-ếm. Các sách địa-lý có kể rõ.

Bữa đó ông tìm thấy cái đất phục-sinh, nghĩa là cái đất mà khi chết đem chôn xuống thì 100 ngày sau sẽ sống lại và sống mãi mãi không bao giờ chết nữa.

Ông bèn nằm xuống huyết ấy và sau khi hô âm-bình và cúng vái đàng-hoàng, ông đưa cho bà hàng nước bên cạnh một trăm nén hương và nhờ mỗi ngày thắp một nén, khi hết thì bà gọi dậy.

Không dè bà cho ông hàng xóm vay

một nén, chả hiểu đề cúng vái hay làm gì đó, mà bà quên đi.

Đến khi thấy thắp hết thì bà yên trí là đủ trăm ngày rồi, nên bà đánh thức Cao-Biên dậy.

Ông ta dậy, nhưng vì còn mất một ngày nên người bước lão-đào không vững.

Từ đó mà có câu : lầy-bầy như Cao-Biên dậy non.

Xin chỉ cho biết những triệu - chứng quan-trọng của bệnh lao.

Bạn VĂN-THƯ (Nam-Vang)

BẠN nên đề ý đến những triệu-chứng quan-trọng sau đây : Mất sức, yếu người, mất ăn vô cớ, mồ hôi đêm, nóng buổi chiều, ồm, ho và khạc ra máu.

Nhưng bạn đừng quá tin ở nhiệt-độ, vì có khi ho lao mà không có nóng ; có khi nóng mà không phải ho lao. Thường-lệ bệnh-nhơn lao đều ồm, ít khi có vẻ mập-mạp hồng-hào. Máu của họ khạc ra ban đầu đỏ tươi, có bọt, lẫn lẫn mấy ngày sau lại thấy đen đóng cục.

☆ **GIỮA** quá-khứ đây kỷ-niệm, và tương-lai đây hy-vọng, có hiện-tại chông-chặt nhiệm-vụ.

gariel PAULAU

☆ **NGƯỜI** quân-tử chỉ cốt suy nghĩ định-liệu công việc của mình, lúc chưa làm được thì vui rằng mình đã có ý-định làm, lúc đã được thì lại vui rằng mình có trí làm được việc. Thế cho nên người quân-tử có cái vui thú suốt đời, không có cái lo sợ một ngày nào cả.

THUYẾT-UYÊN

Chân nghĩa « TÔN - QUÂN »

Trong cuốn sách thuật tiều-sứ La-Sơn phu-tử Nguyễn-Thiếp, ông Hoàng-Xuân-Hân có cắt nghĩa cái cử-chỉ của phu-tử khi bỏ nhà Lê mà giúp vua Quang-Trung, cái cử-chỉ bấy giờ làm cho nhiều người không hiểu và thất-vọng.

Lời giải-thích của ông Hân biện-bạch cho phu-tử có nhiều điều rất xác-đáng, chúng tôi trích ở dưới đây để công-hiến bạn đọc một đề tài suy-nghĩ.



ÚC gặp Nguyễn-Huệ, sao (La-Sơn) phu-tử không bắt-chước các bậc tiết-nghĩa xưa, như Nguyễn-Thái-Bạt nhò vào mặt Mạc - Đãng-Dung rồi đập đầu vào đá mà chết. Hoặ như Hoàng-Ngạn-Trung... bị Mạc đòi ra làm quan bèn trảm mình tử-tiết; hoặ như ông tham-tri chính-sự Nguyễn - Huy-Trạc, vừa mới bị triệu ra giúp Tây-Sơn, đã uống thuốc độc cho khỏi nhục thân?

Thật ra chính phu-tử đã hiểu thấu đạo trung-dung của Khổng-Giáo. Những hành - động của các người tử-tiết rất đáng kính, đáng tôn. Nhưng đó là huyết-dũng, theo lời sách « Trung-dung » :

« Lấy độ-lượng để dạy người, dầu
« người vô đạo mình cũng làm ngơ,
« là một thứ dũng, dũng người phương
« Nam mà quân-tử theo... Lấn vào nơi giáo
« mạc, chết cũng không nản, đó là một

« thứ dũng, dũng của người phương Bắc
« mà kẻ mạnh - bạo theo. Quân-tử theo
« dũng phương Nam mà không theo
« dũng phương Bắc. Quân-tử cứ vừa-
« chừng mà không theo người thường
« cân - bằng mà không mếch vào bên
« nào cả. Lúc nước có đạo thịnh
« không thay chí cũ, lúc nước không
« đạo thì dầu đến chết cũng không đổi
« chí mình. Đó mới thật là cường...»

Lúc ban đầu, phu-tử ở Tây-Sơn là quân cường-bạo, nên không chịu giúp. Sau nghĩ rằng Tây-Sơn có thể lập lại ngôi Lê, nên phu-tử chịu ra yết-kiến Chính-Bình-vương và khuyên bảo vương nên giữ lời hứa giúp vua Lê. Đến lúc phu-tử thấy vua Chiêu-Thống không biết tự-lập, để cho họ Trịnh lại về chuyên-quyền mà rồi cuộc lại đem quân ngoại-quốc về lấy nước nhà, thì tuy rằng lòng tôn-quân không đổi, nhưng chắc phu-tử nghĩ rằng vua đã trái với thiên-mệnh, cho

nên phu-tử chịu gặp mặt Quang-Trung và bài mưu-lược đánh quân Thanh.

Đời xưa, vì vua Trụ nhà Hạ làm trái đạo Trời, cho nên kẻ bầy tôi là vua Thang nhà Ân dứt đi, rồi lên ngôi thiên-tử; thánh-nhân cho thế là thuận đạo. Đến lúc nhà Ân cũng làm trái đạo Trời như nhà Hạ trước, vua Văn-Vương nhà Chu lại dứt đi mà thay ở ngôi thiên-tử; thánh-nhân cũng cho đó là phải đạo. Xem vậy, thấy rằng theo Khổng-giáo, đạo quân - thần không

phải chật-hẹp như người chính-trị hiền. Theo đạo Khổng thì vua là con Trời, nghĩa là người mà Trời đã giao cho cái quyền trị các chúng - nhân. Đã có quyền thì phải có trách-nhiệm. Muốn làm trọn nhiệm-vụ của mình thì phải có các đức - tính: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đến lúc thiên-tử không đủ các đức-tính ấy, phải biết tự-tu, tự-hối để cho xứng đáng chức-vụ. Nếu vua không biết hối-quá, Trời sẽ thu lại chủ-quyền mà trao cho kẻ xứng đáng hơn.

★ Một cách giáo-hóa của Khổng-Tử.

NGƯỜI đất Hồ-Hương nổi tiếng là « nghịch », rất khó lấy lời cảm-hoá. Có một tên Đồng-tử đất ấy đến yết-kiến Khổng-Tử để xin theo học. Các đệ-tử tỏ ý nghi-ngờ, Khổng-Tử liền nói:

— Người ta có lòng trong sạch đến với mình, mình cũng lấy lòng trong sạch mà thâu-nhận lấy, chớ mình không bảo-lĩnh dĩ vãng của người. Hơn nữa ngày nay người đến với mình thì mình thâu nhận, chớ mình không bảo-lĩnh khi người ta thôi không ở với mình nữa. Chỉ có vậy thôi; hà tất phải nghiêm-khắc quá làm gì!

NHỮNG người lười biếng, khinh mạn, mỗi năm một tuổi, mỗi tuổi một kém, thành ra con người khô héo, vẫn thở dài than trong chỗ xó nhà, bấy giờ mới hối thì sao còn kịp nữa.

GIA-CÁT-LƯỢNG

HẾT thầy mọi việc, việc gì cũng có tình-hình thực-sự. Làm thì làm thực-sự, chớ ọ ọ hư-danh.

KHUYẾT-DUNG

« SỰ AN NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

135 Bến Chương Dương — Saigon

Điện Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERAL FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
HONGKONG — TANANARIVE

SỮA ((HAI CON BÒ))



Được

Viện PASTEUR

SAIGON

chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bỏ cho trẻ em dùng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR: TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

91020102

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Lundi, Jeudi, Samedi

BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi

VIENTIANE — HONGKONG : Mardi

HONGKONG — VIENTIANE : Mercredi

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur

STRATOLINER

Jeudi et Samedi

par Douglas DC 3

Mardi et Dimanche

VIENTIANE-XIENGKHOUANG : Lundi, Mercredi, Vendredi

VIENTIANE — LUANGPRABANG — LUONG NAM THA —

MUONGSING : Lundi, Mercredi, Vendredi.

Renseignements et Réservations

65, rue Lê-Thành-Tôn — SAIGON — Tél : 22.102



Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

với phân THẦN-NÔNG

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TON-THAT-DAM
(Ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithel Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543
B.P. 127

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
**CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN

TĂNG-VĂN-CHỈ

ĐỖ-TRỌNG-CHU

LÊ-THÀNH-CƯỜNG

TRẦN-LƯU-DY

LÊ-PHÁT-ĐẠT

NGUYỄN-VĂN-ĐẠT

NGUYỄN-LÊ-GIANG

PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO

NGUYỄN-HỮU-HẠNH

LÊ-VĂN-HOÀNG

NGUYỄN-VĂN-KHẢI

PHẠM-DUY-LÂN

NGUYỄN-QUANG-LÊ

TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ

DƯƠNG-CHÍ-SANH

NGUYỄN-HUY-THANH

BÙI-KIẾN-THÀNH

HOÀNG-KHẮC-THÀNH

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÙI-VĂN-THỊNH

NGUYỄN-TẤN-THỊNH

VŨ-NGỌC-TIẾN

VÕ-THU-TỊNH

NGUYỄN-TẤN-TRUNG

PHẠM-KIM-TƯƠNG

HOÀNG-MINH-TUYNH

BÙI-CÔNG-VĂN